

EF EPI

Chỉ số Thông thạo Anh ngữ

HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI:

EFSET

Bài kiểm tra Anh ngữ
tiêu chuẩn EF

Xem trang 5



NỘI DUNG

03	Tóm tắt tổng quan
05	Hướng tới tương lai: Những đột phá trong đánh giá năng lực ngôn ngữ
07	Bảng xếp hạng Chỉ số Thông thạo Anh ngữ EF EPI 2015
09	Thông tin về các Khu vực và Quốc gia
11	Châu Âu
25	Châu Á
35	Châu Mỹ Latinh
45	Trung Đông và Bắc Phi (MENA)
53	Tiếng Anh, Kinh tế và Chất lượng cuộc sống
55	Tiếng Anh và Sự đổi mới
57	Tiếng Anh và Sự kết nối
60	Kết luận
61	Phụ lục A: Giới thiệu về Báo cáo EF EPI
63	Phụ lục B: Điểm số EF EPI của các quốc gia
65	Phụ lục C: Năng lực ngôn ngữ và các cấp độ của khung tiêu chuẩn chung châu Âu
66	Phụ lục D: Nguồn tham khảo

TÓM TẮT TỔNG QUAN

Tới năm 2015, tiếng Anh đã được công nhận rộng rãi như một ngôn ngữ quốc tế chính. Tiếng Anh ngày càng được xem như một kỹ năng cơ bản đối với mọi học viên trong mọi hệ thống giáo dục. Rất ít quốc gia còn tiếp tục tranh cãi về việc có nên dạy tiếng Anh hay không. Thay vào đó, những thảo luận về việc giảng dạy tiếng Anh trong các trường công lập tập trung vào loại hình tiếng Anh nào được dạy, cách thức đánh giá và mức độ giáo dục cần thiết. Trong môi trường giáo dục thường xuyên và chuyên nghiệp, nơi thời gian và chi phí được cân nhắc thận trọng hơn, những người trưởng thành học tiếng Anh như một phương tiện cần thiết.

Vị thế của tiếng Anh ngày nay khiến nó khác biệt với các ngoại ngữ khác. Ở các quốc gia phát triển, các nhà giáo dục và nhà hoạch định chính sách ngày càng tích cực thảo luận về việc liệu “Tiếng Anh là đủ hay không”, và nếu không thì cần hỗ trợ gì cho các ngôn ngữ quốc gia và quốc tế khác trong chương trình học. Tại các nước đang phát triển, tiếng Anh thường được gắn với các mục tiêu phát triển, sự tăng trưởng của ngành dịch vụ và kết nối mạnh mẽ hơn với phần còn lại của thế giới. Mỗi quốc gia tiếp cận những vấn đề này với góc nhìn riêng về lịch sử, bối cảnh ngôn ngữ trong nước và các đối tác kinh tế của họ.

Các quốc gia đang dần từ bỏ quan điểm cho rằng tiếng Anh là mối đe dọa đối với văn hóa quốc gia. Tuy nhiên sẽ còn rất nhiều thứ cần thay đổi để Anh ngữ có thể phát huy tối đa tiềm năng của nó trong việc giúp kết nối mọi người với nhau, truyền bá thông tin và thúc đẩy sự trao đổi. Chúng tôi tin rằng thay đổi quan trọng nhất cần có là hướng tới các phương pháp giảng dạy giao tiếp. Ở rất nhiều quốc gia cả giàu và nghèo, tiếng Anh vẫn được giảng dạy mà thiếu đi sự chú trọng vào tính ứng dụng thực tế của nó. Chừng nào giáo viên tiếng Anh còn chưa giảng dạy các công cụ giao tiếp, các quốc gia và cá nhân sẽ chưa được hưởng trọn vẹn lợi ích của một ngôn ngữ toàn cầu.

Ấn bản thứ năm về Chỉ số Thông thạo Anh ngữ của EF (EF EPI) xếp hạng tổng cộng 70 quốc gia và vùng lãnh thổ dựa trên dữ liệu kiểm tra của trên 910.000 người trưởng thành đã làm các bài kiểm tra tiếng Anh trực tuyến của chúng tôi trong năm 2014. Ấn bản này tiếp tục theo dõi sự thay đổi về mức độ thông thạo tiếng Anh với cái nhìn về quá trình 8 năm vừa qua.

Trong ấn bản thứ năm này, yếu tố khu vực vẫn là công cụ ước đoán hữu hiệu nhất nhất về trình độ tiếng Anh. Hiệu ứng "lân cận" này đặc biệt mạnh mẽ ở các vùng của châu Âu, châu Mỹ Latinh, và Trung Đông. Mức độ thông thạo tiếng Anh không có thay đổi đột biến, nhưng trong báo cáo chỉ số lần thứ năm này, chúng tôi có thể xác nhận các xu hướng phát triển, trì trệ và suy giảm đã hình thành trong các báo cáo trước. Chúng tôi thấy rằng:

- Mức độ thông thạo tiếng Anh trung bình của người trưởng thành trên thế giới đã tăng nhẹ kể từ năm trước, nhưng sự thay đổi này không hề đồng đều giữa các quốc gia, khu vực và nhóm tuổi. Nhiều quốc gia không có sự thay đổi đáng kể, và một vài nước còn sụt giảm.
- Sự chênh lệch giữa các nước có Mức độ thông thạo: Cao nhất và thấp nhất đã tăng lên, với quốc gia có thứ hạng cao nhất là Thụy Điển đạt điểm số cao hơn 33 điểm so với Li-bi ở vị trí cuối bảng.
- Xét trên toàn thế giới, mức độ thông thạo tiếng Anh đạt cao nhất ở thanh niên lứa tuổi 18-20. Tuy nhiên trên phạm vi toàn cầu, sự khác biệt về trình độ tiếng Anh giữa các nhóm tuổi là rất nhỏ đối với những người trưởng thành dưới 30 tuổi. Ở quy mô quốc gia, đây lại là một câu chuyện khác với một số nước có sự chênh lệch thế hệ rõ rệt trong khi các nước khác gần như không có.
- Xét trên phạm vi toàn cầu, nữ giới nói tiếng Anh tốt hơn nam giới ở tất cả các khu vực điều tra và tại hầu như tất cả các nước. Khác biệt về khả năng sử dụng tiếng Anh giữa nam và nữ là lớn nhất tại Đông Âu, Trung Đông và Bắc Mỹ, và hầu như không xuất hiện tại các quốc gia có Mức độ thông thạo: Rất cao ở Bắc Âu.
- Châu Âu tiếp tục thống lĩnh bảng xếp hạng với những quốc gia đạt mức thông thạo cao nhất. Vùng Bắc và Trung Âu là đặc biệt nổi bật và vị trí của

họ đã được củng cố thêm trong vòng 5 năm qua. Nước Pháp đứng tách biệt trong châu Âu do có mức độ thông thạo tiếng Anh thấp.

- Châu Á có sự phân hóa cao về trình độ tiếng Anh, với ba quốc gia có Mức độ thông thạo: Cao cũng như một vài nước ở mức thấp nhất. Đây là khu vực đông dân cư vượt trội trong bảng xếp hạng nên sự phân hóa này là có thể dự đoán được.
- Châu Mỹ Latinh tiếp tục là khu vực có Mức độ thông thạo: Thấp, tuy nhiên trình độ trung bình đã được cải thiện. Năm nay là lần đầu tiên chỉ có ba quốc gia tại châu Mỹ Latinh rơi vào mức độ thành thạo thấp nhất.
- Khu vực Trung Đông và Bắc Phi (MENA) có trình độ tiếng Anh rất yếu và là khu vực duy nhất có mức độ thông thạo tiếng Anh sụt giảm ở người trưởng thành. Khác với những khu vực khác, những người trên 40 tuổi tại đây có mức độ thông thạo tiếng Anh cao nhất.
- Mặc dù có sự thay đổi về thứ hạng mỗi năm, trình độ tiếng Anh và thu nhập, kết nối Internet, nghiên cứu khoa học và một loạt các chỉ số khác vẫn tiếp tục có mối tương quan mạnh mẽ và ổn định qua thời gian.

HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI: NHỮNG ĐỘT PHÁ TRONG ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGÔN NGỮ

Mỗi quan tâm đến chỉ số EF EPI tăng lên đáng kể từ khi được chính thức giới thiệu năm 2011, chúng tôi nhận thấy nhu cầu ngày càng cao về một phương pháp kiểm tra tiếng Anh hiệu quả, tiết kiệm, thuận tiện và đáng tin cậy cho các cá nhân, nhân viên cấp cao và các nhà lập chính sách. Hiện nay, các bài kiểm tra tiếng Anh theo tiêu chuẩn như Cambridge English FCE, TOEFL, TOEIC và IELTS đều có chất lượng cao nhưng chi phí đắt đỏ.

Hàng triệu thí sinh tham dự các kì thi của Cambridge English FCE, TOEFL, TOEIC, và IELTS hàng năm chỉ chiếm một phần nhỏ trong số gần hai tỉ học viên tiếng Anh. Những học viên này, cùng những tổ chức, công ty và chính phủ, tới nay chưa tiếp cận được với những kỳ thi tiếng Anh theo tiêu chuẩn chất lượng cao với giá cả hợp lý.

Kết quả là, chúng tôi đã xây dựng bài thi Tiếng Anh theo Tiêu chuẩn EF (EFSET). Được cung cấp hoàn toàn miễn phí và đạt tiêu chuẩn như các bài kiểm tra quốc tế thông dụng khác, EFSET được xây dựng dựa trên nền tảng của các nghiên cứu và phân tích có cơ sở. Các đề mục kiểm tra đã được soạn thảo bởi những chuyên gia soạn bài thi giàu kinh nghiệm, được rà soát cẩn thận bởi một nhóm những nhà chuyên môn và được thí điểm trên rất nhiều đối tượng học viên khác nhau trong hệ thống giáo dục ngôn ngữ. Kết quả dữ liệu kiểm tra sau đó được phân tích bởi các nhà tâm lý trắc học và các nhà xây dựng bài thi trước khi được hiệu chỉnh để đưa vào trong bài kiểm tra EFSET.

Để giúp các bài kiểm tra tiếng Anh chất lượng cao có thể đến được với tất cả học viên, các bài kiểm tra EFSET miễn phí được cung cấp trên trang web www.efset.org. Kết quả EFSET sẽ được sử dụng trong các phiên bản sắp tới của EF EPI và sẽ giúp hoàn thiện báo cáo chỉ số EF EPI như một tiêu chuẩn quốc tế về sử dụng thông thạo tiếng Anh ở đối tượng người trưởng thành.



EF STANDARD ENGLISH TEST

THAM GIA EF EPI

LÀM BÀI KIỂM TRA EFSET MIỄN PHÍ TẠI [EFSET.ORG](https://efset.org)



BẢNG XẾP HẠNG CHỈ SỐ THÔNG THẠO ANH NGỮ EF EPI 2015

CÁC MỨC ĐỘ THÔNG THẠO

- Rất cao
- Cao
- Trung bình
- Thấp
- Rất thấp

RẤT CAO

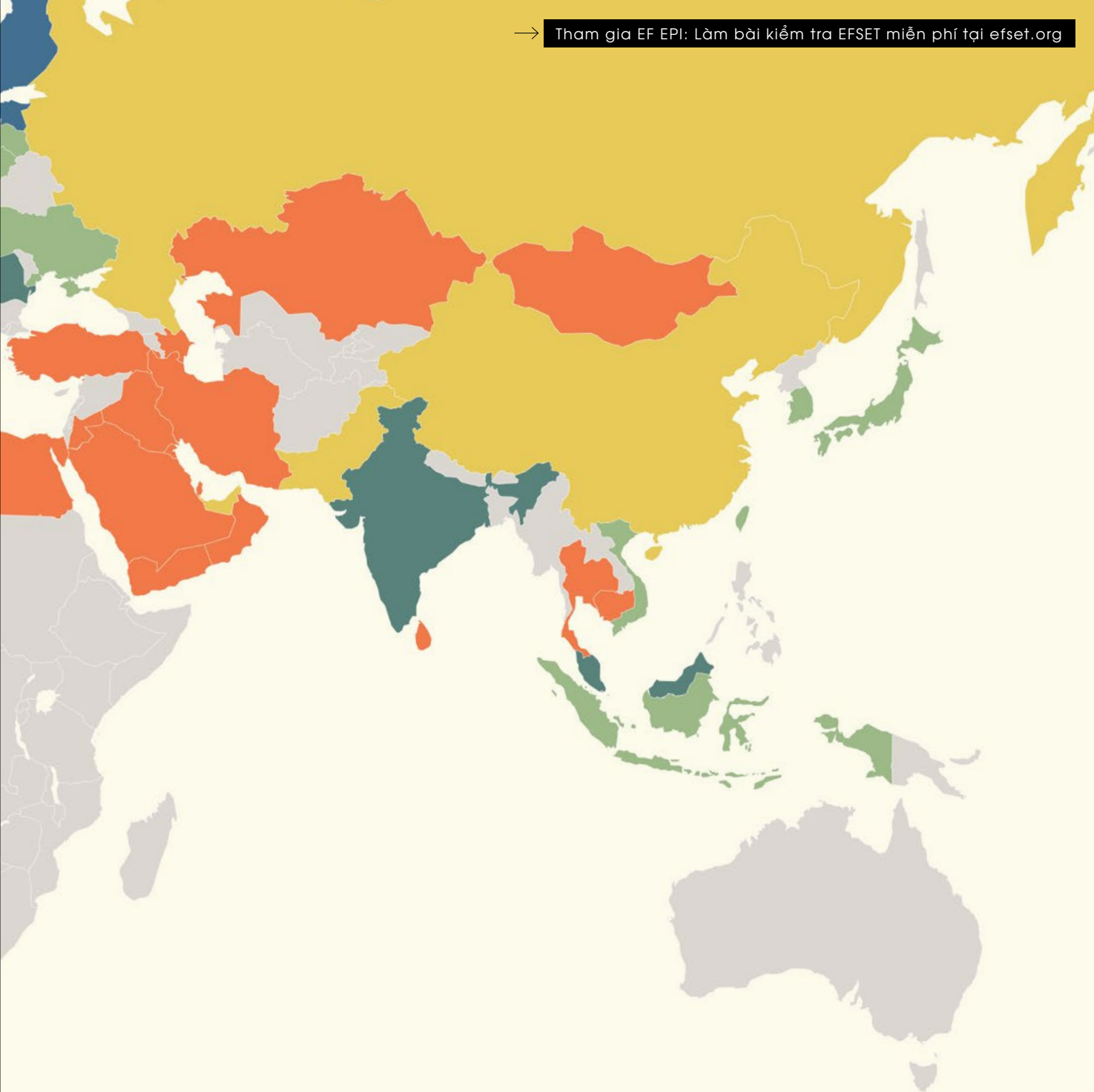
01	Thụy Điển	70,94
02	Hà Lan	70,58
03	Đan Mạch	70,05
04	Na Uy	67,83
05	Phần Lan	65,32
06	Xiô-ven-ni-a	64,97
07	E-xtô-ni-a	63,73
08	Lúc-xăm-bua	63,45
09	Ba Lan	62,95

CAO

10	Áo	61,97
11	Đức	61,83
12	Xinh-ga-po	61,08
13	Bồ Đào Nha	60,61
14	Ma-lai-xi-a	60,30
15	Ác-hen-ti-na	60,26
16	Ru-ma-ni	59,69
17	Bỉ	59,13
18	Cộng hòa Séc	59,01
19	Thụy Sĩ	58,43
20	Ấn Độ	58,21
21	Hung-ga-ri	57,90

TRUNG BÌNH

22	Lát-vi-a	57,16
23	Tây Ban Nha	56,80
24	Cộng hòa Đô-mi-ni-ca	56,71
25	Xiô-va-ki-a	56,34
26	Lit-va	55,08
27	Hàn Quốc	54,52
28	Ý	54,02
29	Việt Nam	53,81
30	Nhật Bản	53,57
31	Đài Loan	53,18
32	In-đô-nê-xi-a	52,91
33	Hồng Kông	52,70
34	U-crai-na	52,61



THẤP

35	Pê-ru	52,46
36	Chi-lê	51,88
37	Pháp	51,84
38	Ê-cu-a-đo	51,67
39	Nga	51,59
40	Mê-hi-cô	51,34
41	Bra-xin	51,05
42	Các tiểu VG Ả Rập TN	50,87
43	Cốt-xta Ri-ca	50,53
44	U-ru-goay	50,25
45	Pa-ki-xtan	49,96
46	Goa-tê-ma-la	49,67
47	Trung Quốc	49,41
48	Pa-na-ma	48,77

RẤT THẤP

49	Xri Lan-ca	47,89
50	Thổ Nhĩ Kỳ	47,62
51	Y-ê-men	47,60
52	Ma-rốc	47,40
53	Gioóc-đa-ni	47,33
54	Ca-dắc-xtan	47,04
55	Hy Lạp	46,73
56	I-ran	46,59
57	Cô-lôm-bi-a	46,54
58	Ô-man	46,34
59	Vê-nê-xu-ê-la	46,14
60	A-déc-bai-dan	46,12

61	En Xan-va-đo	45,52
62	Thái Lan	45,35
63	Ca-ta	43,72
64	Mông Cổ	43,64
65	Cô-oét	42,65
66	I-rắc	40,69
67	An-giê-ri	40,34
68	Ả Rập Xê-út	39,93
69	Cam-pu-chia	39,15
70	Li-bi	37,86

THÔNG TIN VỀ CÁC KHU VỰC VÀ QUỐC GIA

Ở phần tiếp theo, các phân tích khu vực cho thấy các xu hướng lịch sử và hiện tại trong việc học tiếng Anh. Thông tin sơ lược về các quốc gia cung cấp các dữ kiện và số liệu giúp minh họa về tình hình học tiếng Anh tại từng nước. Các dữ liệu cấp quốc gia hiện có tại www.ef.com/epi.



HƯỚNG DẪN VỀ THÔNG TIN QUỐC GIA

TÊN QUỐC GIA

Mức độ thông thạo: Trung bình
ĐIỂM SỐ EF EPI: 52.50

#Thứ hạng trên 70 quốc gia

1	 Thay đổi so với năm trước	+3.13 ↑
2	 Điểm số TOEFL/IELTS	85; Không có
3	 Số năm đào tạo trung bình	9.8
4	 Chi tiêu giáo dục	19.2%
5	 GNI bình quân đầu người	21,060 đô la Mỹ
6	 Dân số	17,363,894
7	 Mức độ sử dụng Internet	66.5%
8	 Ngôn ngữ	Tiếng Tây Ban Nha (chính thức) 99.5%, Tiếng Anh 10.2%, tiếng bản địa (gồm có Mapudungun, Aymara, Quechua, Rapa Nui) 1%, khác 2.3%

- 1 Sự thay đổi về điểm số EF EPI là so sánh với ấn bản năm trước với dữ liệu lấy từ năm 2013. Bất kỳ thay đổi nào lớn hơn hoặc bằng 2,0 điểm (↑↓) thể hiện một sự dịch chuyển đáng kể về mức độ thông thạo tiếng Anh. Bất kỳ thay đổi nào nhỏ hơn 2 điểm (↗↘) thể hiện một sự biến động nhẹ. Mức thay đổi bình quân toàn cầu so với năm trước là **+1.45**, với biên độ từ **-4.10** (Ca-ta) đến **+5.07** (Pa-na-ma).

2 69 quốc gia có điểm TOEFL 2013 với kết quả từ **61** (Ả Rập Xê-út) đến **100** (Áo). 29 quốc gia có điểm IELTS General Training trung bình 2013 với biên độ từ **4.3** (Ả Rập Xê-út) đến **7.3** (Xinh-ga-po).

3 Số năm đào tạo trung bình là "số năm đi học trung bình của người dân từ 25 tuổi trở lên, được chuyển đổi từ mức độ học vấn của những người từ 25 tuổi trở lên dựa vào thời gian đào tạo chính thức của mỗi cấp độ. Mức trung vị 2013 của các quốc gia tham gia EF EPI là **9.2** năm với biên độ từ **2.5** (Y-ê-men) đến **12.9** (Đức).

4 Các số liệu của Ngân hàng Thế giới thể hiện tỷ lệ phần trăm tổng chi tiêu chính phủ dành cho giáo dục. Tỷ lệ trung bình toàn cầu đối với các nước tham gia EF EPI từ 2010-2013 là **14.0%** với biên độ từ **7.3%** (A-déc-bai-dan) đến **31.3%** (Thái Lan).
- 5 Tổng thu nhập quốc dân (GNI) bình quân đầu người được tính dựa trên sức mua tương đương được chuyển đổi sang tiền tệ quốc tế. Một đơn vị tiền tệ quốc tế có sức mua tương đương với một đô la Mỹ tại Mỹ. Mức trung bình toàn cầu của các quốc gia EF EPI khảo sát là **27,845 đô la Mỹ** với biên độ từ **2,890 đô la Mỹ** (Cam-pu-chia) đến **128,530 đô la Mỹ** (Ca-ta).

6 Dân số là yếu tố có biên độ lớn nhất từ Lúc-xăm-bua với **520,672** người đến Trung Quốc với **1.36 tỷ người**. Các số liệu của 2014 được lấy từ tài liệu CIA Thế giới Factbook (Dữ liệu thế giới của CIA).

7 Mức độ sử dụng Internet cho biết tỷ lệ dân số của quốc gia có kết nối Internet. Kết quả trung bình toàn cầu 2014 của các quốc gia EF EPI khảo sát là **56.8%** với biên độ từ **6.0%** (Cam-pu-chia) đến **95.1%** (Na Uy).

8 Được tổng hợp từ tài liệu CIA World Factbook, mục này cho thấy các ngôn ngữ được sử dụng ở một quốc gia theo thứ tự từ phổ biến nhất đến ít phổ biến nhất, đôi khi có cả tỷ lệ người nói từng thứ tiếng.

CHÂU ÂU

EF EPI TRUNG BÌNH: 55,65
DÂN SỐ: 710.379.745
GNI BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI: 29.891 đô la Mỹ

MỨC ĐỘ THÔNG THẠO

- Rất cao
- Cao
- Trung bình
- Thấp
- Rất thấp



CHÂU ÂU ƯU TIÊN CHO TIẾNG ANH VÀ CHỦ NGHĨA ĐA NGÔN NGỮ

Châu Âu có mức độ thông thạo Anh ngữ cao hơn bất kỳ khu vực nào trên thế giới. Liên minh châu Âu công khai khuyến khích "nền giáo dục đa ngôn ngữ và đa văn hóa" tại tất cả các nước thành viên. Những chính sách này sử dụng nhiều đòn bẩy với mục tiêu mở rộng kho tàng ngôn ngữ châu Âu sang nhiều ngôn ngữ với mỗi ngôn ngữ có mức độ và loại hình thành thạo khác nhau.

TÂY ÂU TỎA SÁNG

Xét trung bình thì Tây Âu có mức độ thông thạo tiếng Anh cao hơn các vùng khác của châu Âu. Mặc dù có những khác biệt trong chính sách giáo dục ngoại ngữ trong 50 năm qua, chúng tôi nhận thấy sự phân hóa trình độ tiếng Anh diễn ra rõ rệt trên khắp châu Âu hơn là sự phân cách Đông-Tây.

Việc thu thập dữ liệu và trao đổi kinh nghiệm trong giáo dục ngôn ngữ ở các cấp độ khu vực, quốc gia và quốc tế là một điểm mạnh đáng chú ý của châu Âu. Những nỗ lực của Hội đồng châu Âu trong công cuộc này đã giúp các nước quan sát và học hỏi lẫn nhau. Mặc dù vẫn còn việc cần làm, xét tổng thể châu Âu đang có vị thế tốt để hưởng lợi từ sự kết nối và giao lưu mà một ngôn ngữ chung mang lại.

SỨC MẠNH Ở MIỀN BẮC

Những người trưởng thành ở Bắc Âu có các kỹ năng Anh ngữ tốt đáng kinh ngạc so với những người nói tiếng Anh không phải bản xứ khác. Đan Mạch, Hà Lan, Na Uy và Thụy Điển đều được xếp vào top năm quốc gia đứng đầu trong mọi báo cáo EF EPI. Ết-xtô-ni-a và Phần Lan cũng luôn đạt kết quả cao. Trái ngược với hầu hết các nơi trên thế giới, nam giới tại phần lớn Bắc Âu có trình độ tiếng Anh không thua kém nữ giới. Tuy nhiên có một lo ngại rằng mặc dù tiếng Anh giao tiếp là phổ biến và được tiếp xúc hàng ngày, nhiều học sinh không phát triển được tiếng Anh học thuật đến mức độ có thể theo học đại học bằng ngôn ngữ này.

Một vài quốc gia đã thực hiện những cải cách gần đây để ngăn chặn "hiệu ứng trần" này. Tiếng Anh có một vị thế đặc biệt ở các nước đó như một môn học bắt buộc đối với mọi học sinh. Những nỗ lực hiện nay tập trung vào việc đa dạng hóa vốn ngôn ngữ của con người vượt khỏi tiếng Anh, đồng thời tôn trọng sự đa dạng ngôn ngữ sẵn có.

TIẾNG ANH VÀ TIẾNG ĐỨC SONG HÀNH

Các nước nói tiếng Đức tại Trung Âu khác biệt ở chỗ họ có trình độ tiếng Anh ở nhóm tuổi 18-20 cao hơn hẳn các nhóm tuổi khác. Kỹ năng tiếng Anh của

những sinh viên mới tốt nghiệp tại Áo, Đức và Thụy Sĩ cho thấy việc giảng dạy tiếng Anh tại các nước này hiện nay là hiệu quả hơn so với trước đó. Mặc dù Mức độ thông thạo: Trung bình của người trưởng thành ở các nước này chỉ thay đổi nhẹ, sự nổi bật tại nhóm người trưởng thành trẻ nhất là một dấu hiệu tích cực cho tương lai.

Ba Lan có một hệ thống giáo dục hiệu quả như thể hiện trong nghiên cứu PISA về khả năng toán học, đọc hiểu và khoa học của OECD. Nước này có số lượng người trưởng thành ở độ tuổi 30-34 có bằng đại học tăng gấp ba lần kể từ năm 2002. Tiếng Anh và tiếng Đức là hai ngoại ngữ chính tại các trường học ở nước này với khoảng hai phần ba số học sinh học tiếng Anh đầu tiên và một phần ba chọn bắt đầu với tiếng Đức. Gần như mọi học sinh tại Ba Lan đã học cả hai ngôn ngữ này trước khi tốt nghiệp phổ thông.

CHỦ NGHĨA ĐA NGÔN NGỮ TRONG THỰC TẾ

Một số nước châu Âu với mức độ thông thạo Anh ngữ cao sử dụng hơn một ngôn ngữ chính thức. Bỉ, Luc-xăm-bua và Thụy Sĩ là những ví dụ điển hình về cách thức một nền giáo dục có thể ví dụ điển hình vốn ngôn ngữ của mỗi học sinh trong vòng một thập kỷ hoặc hơn. Những mô hình này giúp học sinh xây dựng một loạt các kỹ năng cũng như sự thông thạo nhiều ngôn ngữ bao gồm tiếng mẹ đẻ và tiếng Anh, tiếng Anh và các ngoại ngữ khác. Thiết kế một chương trình học đa ngôn ngữ đòi hỏi sự thảo luận và đồng thuận về vai trò của mỗi ngôn ngữ, những kỹ năng cần thành thạo và cách thức xây dựng những kỹ năng đó một cách kịp thời.

BA NỀN KINH TẾ LỚN TỤT LẠI

Bức tranh về mức độ thông thạo Anh ngữ tại Tây Âu không phải chỉ có màu hồng. Ba trên bốn quốc gia không nói tiếng Anh lớn nhất châu lục đang ở dưới mức trung bình của Liên minh châu Âu. Trong khi Tây Ban Nha và Ý đều đã có một số cải thiện trong 8 năm vừa qua, Pháp vẫn giữ kết quả kém. Thực tế nước Pháp tụt lại sau các nước láng giềng đến mức trình độ Anh ngữ của họ đang tương đồng với

những quốc gia ở rìa châu Âu. Dù do sự né tránh mang tính văn hóa với tiếng Anh hay thiếu khả năng cải cách nền giáo dục, Pháp vẫn đang đi theo một quỹ đạo khác so với các nước láng giềng.

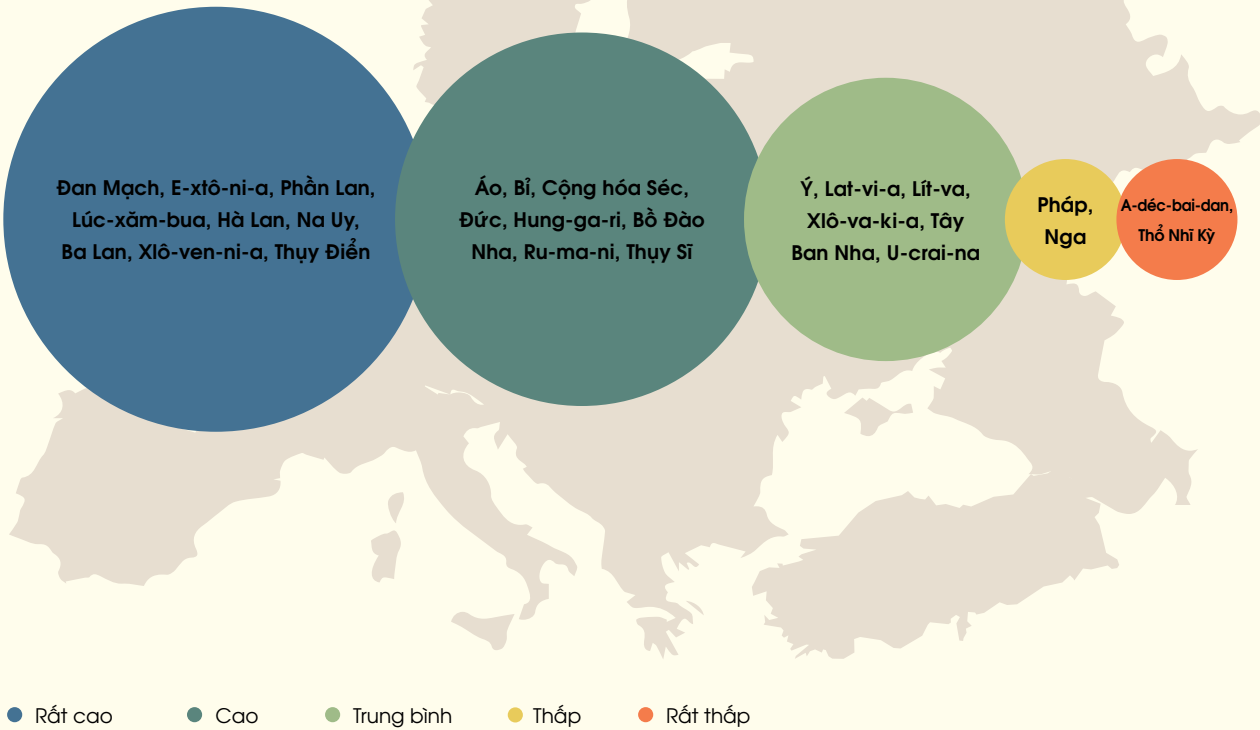
ĐIỂM YẾU Ở RÌA CHÂU LỤC

Nga và U-crai-na cũng có mức độ thông thạo Anh ngữ thấp hơn mức trung bình của châu Âu. Đây là những quốc gia rất lớn với hệ thống giáo dục phi tập trung và sự đa dạng ngôn ngữ cao. Tương tự như thế, những người trưởng thành ở Thổ Nhĩ Kỳ và A-déc-bai-dan cũng kém tiếng Anh hơn nhiều so với các nước khác ở châu Âu. A-déc-bai-dan được đưa vào bảng xếp hạng lần đầu tiên vào năm nay, tuy nhiên mức độ thông thạo của Thổ Nhĩ Kỳ đã sụt giảm dần từ năm 2012. Tại Thổ Nhĩ Kỳ, việc giảng dạy tiếng Anh tập trung nhiều vào ngữ pháp với một chương trình học lặp đi lặp lại và rất ít phương pháp giảng dạy giao tiếp. Sự nhấn mạnh vào ngữ pháp và ghi nhớ này làm nản lòng học sinh, những người đã tự đánh giá mức độ thành thạo tiếng Anh của mình thấp hơn sau mỗi năm mặc dù được giảng dạy thêm hàng trăm giờ. Tuy nhiên Thổ Nhĩ Kỳ cũng có cơ hội để cải thiện. Các giáo viên tiếng Anh tại đây đều đã đạt trình độ để dạy tiếng Anh giao tiếp, và số lượng thanh niên đồng đạo tại đây đồng nghĩa với việc bất kỳ cải tiến nào trong trường học cũng sẽ nhanh chóng ảnh hưởng tới mức độ thành thạo trung bình của người trưởng thành.

KẾT LUẬN

Châu Âu có mức độ thông thạo tiếng Anh phân hóa rất đa dạng. Mặc dù xu hướng chung là cao và đang tăng lên, cũng có một số cụm nước có năng lực thấp hơn. Từ những nước nhỏ và đồng đều đến những nước lớn và phân hóa hơn, châu Âu có rất nhiều điển hình về hệ thống trường học và các chương trình giáo dục thường xuyên dạy tiếng Anh ở cấp độ cao. Quan điểm chủ động của Liên minh châu Âu về các ngôn ngữ khiến khu vực này trở thành một nguồn cảm hứng phong phú về việc giảng dạy ngôn ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng.

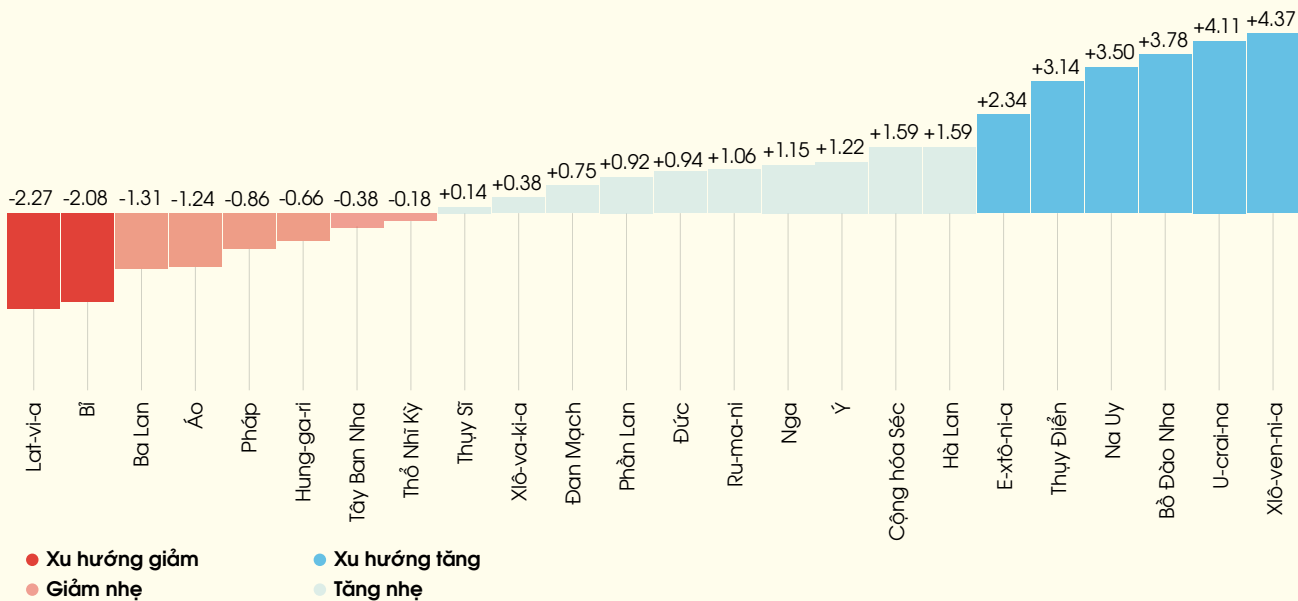
CHÂU ÂU



XU HƯỚNG EF EPI

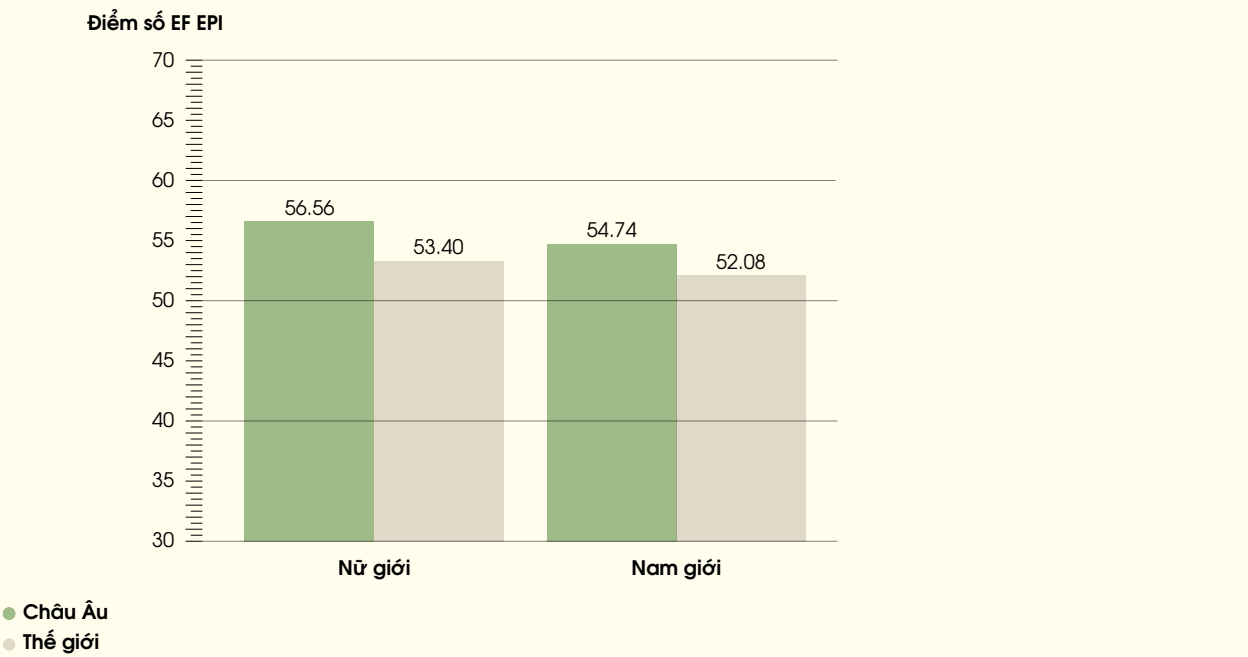
Mặc dù có mức độ thông thạo tiếng Anh cao, châu Âu tiếp tục có sự cải thiện. Sáu quốc gia có điểm số tăng mạnh với trên 2 điểm. Chỉ có 2 quốc gia giảm mạnh tuy nhiên vẫn giữ được Mức độ thông thạo cao. Các quốc gia đạt Mức độ thông thạo: Thấp nhất tại châu Âu có kết quả trì trệ so với năm trước.

Thay đổi so với năm trước



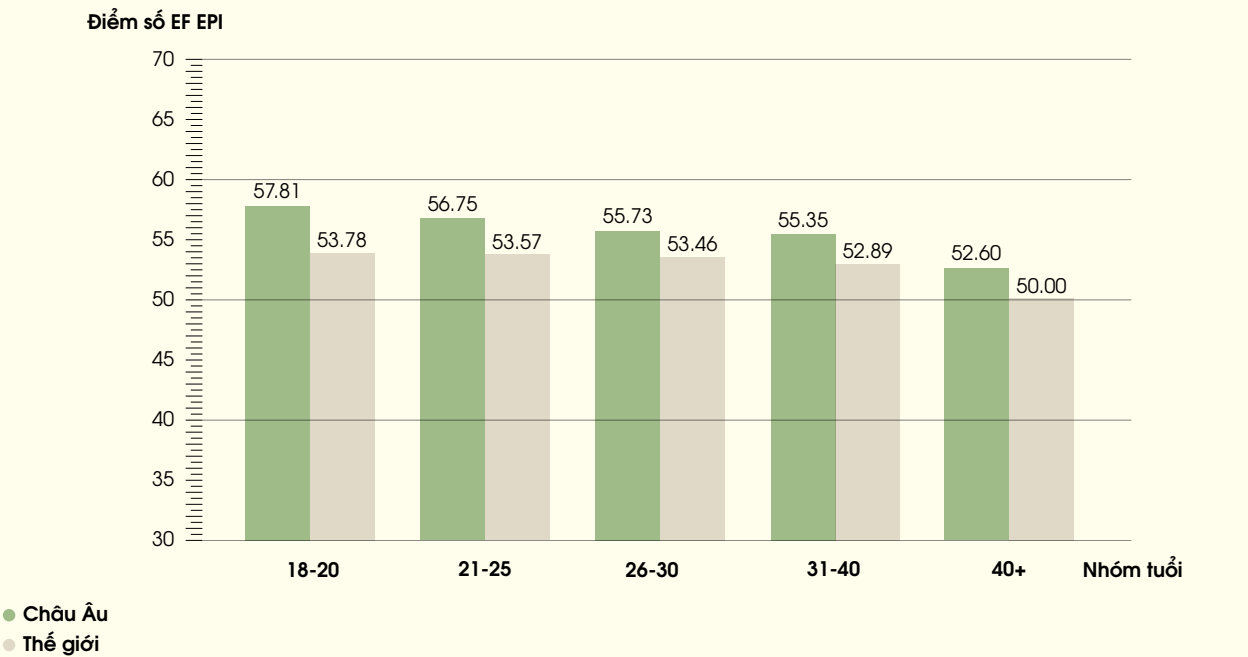
KHOẢNG CÁCH GIỚI TÍNH

Cả nam giới và nữ giới tại châu Âu đều có trình độ cao hơn hẳn mức trung bình của thế giới. Phù hợp với xu hướng toàn cầu, nữ giới tại châu Âu cũng có mức độ thành thạo cao hơn nam giới tại đây.



KHOẢNG CÁCH THẾ HỆ

Không giống như những khu vực khác, người trưởng thành ở lứa tuổi đại học tại châu Âu có Mức độ thông thạo: Cao nhất. Điều này cho thấy các phương pháp giảng dạy đã được cải thiện và là dấu hiệu cho thấy Mức độ thông thạo: Trung bình của người trưởng thành sẽ tăng lên trong các năm tiếp theo.



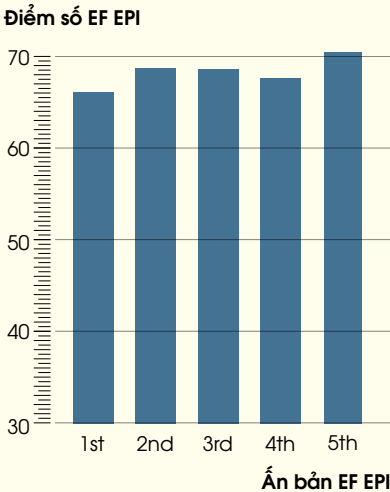
THỤY ĐIỂN

Mức độ thông thạo: Rất cao
Điểm số EF EPI : 70.94

#1 trên 70 quốc gia

Năm nay Thụy Điển đã quay trở lại đứng đầu bảng xếp hạng, vị trí mà nước này đã nắm giữ trong ba trên năm lần báo cáo EF EPI được xuất bản. Thụy Điển là một trong chỉ vài quốc gia mà nam giới nói tiếng Anh tốt hơn nữ giới, mặc dù sự chênh lệch giới tính này là nhỏ. Những cải cách giáo dục gần đây nhất của Thụy Điển bao gồm việc cấp chứng nhận cho các giáo viên tiểu học và đưa trình độ tiếng Anh thành yêu cầu để theo học các chương trình đại học toàn quốc đã chứng tỏ tính hiệu quả và đạt được nhiều tiến bộ ổn định trong mục tiêu giáo dục mà không phải tăng mức chi tiêu.

 Thay đổi so với năm trước	+3.14 
 Điểm số TOEFL/IELTS	94; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	11.7
 Chi tiêu giáo dục	13.2%
 GNI bình quân đầu người	46,170 đô la Mỹ
 Dân số	9,723,809
 Mức độ sử dụng Internet	94.8%
 Ngôn ngữ	Tiếng Thụy Điển (chính thức), các cộng đồng thiểu số nhỏ nói tiếng Sami và Phần Lan



HÀ LAN

Mức độ thông thạo: Rất cao
Điểm số EF EPI: 70.58

#2 trên 70 quốc gia

 Thay đổi so với năm trước	+1.59 
 Điểm số TOEFL/IELTS	Không có; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	11.9
 Chi tiêu giáo dục	11.9%
 GNI bình quân đầu người	46,260 đô la Mỹ
 Dân số	16,877,351
 Mức độ sử dụng Internet	94.0%
 Ngôn ngữ	Tiếng Hà Lan (chính thức)

ĐAN MẠCH

Mức độ thông thạo: Rất cao
Điểm số EF EPI: 70.05

#3 trên 70 quốc gia

 Thay đổi so với năm trước	+0.75 
 Điểm số TOEFL/IELTS	98; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	12.1
 Chi tiêu giáo dục	15.2%
 GNI bình quân đầu người	45,300 đô la Mỹ
 Dân số	5,569,077
 Mức độ sử dụng Internet	94.6%
 Ngôn ngữ	Tiếng Đan Mạch, Faroese, Greenlandic (phương ngữ Inuit), Tiếng Đức (cộng đồng thiểu số nhỏ)

NA UY

Mức độ thông thạo: Rất cao
Điểm số EF EPI: 67.83

#4 trên 70 quốc gia



 Thay đổi so với năm trước	+3.50 ↑
 Điểm số TOEFL/IELTS	94; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	12.6
 Chi tiêu giáo dục	15.0%
 GNI bình quân đầu người	65,450 đô la Mỹ
 Dân số	5,147,792
 Mức độ sử dụng Internet	95.1%
 Ngôn ngữ	Tiếng Na Uy Bokmal (chính thức), Tiếng Na Uy Nynorsk (chính thức), các cộng đồng thiểu số nhỏ nói tiếng Sami và Phần Lan

Phần Lan

Mức độ thông thạo: Rất cao
Điểm số EF EPI: 65.32

#5 trên 70 quốc gia



 Thay đổi so với năm trước	+0.92 ↗
 Điểm số TOEFL/IELTS	96; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	10.3
 Chi tiêu giáo dục	12.3%
 GNI bình quân đầu người	39,860 đô la Mỹ
 Dân số	5,268,799
 Mức độ sử dụng Internet	91.5%
 Ngôn ngữ	Tiếng Phần Lan(chính thức) 94.2%, tiếng Thụy Điển (chính thức) 5.3%, khác (gồm các cộng đồng thiểu số nhỏ nói tiếng Sami và tiếng Nga) 5.4%

XLÔ-VEN-NI-A

Mức độ thông thạo: Rất cao
Điểm số EF EPI: 64.97

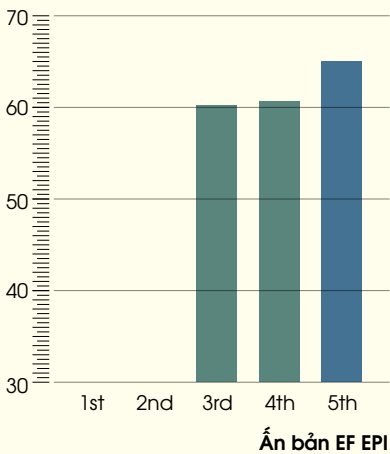
#6 trên 70 quốc gia



Những người trưởng thành ở Slô-ven-ni-a đã cải thiện mức độ thông thạo tiếng Anh một cách đáng kể, là một trong những quốc gia có điểm số tăng cao nhất Châu Âu trong 2 năm qua. Liên tục vượt qua các nước khác cùng khối OECD trong các bài thi quốc tế như TOEFL và PISA, người trưởng thành tại Slô-ven-ni-a là những người sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ 2 thành thạo nhất trên thế giới. Slô-ven-ni-a là một quốc gia có nền văn hóa đa ngôn ngữ lâu đời. Ngày nay tiếng Anh có một vị thế đặc biệt trong chương trình giáo dục của quốc gia này cùng với tiếng Đức và gần như tất cả học sinh đều học cả hai ngôn ngữ này.

 Thay đổi so với năm trước	+4.37 ↑
 Điểm số TOEFL/IELTS	96; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	11.9
 Chi tiêu giáo dục	12.1%
 GNI bình quân đầu người	28,650 đô la Mỹ
 Dân số	1,988,292
 Mức độ sử dụng Internet	72.7%
 Ngôn ngữ	Tiếng Xlô-ven-ni-a (chính thức) 91.1%, Serbo-Croatia 4.5%, khác hoặc không xác định 4.4%

Điểm số EF EPI



E-XTÔ-NI-A

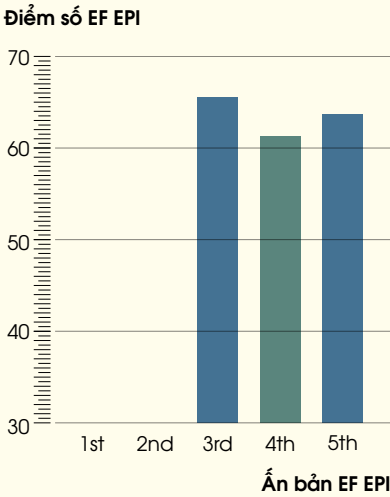
Mức độ thông thạo: Rất cao
Điểm số EF EPI: 63.73



#7 trên 70 quốc gia

E-xtô-ni-a là một quốc gia đa ngôn ngữ với tất cả học sinh học tiếng Anh như một ngôn ngữ thứ hai hoặc thứ ba. Những người Êt-xtô-ni-a nói tiếng Nga học tiếng Êt-xtô-ni-a đầu tiên, sau đó là tiếng Anh. Mặc dù là một trong những nền kinh tế kém phát triển hơn tại châu Âu, trình độ tiếng Anh của người trưởng thành tại Êt-xtô-ni-a vẫn cao hơn các nước có GNI bình quân đầu người cao hơn nhiều. Một nửa số sinh viên đại học tại Êt-xtô-ni-a có môn tiếng Anh trong chương trình học, và đại học Tallinn khuyến khích mọi sinh viên đạt được trình độ C1 ở một ngoại ngữ. Việc giảng dạy bậc đại học bậc đại học bằng tiếng Anh ở các khoa là một đặc điểm chung có ở tất cả các nước có Mức độ thông thạo: Cao nhất thế giới.

 Thay đổi so với năm trước	+2.34 ↑
 Điểm số TOEFL/IELTS	94; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	12.0
 Chi tiêu giáo dục	13.7%
 GNI bình quân đầu người	24,920 đô la Mỹ
 Dân số	1,257,921
 Mức độ sử dụng Internet	80.0%
 Ngôn ngữ	E-xtô-ni-an (chính thức) 68.5%, Tiếng Nga 29.6%, khác 1.2%



LÚC-XĂM-BUA

Mức độ thông thạo: Rất cao
Điểm số EF EPI: 63.45



#8 trên 70 quốc gia

 Thay đổi so với năm trước	Không có
 Điểm số TOEFL/IELTS	97; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	11.3
 Chi tiêu giáo dục	Không có
 GNI bình quân đầu người	57,830 đô la Mỹ
 Dân số	520,672
 Mức độ sử dụng Internet	93.8%
 Ngôn ngữ	Tiếng Lúc-xăm-bua (chính thức và là quốc ngữ), tiếng Pháp (chính thức), tiếng Đức (chính thức)

BA LAN

Mức độ thông thạo: Rất cao
Điểm số EF EPI: 62.95



#9 trên 70 quốc gia

 Thay đổi so với năm trước	-1.31 ↓
 Điểm số TOEFL/IELTS	90; 6.3
 Số năm đào tạo trung bình	11,8
 Chi tiêu giáo dục	11.4%
 GNI bình quân đầu người	22,830 đô la Mỹ
 Dân số	38,346,279
 Mức độ sử dụng Internet	62.8%
 Ngôn ngữ	Tiếng Ba Lan (chính thức) 96.2%, Silesian 1.4%, khác 1.1%, không xác định 1.3%

ÁO

Mức độ thông thạo: Cao
Điểm số EF EPI: 61.97

#10 trên 70 quốc gia



 Thay đổi so với năm trước	-1.24 ↘
 Điểm số TOEFL/IELTS	100; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	10.8
 Chi tiêu giáo dục	11.4%
 GNI bình quân đầu người	45,450 đô la Mỹ
 Dân số	8,223,062
 Mức độ sử dụng Internet	80.6%
 Ngôn ngữ	Tiếng Đức (chính thức trên toàn quốc) 88.6%, Thổ Nhĩ Kỳ 2.3%, Serbia 2.2%, Croatia (chính thức tại Burgenland) 1.6%, khác 5.3%

ĐỨC

Mức độ thông thạo: Cao
Điểm số EF EPI: 61.83

#11 trên 70 quốc gia



 Thay đổi so với năm trước	+0.94 ↗
 Điểm số TOEFL/IELTS	97; 7.0
 Số năm đào tạo trung bình	12.9
 Chi tiêu giáo dục	11.0%
 GNI bình quân đầu người	45,010 đô la Mỹ
 Dân số	80,996,685
 Mức độ sử dụng Internet	84.0%
 Ngôn ngữ	Tiếng Đức (chính thức)

BỒ ĐÀO NHA

Mức độ thông thạo: Cao
Điểm số EF EPI: 60.61

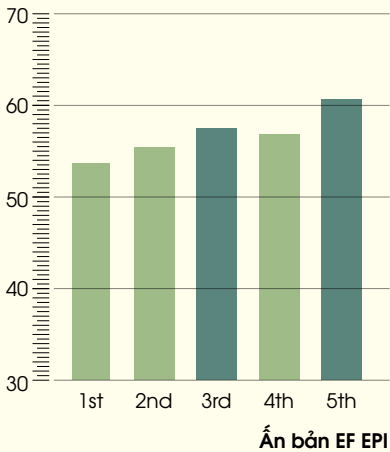
#13 trên 70 quốc gia



Mặc dù có sự cải thiện đáng kể từ năm 2007, mức độ thông thạo tiếng Anh của Bồ Đào Nha chỉ đạt mức trung bình so với các nước láng giềng trong khu vực. Trái với xu hướng toàn cầu, nam giới tại Bồ Đào Nha có Mức độ thông thạo: Cao hơn nữ giới một chút. Mức độ thông thạo tiếng Anh tại Bồ Đào Nha là đáng chú ý vì quốc gia này có số năm đào tạo trung bình vào hàng thấp nhất tại châu Âu. Từ năm 1989, tiếng Anh đã trở thành môn học bắt buộc với tất cả trẻ em Bồ Đào Nha. Việc xếp tiếng Anh vào vị thế đặc biệt so với các ngôn ngữ khác là một chiến lược chung cũng được các quốc gia có Mức độ thông thạo: Cao nhất áp dụng.

 Thay đổi so với năm trước	+3.78 ↑
 Điểm số TOEFL/IELTS	95; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	8.2
 Chi tiêu giáo dục	10.7%
 GNI bình quân đầu người	27,190 đô la Mỹ
 Dân số	10,813,834
 Mức độ sử dụng Internet	62.1%
 Ngôn ngữ	Tiếng Bồ Đào Nha (chính thức), Mirandese (chính thức nhưng chỉ được dùng tại địa phương)

Điểm số EF EPI



RU-MA-NI

Mức độ thông thạo: Cao
Điểm số EF EPI: 59.69

#16 trên 70 quốc gia



 Thay đổi so với năm trước	+1.06 ↗
 Điểm số TOEFL/IELTS	91; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	10.7
 Chi tiêu giáo dục	8.3%
 GNI bình quân đầu người	18,390 đô la Mỹ
 Dân số	21,729,871
 Mức độ sử dụng Internet	49.8%
 Ngôn ngữ	Tiếng Ru-ma-ni (chính thức) 85.4%, Hungarian 6.3%, Romany (Gypsy) 1.2%, khác 1%, không xác định 6.1%

BỈ

Mức độ thông thạo: Cao
Điểm số EF EPI: 59.13

#17 trên 70 quốc gia



 Thay đổi so với năm trước	-2.08 ↓
 Điểm số TOEFL/IELTS	97; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	10.9
 Chi tiêu giáo dục	12.2%
 GNI bình quân đầu người	41,160 đô la Mỹ
 Dân số	10,449,361
 Mức độ sử dụng Internet	82.2%
 Ngôn ngữ	Tiếng Hà Lan (chính thức) 60%, Tiếng Pháp (chính thức) 40%, Tiếng Đức (chính thức) ít hơn 1%

CỘNG HÒA SÉC

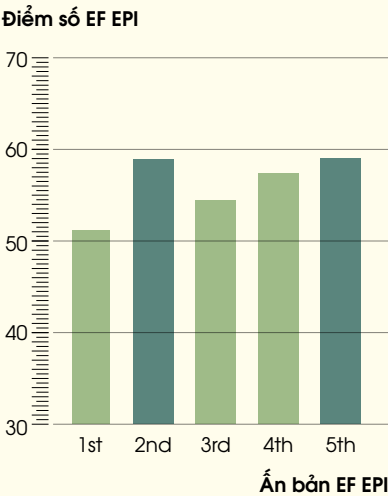
Mức độ thông thạo: Cao
Điểm số EF EPI: 59.01

#18 trên 70 quốc gia



Cộng hòa Séc đã quay lại với Mức độ thông thạo: Cao vào năm nay. Mặc dù có biến động đáng kể về điểm số kể từ năm 2007, điểm số EF EPI của nước này nhìn chung đang có xu hướng tăng. Trong khi tiếng Séc được sử dụng bởi hầu hết người dân, hầu hết học sinh học tiếng Anh trong hệ thống giáo dục công lập. Số năm đào tạo trung bình là 12,3 chiếm vị trí khá cao trên thế giới. Từ năm 2005, nước này đã liên tục tăng mức chi tiêu giáo dục vào các trường học vốn đã khá hiệu quả. Ngoài ra gần đây chính phủ nước này đã tiến hành các chính sách mới nhằm cải tiến các phương pháp giáo dục tại Séc.

 Thay đổi so với năm trước	+1.59 ↗
 Điểm số TOEFL/IELTS	91; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	12.3
 Chi tiêu giáo dục	10.4%
 GNI bình quân đầu người	26,970 đô la Mỹ
 Dân số	10,627,448
 Mức độ sử dụng Internet	74.1%
 Ngôn ngữ	Tiếng Séc 95.4%, Slovakia 1.6%, khác 3%



THỤY SỸ

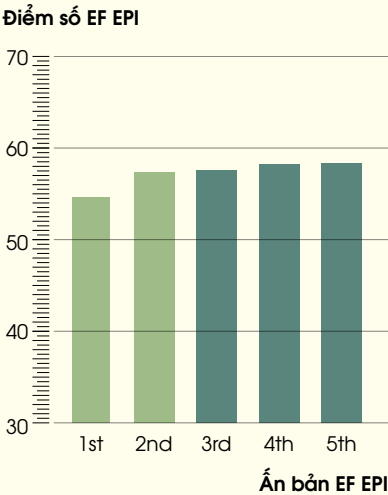
Mức độ thông thạo: Cao
Điểm số EF EPI: 58.43



#19 trên 70 quốc gia

Thụy Sĩ sử dụng ba ngôn ngữ chính thức trong đó không có tiếng Anh, điều này khiến cho mức độ thông thạo Anh ngữ tại quốc gia này càng đáng chú ý. Mặc dù mọi học sinh đều học ít nhất hai loại quốc ngữ tại trường học, tiếng Anh đã trở thành một phần trọng tâm của hệ thống giáo dục Thụy Sĩ cùng với quốc ngữ. Vì vậy Thụy Sĩ đã trở thành ví dụ điển hình về một hệ thống giáo dục đa ngôn ngữ thành công. Ngoài việc là một trong những nước có GNI bình quân đầu người cao nhất trong khu vực, Thụy Sĩ cũng có tỷ lệ chi ngân sách cho giáo dục cao hơn hầu hết các nước tại châu Âu.

 Thay đổi so với năm trước	+0.14 ↗
 Điểm số TOEFL/IELTS	97; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	12.2
 Chi tiêu giáo dục	15.9%
 GNI bình quân đầu người	59,610 đô la Mỹ
 Dân số	8,061,516
 Mức độ sử dụng Internet	86.7%
 Ngôn ngữ	Tiếng Đức (chính thức) 64.9%, tiếng Pháp (chính thức) 22.6%, tiếng Ý (chính thức) 8.3%, Serbo-Croatian 2.5%, Tiếng An-ba-ni 2.6%, tiếng Bồ Đào Nha 3.4%, tiếng Tây Ban Nha 2.2%, tiếng Anh 4.6%, khác 5.1%



HUNG-GA-RI

Mức độ thông thạo: Cao
Điểm số EF EPI: 57.90



#21 trên 70 quốc gia

 Thay đổi so với năm trước	-0.66 ↘
 Điểm số TOEFL/IELTS	92; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	11.3
 Chi tiêu giáo dục	9.4%
 GNI bình quân đầu người	22,660 đô la Mỹ
 Dân số	9,919,128
 Mức độ sử dụng Internet	72.6%
 Ngôn ngữ	Tiếng Hung-ga-ri (chính thức) 99.6%, tiếng Anh 16%, tiếng Đức 11.2%, tiếng Nga 1.6%, Ru-ma-ni 1.3%, tiếng Pháp 1.2%, khác 4.2%

LAT-VI-A

Mức độ thông thạo: Trung bình
Điểm số EF EPI: 57.16



#22 trên 70 quốc gia

 Thay đổi so với năm trước	-2.27 ↓
 Điểm số TOEFL/IELTS	89; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	11.5
 Chi tiêu giáo dục	8.9%
 GNI bình quân đầu người	22,510 đô la Mỹ
 Dân số	2,165,165
 Mức độ sử dụng Internet	75.2%
 Ngôn ngữ	Tiếng Lat-vi-a (chính thức) 56.3%, tiếng Nga 33.8%, không xác định 9.4%

TÂY BAN NHA

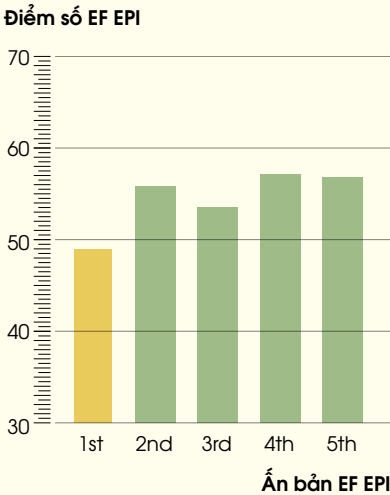
Mức độ thông thạo: Trung bình
Điểm số EF EPI: 56.80



#23 trên 70 quốc gia

Mức độ thông thạo Anh ngữ của Tây Ban Nha đã có sự cải thiện đáng kể. Trong những năm gần đây đã có nhiều cải cách lớn của chính phủ trong việc đào tạo song ngữ và trao đổi ngôn ngữ. Một cuộc thử nghiệm giáo dục quy mô lớn tại các trường tiểu học và trung học tại Tây Ban Nha được tiến hành vào năm 2004 cho thấy những hệ thống giáo dục công lập có thể chú trọng ưu tiên việc học tiếng Anh mà không gây tổn hại đến kết quả học trong các lĩnh vực khác. Điểm số EF EPI của Tây Ban Nha cũng có mức chênh lệch về giới thuộc hàng thấp nhất trên thế giới.

 Thay đổi so với năm trước	-0.38 
 Điểm số TOEFL/IELTS	89; 6.6
 Số năm đào tạo trung bình	9.6
 Chi tiêu giáo dục	10.9%
 GNI bình quân đầu người	32,870 đô la Mỹ
 Dân số	47,737,941
 Mức độ sử dụng Internet	71.6%
 Ngôn ngữ	Tiếng Tây Ban Nha Castilian (chính thức) 74%, Catalan 17%, Galician 7%, và Basque 2%



XLÔ-VA-KI-A

Mức độ thông thạo: Trung bình
Điểm số EF EPI: 56.34



#25 trên 70 quốc gia

 Thay đổi so với năm trước	+0.38 
 Điểm số TOEFL/IELTS	90; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	11.6
 Chi tiêu giáo dục	10.4%
 GNI bình quân đầu người	25,970 đô la Mỹ
 Dân số	5,443,583
 Mức độ sử dụng Internet	77.9%
 Ngôn ngữ	Tiếng Slô-va-ki-a(chính thức) 78.6%, Hung-ga-ri 9.4%, Roma 2.3%, Ruthenian 1%, khác hoặc không xác định 8.8%

LÍT-VA

Mức độ thông thạo: Trung bình
Điểm số EF EPI: 55.08



#26 trên 70 quốc gia

 Thay đổi so với năm trước	Không có
 Điểm số TOEFL/IELTS	86; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	12.4
 Chi tiêu giáo dục	13.6%
 GNI bình quân đầu người	24,530 đô la Mỹ
 Dân số	3,505,738
 Mức độ sử dụng Internet	68.5%
 Ngôn ngữ	Tiếng Lit-va (chính thức) 82%, tiếng Nga 8%, tiếng Ba Lan 5.6%, không xác định 3.5%

Ý

Mức độ thông thạo: Trung bình
Điểm số EF EPI: 54.02

#28 trên 70 quốc gia



 Thay đổi so với năm trước	+1.22 ↗
 Điểm số TOEFL/IELTS	91; 6.2
 Số năm đào tạo trung bình	10.1
 Chi tiêu giáo dục	8.0%
 GNI bình quân đầu người	35,220 đô la Mỹ
 Dân số	61,680,122
 Mức độ sử dụng Internet	58.5%
 Ngôn ngữ	Tiếng Ý (chính thức), tiếng Đức, tiếng Pháp, Slovene

U-CRAI-NA

Mức độ thông thạo: Trung bình
Điểm số EF EPI: 52.61

#34 trên 70 quốc gia



 Thay đổi so với năm trước	+4.11 ↑
 Điểm số TOEFL/IELTS	83; 5.8
 Số năm đào tạo trung bình	11.3
 Chi tiêu giáo dục	13.7%
 GNI bình quân đầu người	8,970 đô la Mỹ
 Dân số	44,291,413
 Mức độ sử dụng Internet	41.8%
 Ngôn ngữ	Tiếng U-crai-na (chính thức) 67.5%, tiếng Nga (ngôn ngữ khu vực) 29.6%, khác 2.9%

PHÁP

Mức độ thông thạo: Thấp
Điểm số EF EPI: 51.84

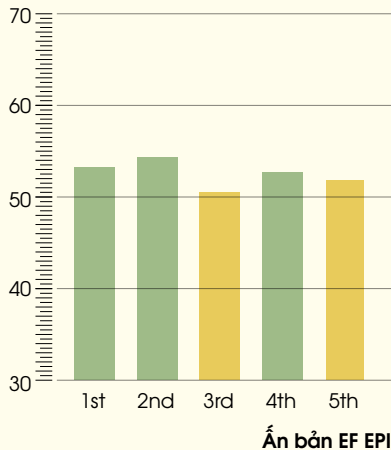
#37 trên 70 quốc gia



Nước Pháp có mức độ thông thạo Anh ngữ thấp nhất trong tất cả các nước được nghiên cứu tại Liên minh châu Âu, với Mức độ thông thạo: Thấp hơn trung bình một chút so với đối tượng người trưởng thành trên toàn thế giới. Điểm số EF EPI của nước này không có sự thay đổi rõ rệt trong vòng 8 năm qua, mặc dù thứ hạng của Pháp đã tụt 20 bậc khi có thêm các nước khác được đánh giá. Đáng tiếc là không có dấu hiệu thay đổi nào tại Pháp trong tương lai gần. Những cử nhân mới tốt nghiệp tại Pháp cũng có mức độ thông thạo tương đương với những người Pháp lớn tuổi hơn.

 Thay đổi so với năm trước	-0.86 ↘
 Điểm số TOEFL/IELTS	88; 6.7
 Số năm đào tạo trung bình	11.1
 Chi tiêu giáo dục	9.9%
 GNI bình quân đầu người	38,180 đô la Mỹ
 Dân số	66,259,012
 Mức độ sử dụng Internet	81.9%
 Ngôn ngữ	Tiếng Pháp (chính thức) 100%

Điểm số EF EPI



NGA

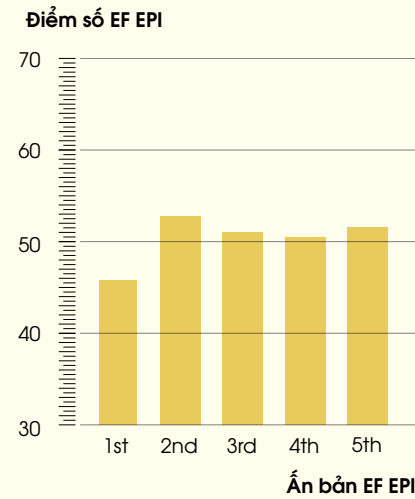
Mức độ thông thạo: Thấp
Điểm số EF EPI: 51.59



#39 trên 70 quốc gia

Mức độ thông thạo Anh ngữ của người trưởng thành tại Nga thấp hơn nhiều so với mức trung bình tại châu Âu, với chênh lệch về kỹ năng lớn giữa nam giới và nữ giới. Để chuẩn bị cho FIFA World Cup tại Nga năm 2018, chính phủ nước này đã nỗ lực gấp đôi để dạy các cụm từ tiếng Anh cơ bản cho nhân lực làm du lịch sẽ tương tác với du khách nước ngoài. Nhìn chung nước Nga thiếu những giáo viên đủ trình độ để giảng dạy tiếng Anh cấp độ cao trên khắp lãnh thổ rộng lớn của họ.

 Thay đổi so với năm trước	+1.15 ↗
 Điểm số TOEFL/IELTS	84; 6.4
 Số năm đào tạo trung bình	11.7
 Chi tiêu giáo dục	12.0%
 GNI bình quân đầu người	24,280 đô la Mỹ
 Dân số	142,470,272
 Mức độ sử dụng Internet	61.4%
 Ngôn ngữ	Tiếng Nga (chính thức), Tatar, tiếng Đức, Chechen, khác



THỔ NHĨ KỲ

Mức độ thông thạo: Rất thấp
Điểm số EF EPI: 47.62



#50 trên 70 quốc gia

 Thay đổi so với năm trước	-0.18 ↘
 Điểm số TOEFL/IELTS	76; 5.4
 Số năm đào tạo trung bình	7.6
 Chi tiêu giáo dục	8.6%
 GNI bình quân đầu người	18,570 đô la Mỹ
 Dân số	81,619,392
 Mức độ sử dụng Internet	46.3%
 Ngôn ngữ	Tiếng Thổ Nhĩ Kỳ (chính thức), Kurdish, các ngôn ngữ thiểu số khác

A-DÉC-BAI-DAN

Mức độ thông thạo: Rất thấp
Điểm số EF EPI: 46.12



#60 trên 70 quốc gia

 Thay đổi so với năm trước	Không có
 Điểm số TOEFL/IELTS	78; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	11.2
 Chi tiêu giáo dục	7.3%
 GNI bình quân đầu người	16,180 đô la Mỹ
 Dân số	9,686,210
 Mức độ sử dụng Internet	58.7%
 Ngôn ngữ	Tiếng A-déc-bai-dan (Azeri) (chính thức) 92.5%, tiếng Đức (chính thức) ít hơn 1%



BUDAPEST

Châu Âu có vị thế thuận lợi cho việc kết nối và trao đổi toàn cầu mà một ngôn ngữ chung mang lại.

CHÂU Á

EF EPI TRUNG BÌNH: 53.21
DÂN SỐ: 3,503,467,893
GNI BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI: 10,319 đô la Mỹ



MỨC ĐỘ THÔNG THẠO

- Rất cao
- Cao
- Trung bình
- Thấp
- Rất thấp

CHÂU Á CẢI CÁCH VIỆC ĐÀO TẠO VÀ ĐÁNH GIÁ TIẾNG ANH

Kể từ năm 2007, mức độ thông thạo tiếng Anh của người trưởng thành tại châu Á đã được cải thiện nhiều hơn tại các khu vực khác. Với một nửa dân số thế giới, châu Á có các mức độ thông thạo phân hóa khá đa dạng. Xinh-ga-po và Cam-pu-chia hiện có sự chênh lệch tới 20 điểm. Với các nền kinh tế ngày càng mang tính quốc tế, châu Á đang đầu tư vào đào tạo tiếng Anh như một công cụ nhằm tăng tốc toàn cầu hóa.

ẤN ĐỘ NỔI LÊN

Năm nay là lần đầu tiên Ấn Độ gia nhập với Xinh-ga-po và Ma-lai-xi-a trong nhóm những quốc gia đứng đầu bảng xếp hạng của khu vực. Ca-dắc-xtan và Việt Nam cũng đạt được những tiến bộ đáng kể từ năm trước với các mức tăng về điểm số cao nhất khu vực. Các kỹ năng tiếng Anh tại các nước này đang phát triển với tốc độ nhanh hơn hẳn các nước khác.

Ở một thái cực khác, mức độ thông thạo Anh ngữ tại Trung Quốc, Hồng Kông, Nhật Bản và Hàn Quốc đều trì trệ mặc dù có những đầu tư lớn cho đào tạo. Thái Lan có sự sụt giảm lớn nhất trong khu vực kể từ năm trước và tiếp tục ở nhóm có mức độ thông thạo: Thấp nhất. In-đô-nê-xi-a và Đài Loan cũng không tiến bộ hơn so với năm trước, nhưng đạt điểm số cao hơn hầu hết các nước khác tại châu Á.

MA-LAI-XI-A CHÚ TRỌNG VÀO CÁC GIÁO VIÊN

Trình độ tiếng Anh trung bình của người trưởng thành tại Ma-lai-xi-a tiếp tục ở mức Cao trong năm nay cũng như tại các ấn bản khác của EF EPI. Mặc dù đã có Mức độ thông thạo: Cao, nước này đã phát động một chương trình đào tạo giáo viên quốc gia đầy tham vọng vào năm 2011. Chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên tiếng Anh (Pro-ELT) nhằm nâng cao trình độ tiếng Anh của giáo viên lên trình độ cao cấp (C1) và phát triển các kỹ năng sư phạm để họ có thể giúp học sinh đạt được mục tiêu thông thạo cả hai thứ tiếng Ma-lai-xi-a và tiếng Anh.

Chương trình Pro-ELT là một phần của cuộc cải cách giáo dục quốc gia với mục tiêu đến năm 2020 đạt được tỷ lệ 100% tại tất cả các cấp học. Chương trình này đặt mục tiêu đưa Ma-lai-xi-a thành một trong ba nước đứng đầu trong các đánh giá quốc tế như PISA và TIMSS trong vòng 15 năm tới, và giảm khoảng cách về thu nhập giữa người giàu và người nghèo, giữa thành thị và nông thôn xuống 50%. Những mục tiêu đầy tham vọng và những cải cách tổng thể của hệ thống giáo dục đang hướng tới đảm bảo chất lượng đào tạo tiếng Anh tốt hơn tại Ma-lai-xi-a.

TRUNG QUỐC THAY ĐỔI CÁCH THỨC ĐÀO TẠO VÀ KHẢO THÍ

Mặc dù đã có những đầu tư về đào tạo tiếng Anh, Trung Quốc vẫn còn dậm chân ở mức độ thành thạo Thấp. Với dân số khổng lồ trải khắp các khu vực thành thị và nông thôn, việc nâng cao trình độ tiếng Anh tổng thể là một việc khó khăn mặc dù đang có những cải thiện ở quy mô nhỏ hơn.

Gần đây, các tổ chức học và luyện thi tiếng Anh tại Trung Quốc ngày càng chú trọng vào hoạt động trực tuyến và mở rộng tầm với từ các trung tâm đô thị lớn tới các thành phố hạng hai và các tỉnh vùng sâu vùng xa. Số lượng người học trực tuyến ở Trung Quốc dự kiến sẽ tăng từ 67,2 triệu vào năm 2013 lên 120 triệu vào năm 2017.

Tháng 10 năm 2013, Hội đồng giáo dục thành phố Bắc Kinh đã đề xuất một cuộc cải cách gồm ba bước về môn tiếng Anh trong kỳ thi tuyển sinh đại học quốc gia, còn gọi là "gaokao", bắt đầu từ năm 2016. Những cải cách được đề xuất gồm có việc giảm tổng số điểm và tầm quan trọng của bài thi tiếng Anh trong gaokao và cho phép học sinh sử dụng điểm số cao nhất của họ trong nhiều lần thi thay vì chỉ một kỳ thi trong một ngày với áp lực cao như hiện tại. Những thay đổi này nhằm mục tiêu phản ánh chính xác hơn trình độ tiếng Anh của học sinh và làm giảm căng thẳng liên quan đến thi cử, cũng như thúc đẩy cải cách trong văn hóa học tiếng Anh vốn thông qua học thuộc lòng.

CƠ SỞ TIẾNG ANH TẠI HÀN QUỐC

Hàn Quốc có thị trường giáo dục tiếng Anh tư nhân tính theo bình quân đầu người lớn nhất trên thế giới. Khoảng 18,4 tỷ đô la Mỹ đã được chi cho giáo dục tư nhân vào năm 2013, với một phần ba số đó dành riêng cho việc học tiếng Anh. Dù đầu tư như vậy, trình độ tiếng Anh của người trưởng thành tại Hàn Quốc vẫn chưa được cải thiện. Tiếng Anh là một trong số ít các kỹ năng mà các trường học Hàn Quốc chưa thể giảng dạy ở trình độ cao. Quốc gia này có tỷ lệ người trưởng thành có trình độ đại học vào hàng cao nhất thế giới. Khi tiếng Anh vẫn chưa được dạy cho tất

cả học sinh như một công cụ giao tiếp quốc tế, "cơn sốt tiếng Anh" của Hàn Quốc sẽ khó mà hạ nhiệt.

NHẬT BẢN VÀ THÁI LAN THÚC ĐẨY VIỆC TIÊU CHUẨN HÓA

Hệ thống giáo dục khá hiệu quả của Nhật Bản đã đưa tiếng Anh thành một môn học, trong khi chưa nhận ra rằng tiếng Anh không thể đào tạo được qua các giảng dạy và tài liệu của Nhật. Sau một số cải cách thất bại, chính phủ Nhật Bản đã bắt đầu hỗ trợ cho các kỳ thi tiếng Anh của khu vực tư nhân như TOEFL, đồng thời sử dụng các kết quả đó để thúc đẩy các trường trung học và đại học dạy các kỹ năng tiếng Anh thực tiễn hơn. Việc ngừng sử dụng các bài thi được xây dựng riêng cho người học Nhật Bản là một cách để đánh giá những điểm chưa thành công của hệ thống trường học và khiến các trường phải chịu trách nhiệm về kết quả của mình. Tuy nhiên, vì những bài thi này được vận hành bởi các công ty tư nhân, chỉ có những quốc gia giàu có như Nhật Bản có thể đủ khả năng để hỗ trợ kinh phí cho mọi học sinh.

Trình độ tiếng Anh của Thái Lan vẫn còn thấp dù nước này có ngành du lịch lớn mạnh. Kể từ tháng 5 năm ngoái, chính phủ Thái Lan đã yêu cầu các trường tự tổ chức việc giảng dạy tiếng Anh theo Khung Tham Chiếu Chung Châu Âu Về Ngôn Ngữ (CEFR) nhằm chuẩn hóa việc giảng dạy trên toàn quốc. Họ cũng đặt mục tiêu khá khiếm tốn là mọi học sinh tốt nghiệp trung học phải đạt trình độ tiếng Anh B1.

KẾT LUẬN

Nhiều quốc gia châu Á đã đặt việc đào tạo tiếng Anh làm ưu tiên cho hệ thống giáo dục của họ và làm đòn bẩy cho tăng trưởng kinh tế. Mặc dù một vài nước trong khu vực đã và đang giảng dạy tiếng Anh có hiệu quả, hầu hết chưa đạt kết quả tốt. Đây là điều rất đáng chú ý vì các nền giáo dục của châu Á vốn thống trị trên toàn thế giới về toán học, khoa học, và đọc hiểu. Với tầm quan trọng ngày càng tăng trong nền kinh tế toàn cầu, châu Á sẽ được hưởng lợi nhiều từ một lực lượng lao động sẵn sàng cho việc giao tiếp đa văn hóa.

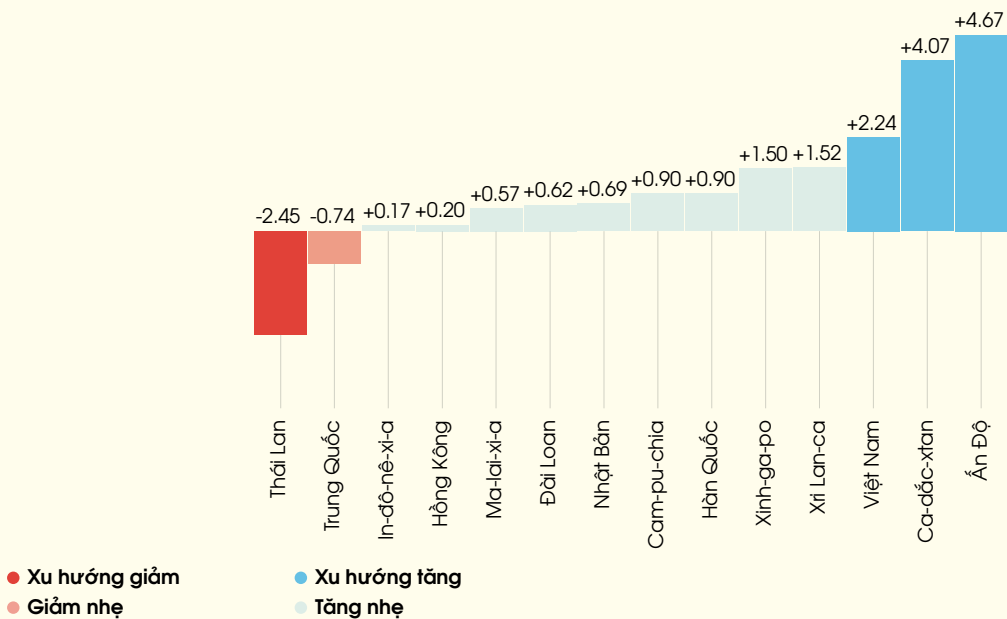
CHÂU Á



XU HƯỚNG EF EPI

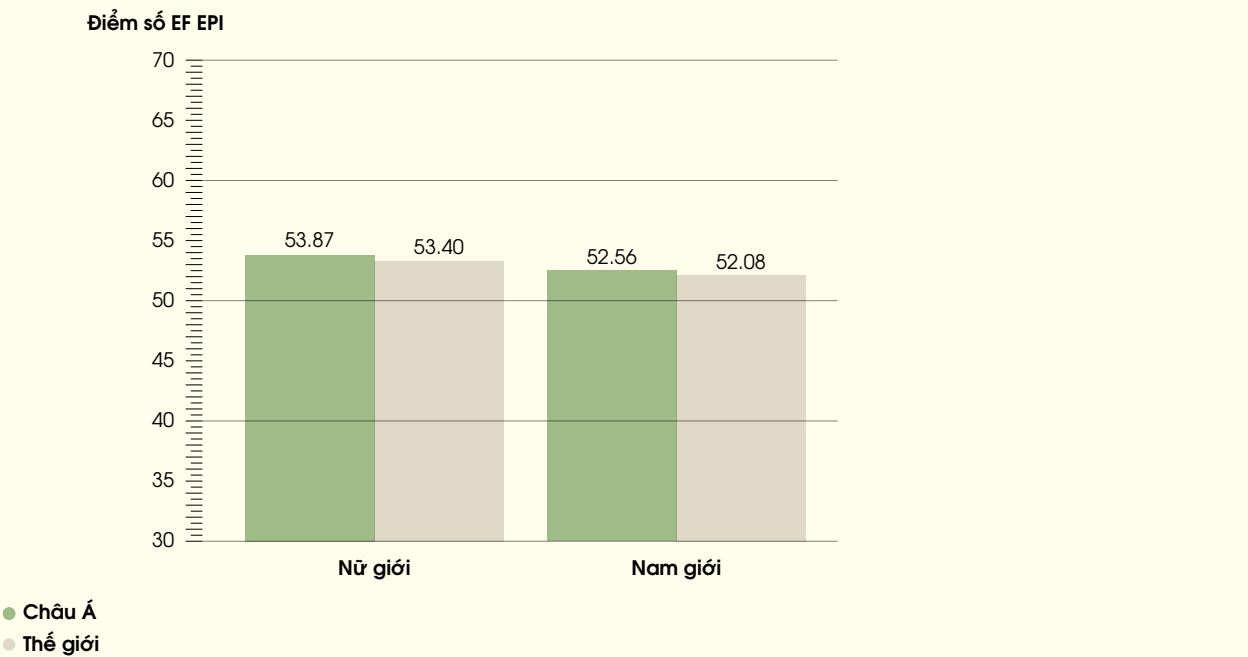
Mặc dù đã đầu tư vào đào tạo tiếng Anh trong toàn khu vực, hầu hết các nước châu Á, kể cả những nước giàu có nhất vẫn chưa đạt được thay đổi rõ rệt về điểm số EF EPI so với năm ngoái. Thái Lan là quốc gia duy nhất có điểm số suy giảm mạnh, trong khi Ấn Độ, Ca-dắc-xtan và Việt Nam có sự cải thiện đáng kể.

Thay đổi so với năm trước



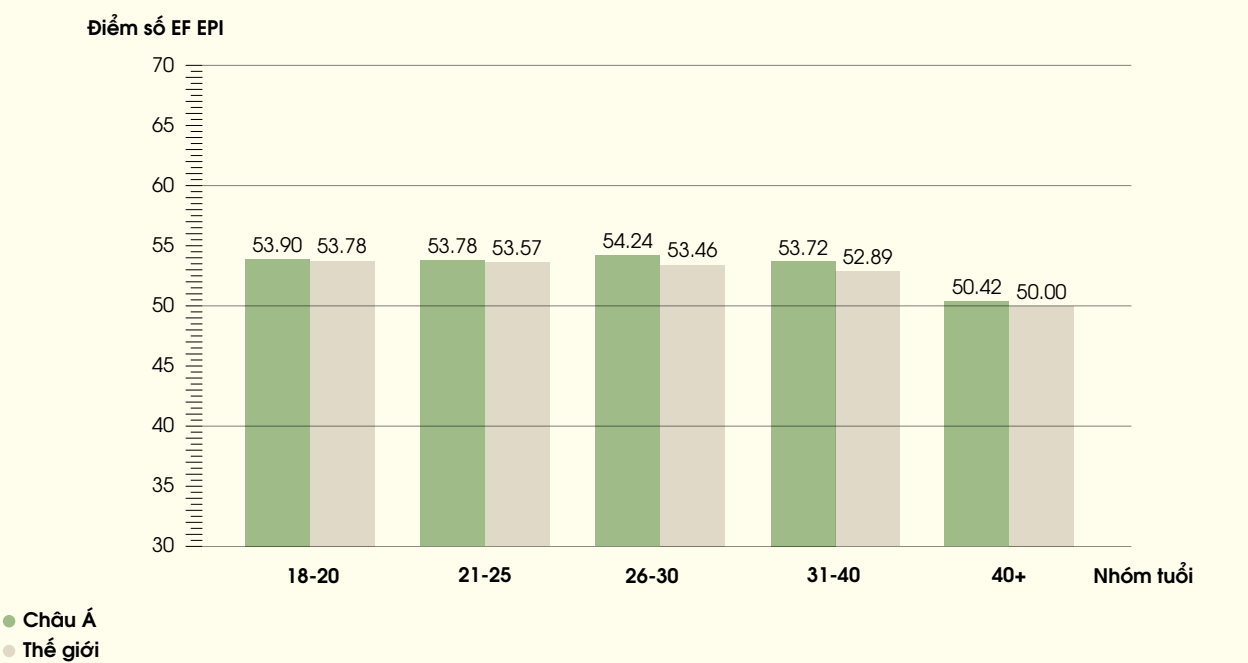
KHOẢNG CÁCH GIỚI TÍNH

Cả nam giới và nữ giới châu Á đều có kết quả cao hơn một chút so với mức trung bình toàn cầu, trong đó nữ giới đạt kết quả cao hơn nam giới.



KHOẢNG CÁCH THẾ HỆ

Châu Á đã đạt hoặc vượt lên trên mức trung bình toàn cầu trong năm nay. Những người trên 40 tuổi có Mức độ thông thạo: Thấp hơn đáng kể so với những người trưởng thành dưới 40 tuổi.



XINH-GA-PO

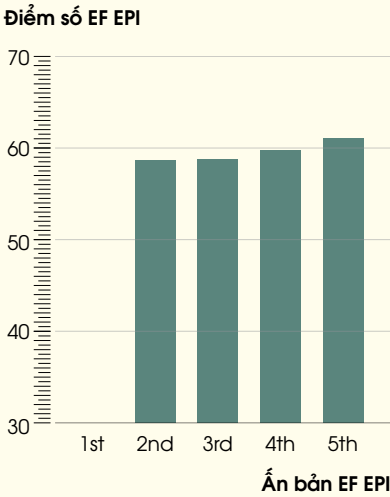
Mức độ thông thạo: Cao
Điểm số EF EPI: 61.08



#12 trên 70 quốc gia

Với một nền tảng vững chắc, tình độ tiếng Anh của Xinh-ga-po đã được phát triển thêm trong vòng 6 năm qua. Là một quốc gia đa sắc tộc, đa ngôn ngữ và có mật độ dân số cao, Xinh-ga-po còn là một trong vài nước tại châu Á sử dụng Anh ngữ là ngôn ngữ chính thức và ngôn ngữ cầu nối. Xinh-ga-po đạt kết quả cao trong nhiều chỉ số xã hội và kinh tế như mức độ sử dụng Internet, GNI đầu người, số năm trung bình đào tạo trong nhà trường và tỷ lệ chi tiêu cho giáo dục trong tổng chi tiêu của chính phủ. Hệ thống giáo dục của Xinh-ga-po liên tục được OECD xếp vào tốp đầu thế giới.

 Thay đổi so với năm trước	+1.50 ↗
 Điểm số TOEFL/IELTS	98; 7.3
 Số năm đào tạo trung bình	10.2
 Chi tiêu giáo dục	17.5%
 GNI bình quân đầu người	76,860 đô la Mỹ
 Dân số	5,567,301
 Mức độ sử dụng Internet	73.0%
 Ngôn ngữ	Mandarin (chính thức) 36.3%, tiếng Anh (chính thức) 29.8%, Ma-lai-xi-a (chính thức) 11.9%, Hokkien 8.1%, Tamil (chính thức) 4.4%, Quảng Đông 4.1%, Teochew 3.2%, khác 3.4%



MA-LAI-XI-A

Mức độ thông thạo: Cao
Điểm số EF EPI: 60.30



#14 trên 70 quốc gia

 Thay đổi so với năm trước	+0.57 ↗
 Điểm số TOEFL/IELTS	89; 7.0
 Số năm đào tạo trung bình	9.5
 Chi tiêu giáo dục	21.0%
 GNI bình quân đầu người	22,530 đô la Mỹ
 Dân số	30,073,353
 Mức độ sử dụng Internet	67.0%
 Ngôn ngữ	Bahasa Ma-lai-xi-a (chính thức), Tiếng Anh, Trung Quốc (Quảng Đông, Quan Thòi, Hokkien, Hakka, Hainan, Foochow), Tamil, Telugu, Malayalam, Panjabi, Thái Lan

ẤN ĐỘ

Mức độ thông thạo: Cao
Điểm số EF EPI: 58.21



#20 trên 70 quốc gia

 Thay đổi so với năm trước	+4.67 ↑
 Điểm số TOEFL/IELTS	91; 6.2
 Số năm đào tạo trung bình	4.4
 Chi tiêu giáo dục	12.9%
 GNI bình quân đầu người	5,350 đô la Mỹ
 Dân số	1,236,344,631
 Mức độ sử dụng Internet	15.1%
 Ngôn ngữ	Hindi 41%, Bengali 8.1%, Telugu 7.2%, Marathi 7%, Tamil 5.9%, Urdu 5%, Gujarati 4.5%, Kan-nada 3.7%, Malayalam 3.2%, Oriya 3.2%, Punjabi 2.8%, Assamese 1.3%, Maithili 1.2%, khác 5.9%

HÀN QUỐC

Mức độ thông thạo: Trung bình
Điểm số EF EPI: 54.52

#27 trên 70 quốc gia



 Thay đổi so với năm trước	+0.90 ↗
 Điểm số TOEFL/IELTS	85; 5.5
 Số năm đào tạo trung bình	11.8
 Chi tiêu giáo dục	25.0%
 GNI bình quân đầu người	33,360 đô la Mỹ
 Dân số	49,039,986
 Mức độ sử dụng Internet	84.8%
 Ngôn ngữ	Tiếng Hàn Quốc, tiếng Anh (được dạy rộng rãi trong các trường trung học)

VIỆT NAM

Mức độ thông thạo: Trung bình
Điểm số EF EPI: 53.81

#29 trên 70 quốc gia



 Thay đổi so với năm trước	+2.24 ↑
 Điểm số TOEFL/IELTS	78; 5.9
 Số năm đào tạo trung bình	5.5
 Chi tiêu giáo dục	21.4%
 GNI bình quân đầu người	5,070 đô la Mỹ
 Dân số	93,421,835
 Mức độ sử dụng Internet	43.9%
 Ngôn ngữ	Tiếng Việt (chính thức), tiếng Anh, một chút tiếng Pháp, Trung Quốc, và Khmer, ngôn ngữ miền núi

NHẬT BẢN

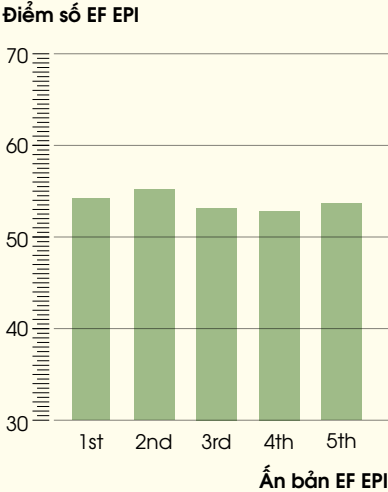
Mức độ thông thạo: Trung bình
Điểm số EF EPI: 53.57

#30 trên 70 quốc gia



Mức độ thông thạo tiếng Anh của Nhật Bản không có sự cải thiện. Tiếng Anh mới được dạy tại các trường tiểu học của Nhật Bản từ năm 2011. Dù tất cả các học sinh hiện nay đều được học tiếng Anh từ một thời điểm nào đó trong nhà trường, các phương pháp giảng dạy dựa vào phiên âm sang chữ cái tiếng Nhật, sự ghi nhớ hoặc đọc chép, còn ở cấp độ cao hơn là dịch thuật. Vai trò làm công cụ giao tiếp quốc tế của tiếng Anh ít khi được chú trọng. Một loạt các cải cách giáo dục đã được tiến hành để nâng cao mức độ thông thạo tiếng Anh, tuy nhiên đến nay vẫn chưa có tác động đáng kể với các kỹ năng của người trưởng thành.

 Thay đổi so với năm trước	+0.69 ↗
 Điểm số TOEFL/IELTS	70; 5.6
 Số năm đào tạo trung bình	11.5
 Chi tiêu giáo dục	9.5%
 GNI bình quân đầu người	37,550 đô la Mỹ
 Dân số	127,103,388
 Mức độ sử dụng Internet	86.3%
 Ngôn ngữ	Tiếng Nhật



ĐÀI LOAN

Mức độ thông thạo: Trung bình
Điểm số EF EPI: 53.18

#31 trên 70 quốc gia



 Thay đổi so với năm trước	+0.62 ↗
 Điểm số TOEFL/IELTS	79; 6.0
 Số năm đào tạo trung bình	Không có
 Chi tiêu giáo dục	Không có
 GNI bình quân đầu người	Không có
 Dân số	23,359,928
 Mức độ sử dụng Internet	Không có
 Ngôn ngữ	Trung Quốc Quan Thoại (chính thức), tiếng Đài Loan (Min), phương ngữ Hakka

IN-ĐÔ-NÊ-XI-A

Mức độ thông thạo: Trung bình
Điểm số EF EPI: 52.91

#32 trên 70 quốc gia



 Thay đổi so với năm trước	+0.17 ↗
 Điểm số TOEFL/IELTS	82; 6.2
 Số năm đào tạo trung bình	7.5
 Chi tiêu giáo dục	18.1%
 GNI bình quân đầu người	9,270 đô la Mỹ
 Dân số	253,609,643
 Mức độ sử dụng Internet	15.8%
 Ngôn ngữ	Bahasa In-đô-nê-xi-a (chính thức), tiếng Anh, tiếng Hà Lan, tiếng địa phương

HỒNG KÔNG

Mức độ thông thạo: Trung bình
Điểm số EF EPI: 52.70

#33 trên 70 quốc gia



 Thay đổi so với năm trước	+0.20 ↗
 Điểm số TOEFL/IELTS	83; 6.3
 Số năm đào tạo trung bình	10.0
 Chi tiêu giáo dục	18.2%
 GNI bình quân đầu người	54,270 đô la Mỹ
 Dân số	7,112,688
 Mức độ sử dụng Internet	74.2%
 Ngôn ngữ	Quảng Đông (chính thức) 89.5%, tiếng Anh (chính thức) 3.5%, Putonghua (Quan Thoại) 1.4%, phương ngữ Trung Quốc khác 4%, khác 1.6%

PA-KI-XTAN

Mức độ thông thạo: Thấp
Điểm số EF EPI: 49.96

#45 trên 70 quốc gia



 Thay đổi so với năm trước	Không có
 Điểm số TOEFL/IELTS	90; 6.2
 Số năm đào tạo trung bình	4.7
 Chi tiêu giáo dục	10.9%
 GNI bình quân đầu người	4,840 đô la Mỹ
 Dân số	196,174,380
 Mức độ sử dụng Internet	10.9%
 Ngôn ngữ	Punjabi 48%, Sindhi 12%, Saraiki (biến thể của Punjabi) 10%, Pashto (tên khác là Pashtu) 8%, Urdu (chính thức) 8%, Balochi 3%, Hindko 2%, Brahui 1%, Tiếng Anh (chính thức), Burushaski, ngôn ngữ khác 8%

TRUNG QUỐC

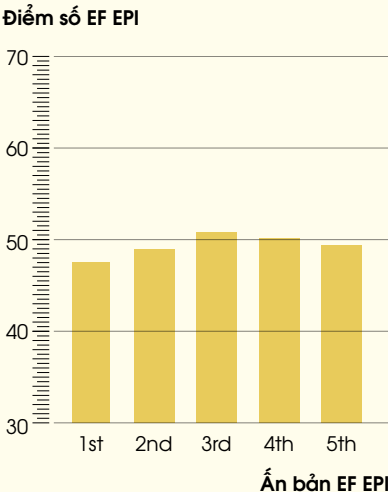
Mức độ thông thạo: Thấp
Điểm số EF EPI: 49.41



#47 trên 70 quốc gia

Diện tích rộng lớn của Trung Quốc và nhu cầu học tiếng Anh của người trưởng thành tại đây là những điều kiện thuận lợi cho các cơ hội học trực tuyến. Kết quả là nhiều công ty giáo dục tiếng Anh tư nhân ở nước này ngày càng mở rộng hoạt động trực tuyến, sử dụng Internet để vươn tới những khu vực hẻo lánh. Mặc dù số lượng người học trực tuyến tại Trung Quốc đã tăng chóng mặt, nhưng chỉ có dưới 50% dân số nước này có kết nối với Internet gây khó khăn cho việc giảng dạy trực tuyến.

 Thay đổi so với năm trước	-0.74 ↘
 Điểm số TOEFL/IELTS	77; 6.0
 Số năm đào tạo trung bình	7.5
 Chi tiêu giáo dục	Không có
 GNI bình quân đầu người	11,850 đô la Mỹ
 Dân số	1,355,692,576
 Mức độ sử dụng Internet	45.8%
 Ngôn ngữ	Quan Thoại (chính thức), Quảng Đông Thượng Hải, Fuzhou, Hokkien-Tiếng Đài Loan, Xiang, Gan, phương ngữ Hakka, ngôn ngữ thiểu số



XRI LAN-CA

Mức độ thông thạo: Rất thấp
Điểm số EF EPI: 47.89



#49 trên 70 quốc gia

 Thay đổi so với năm trước	+1.52 ↗
 Điểm số TOEFL/IELTS	85; 6.3
 Số năm đào tạo trung bình	10.8
 Chi tiêu giáo dục	8.8%
 GNI bình quân đầu người	9,470 đô la Mỹ
 Dân số	21,866,445
 Mức độ sử dụng Internet	21.9%
 Ngôn ngữ	Sinhala (chính thức và là quốc ngữ) 74%, Tamil (quốc ngữ) 18%, khác 8%

CA-DẮC-XTAN

Mức độ thông thạo: Rất thấp
Điểm số EF EPI: 47.04



#54 trên 70 quốc gia

 Thay đổi so với năm trước	+4.07 ↗
 Điểm số TOEFL/IELTS	80; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	10.4
 Chi tiêu giáo dục	13.0%
 GNI bình quân đầu người	20,680 đô la Mỹ
 Dân số	17,948,816
 Mức độ sử dụng Internet	54.0%
 Ngôn ngữ	Tiếng Nga (chính thức) 95%, Kazakh (chính thức, Qazaq) 64.4%

THÁI LAN

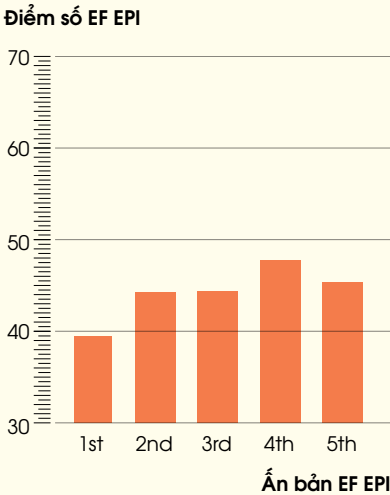
Mức độ thông thạo: Rất thấp
Điểm số EF EPI: 45.35



#62 trên 70 quốc gia

Hệ thống giáo dục của Thái Lan đạt kết quả kém trong các đánh giá quốc tế về mọi môn học. Số năm đào tạo trung bình tại nước này cũng thấp hơn mức trung bình của khu vực, đồng nghĩa với việc người trưởng thành tại Thái Lan có học vấn thấp hơn những người châu Á khác. Mức độ thông thạo tiếng Anh ở người trưởng thành tại Thái Lan cũng thấp mặc dù có nhu cầu tiếng Anh cao trong ngành du lịch. Chỉ số GNI bình quân đầu người thấp đồng nghĩa với việc mặc dù giới thượng lưu có thể đầu tư vào các trường tư thục và gia sư tiếng Anh, nhưng những lựa chọn này không sẵn có với tất cả mọi người.

 Thay đổi so với năm trước	-2.45 ↓
 Điểm số TOEFL/IELTS	76; 5.3
 Số năm đào tạo trung bình	7.3
 Chi tiêu giáo dục	31.3%
 GNI bình quân đầu người	13,430 đô la Mỹ
 Dân số	67,741,401
 Mức độ sử dụng Internet	28.9%
 Ngôn ngữ	Thai (chính thức) 90.7%, Miền Điện 1.3%, khác 8%



MÔNG CỔ

Mức độ thông thạo: Rất thấp
Điểm số EF EPI: 43.64



#64 trên 70 quốc gia

 Thay đổi so với năm trước	Không có
 Điểm số TOEFL/IELTS	70; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	8.3
 Chi tiêu giáo dục	12.2%
 GNI bình quân đầu người	8,810 đô la Mỹ
 Dân số	2,953,190
 Mức độ sử dụng Internet	17.7%
 Ngôn ngữ	Mông Cổ Khalkha (chính thức) 90% , Turkic, tiếng Nga

CAM-PU-CHIA

Mức độ thông thạo: Rất thấp
Điểm số EF EPI: 39.15



#69 trên 70 quốc gia

 Thay đổi so với năm trước	+0.90 ↗
 Điểm số TOEFL/IELTS	69; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	5.8
 Chi tiêu giáo dục	13.1%
 GNI bình quân đầu người	2,890 đô la Mỹ
 Dân số	15,458,332
 Mức độ sử dụng Internet	6.0%
 Ngôn ngữ	Tiếng Khmer (chính thức) 96.3%, khác 3.7%

Với các nền kinh tế ngày càng mang tính quốc tế, châu Á đang đầu tư vào đào tạo tiếng Anh như một công cụ để tăng tốc toàn cầu hóa.



SHANGHAI

CHÂU MỸ LATINH

EF EPI TRUNG BÌNH: 51,26
DÂN SỐ: 547,066,813
GNI BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI: 14,744 đô la Mỹ



MỨC ĐỘ THÔNG THẠO

- Rất cao
- Cao
- Trung bình
- Thấp
- Rất thấp

CHÂU MỸ LATINH NỖ LỰC ĐẠT KẾT QUẢ ANH NGỮ CAO HƠN

Châu Mỹ Latinh đã đi vào quỹ đạo tích cực từ năm 2007, nhưng mức độ thông thạo tiếng Anh của người trưởng thành trong khu vực vẫn còn thấp. Trong 14 quốc gia châu Mỹ Latinh trong báo cáo này, tất cả chỉ trừ một nước đều đạt tiến bộ so với năm trước. Tuy nhiên ngoại trừ hai quốc gia, trình độ tiếng Anh của khu vực này khá thấp.

CÁC CHÍNH PHỦ ƯU TIÊN CHO TIẾNG ANH

Trong những năm gần đây, các nhà hoạch định chính sách và nhà kinh tế tại châu Mỹ Latinh đã đặt cải cách giáo dục thành ưu tiên hàng đầu đối với việc đẩy mạnh phát triển kinh tế. Một số sáng kiến và khoản đầu tư quốc gia nhằm tăng cường chất lượng giảng dạy tiếng Anh tại các trường công lập đã được khởi động vào năm 2014. Nếu đạt hiệu quả, những chương trình đào tạo giáo viên này sẽ có tác động đến các trẻ em vẫn đang đi học. Các thanh niên tại châu Mỹ Latinh hiện có mức độ thông thạo tiếng Anh cao nhất trong khu vực và cũng không thua kém nhiều so với mức trung bình toàn cầu cho nhóm tuổi của mình. Tuy nhiên vẫn còn khá ít các chương trình quốc gia tại châu Mỹ Latinh được thiết kế để dạy tiếng Anh cho người trưởng thành.

CẢI CÁCH GIÁO DỤC TẠI CHI-LÊ VÀ PA-NA-MA

Ngoài việc là quốc gia châu Mỹ Latinh có kết quả cao nhất tại các đánh giá giáo dục quốc tế của OECD và UNESCO, Chi-lê là một trong những nước đứng đầu châu Mỹ Latinh về chỉ số EF EPI. Vào năm 2003, Bộ Giáo dục Chi-lê đã đưa vào chương trình *Tiếng Anh mở ra những cánh cửa*, một trong những sáng kiến đào tạo tiếng Anh cấp quốc gia đầu tiên tại châu Mỹ Latinh. Chương trình này đã tuyển chọn và đào tạo trên 2.000 giáo viên tiếng Anh tình nguyện người nước ngoài, tổ chức các trại và cuộc thi tiếng Anh chuyên sâu, và hỗ trợ các giáo viên Chi-lê phát triển về chuyên môn. Từ khi được tái đắc cử vào năm 2014, tổng thống Michelle Bachelet đã giao mục tiêu cho chương trình phải vượt tới 1.000 trường học của Chi-lê trong nhiệm kỳ của bà.

So với năm trước, điểm số EF EPI của Pa-na-ma đã được cải thiện nhiều hơn bất kỳ quốc gia nào trên thế giới. Mặc dù đạt được tiến bộ như vậy, hầu hết những người trưởng thành tại Pa-na-ma vẫn chưa có các kỹ năng Anh ngữ cần thiết để làm việc ở nước ngoài. Nhận

ra tiếng Anh là một nhân tố chính thúc đẩy nền kinh tế Pa-na-ma, tổng thống Juan Carlos Varela đã bắt đầu *Chương trình song ngữ Pa-na-ma* vào năm 2014. Chương trình này bao gồm các hoạt động đào tạo giáo viên trong nước và nước ngoài, các bài học bổ sung dạy bằng tiếng Anh cho học sinh tiểu học và các lớp học tiếng Anh ngoài giờ dành cho học sinh trung học. Mục tiêu của chương trình này là đào tạo 25.000 giáo viên song ngữ và 260.000 học sinh song ngữ trong vòng bốn năm tới.

MÊ-HI-CÔ VÀ BRA-XIN ĐẶT MỤC TIÊU CAO

Mặc dù có những mối quan hệ kinh tế và xã hội khăng khít với nước Mỹ, trình độ tiếng Anh của người trưởng thành tại Mê-hi-cô vẫn ở mức thấp. Tận dụng sự gần gũi về địa lý, chính phủ Mê-hi-cô đã khởi động *Dự án 100.000* vào năm ngoái nhằm cử 100.000 sinh viên Mê-hi-cô sang Mỹ để theo học các khóa học tiếng Anh ngắn hạn và chuyên sâu trước năm 2018. Để đổi lại, nước Mỹ đã cam kết sẽ cử 50.000 sinh viên sang học tại Mê-hi-cô trước 2018. Những sáng kiến song phương này nhằm mục tiêu củng cố khả năng ngôn ngữ của cả hai quốc gia chung biên giới.

Bra-xin cũng đang dựa vào quan hệ quốc tế để tăng cường trình độ tiếng Anh. Vào năm 2013, Bộ Giáo dục nước này đã tổ chức chương trình *Tiếng Anh không biên giới* để chuẩn bị cho các sinh viên theo học sau đại học tại những nước nói tiếng Anh. Kể từ khi bắt đầu, *Tiếng Anh không biên giới* đã kiểm tra và đào tạo cho hàng trăm nghìn sinh viên tại hơn 120 đại học công lập tại khắp các bang của Bra-xin. Vào cuối năm 2014, Bộ Giáo dục thông báo rằng chương trình *Tiếng Anh không biên giới* sẽ được đổi tên thành *Ngôn ngữ không biên giới* để mở rộng thêm bảy ngôn ngữ khác. Những sáng kiến chủ chốt này là minh chứng cho thấy các sinh viên Bra-xin gia nhập lực lượng lao động toàn cầu cần các kỹ năng ngôn ngữ tốt hơn.

Để chuẩn bị cho World Cup 2014 và Olympic Rio 2016, Bộ Giáo dục và Bộ Du lịch Bra-xin đã cùng hợp tác để cho ra đời *Pronatec Turismo* vào năm 2012 với mục tiêu cung cấp các lớp học tiếng Anh và Tây Ban Nha miễn phí cho hơn 150.000 nhân lực ngành du lịch tại 120 thành phố. Các chuyên viên này có thể lựa chọn các khóa học cụ thể theo 54 ngành nghề để cải thiện kỹ năng tiếng Anh trong kinh doanh của mình. Trình độ tiếng Anh của Bra-xin đã tăng nhẹ so với năm trước, nhưng thay đổi này vẫn chưa làm tăng đáng kể số lượng người có đủ trình độ tiếng Anh trong lực lượng lao động của nước này.

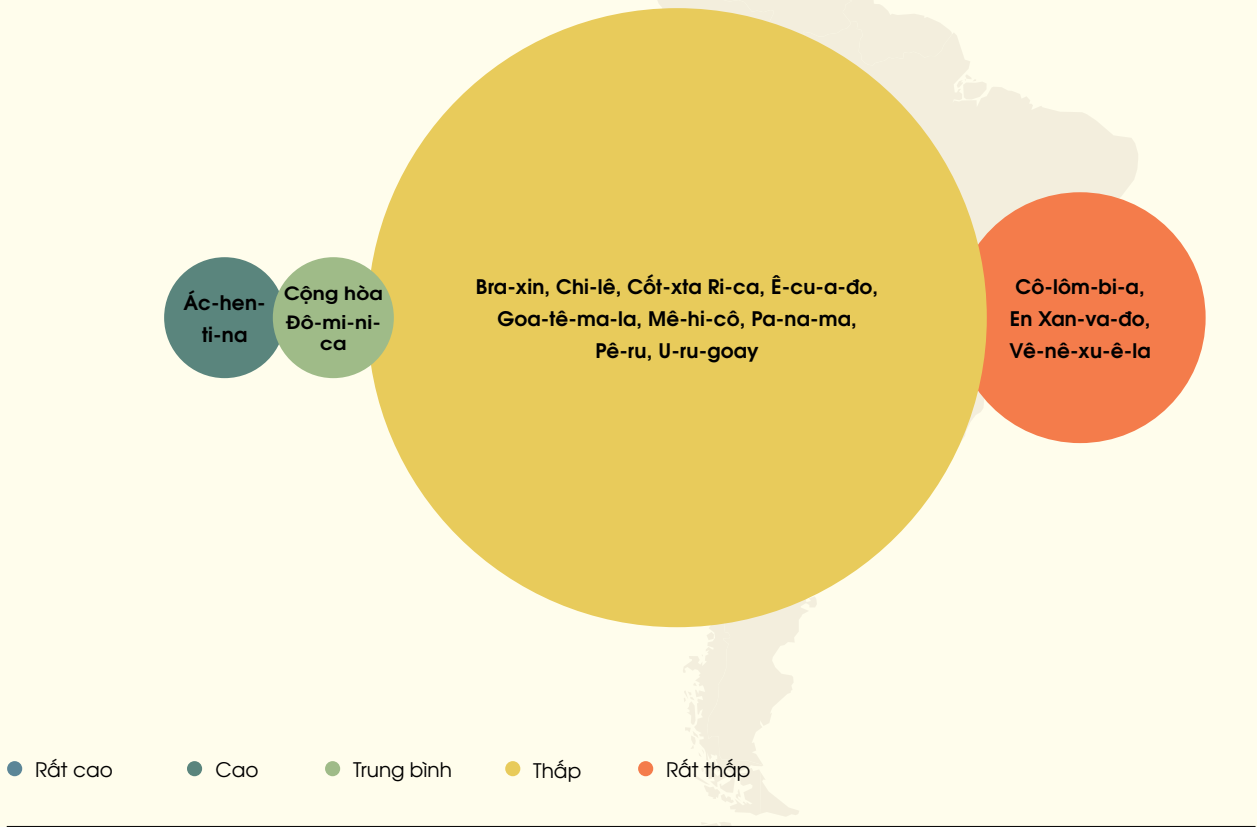
CÔ-LÔ-M-BI-A HY VỌNG ĐẢO NGƯỢC XU HƯỚNG

Cô-lô-m-bi-a cũng đang đầu tư vào đào tạo tiếng Anh. Vào tháng 7/2014, Tổng thống Juan Manuel Santos tuyên bố rằng chính phủ của ông sẽ đầu tư 690 triệu đô la Mỹ trong vòng 10 năm tới để nhân rộng số cử nhân đại học có trình độ tiếng Anh B2, đào tạo 12.000 giáo viên và tài trợ các lớp tiếng Anh riêng cho 40.000 chuyên viên. Với mức chi tiêu thấp cho giáo dục công và các kỹ năng tiếng Anh còn yếu, vẫn còn nhiều cơ hội để cải thiện mức độ thông thạo Anh ngữ của nước này.

KẾT LUẬN

Tại châu Mỹ Latinh một loạt các chương trình mới của chính phủ tập trung vào việc củng cố và cải tổ đào tạo tiếng Anh, hầu hết được đề ra trong ba năm qua. Những chương trình này trước tiên xuất hiện như những lời cam kết trong các chiến dịch chính trị và phản ánh mong muốn của người dân châu Mỹ Latinh nhằm củng cố nền giáo dục công của họ và mang tới cho học sinh và người đi làm những cơ hội tốt hơn để gia nhập vào nền kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên hướng đi của những chương trình này vẫn cần sự theo dõi thêm.

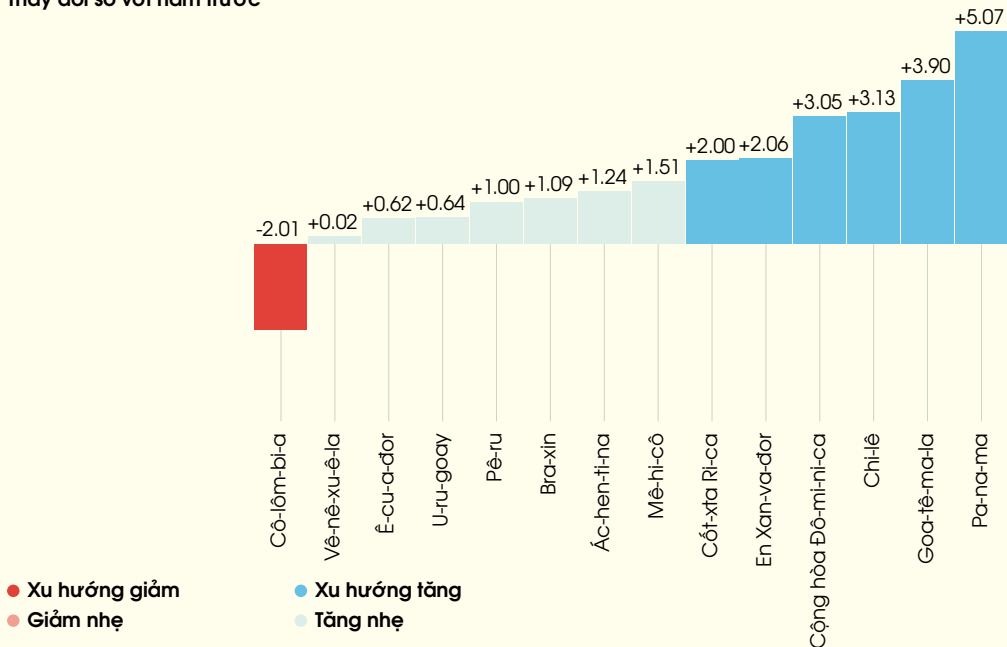
CHÂU MỸ LATINH



XU HƯỚNG EF EPI

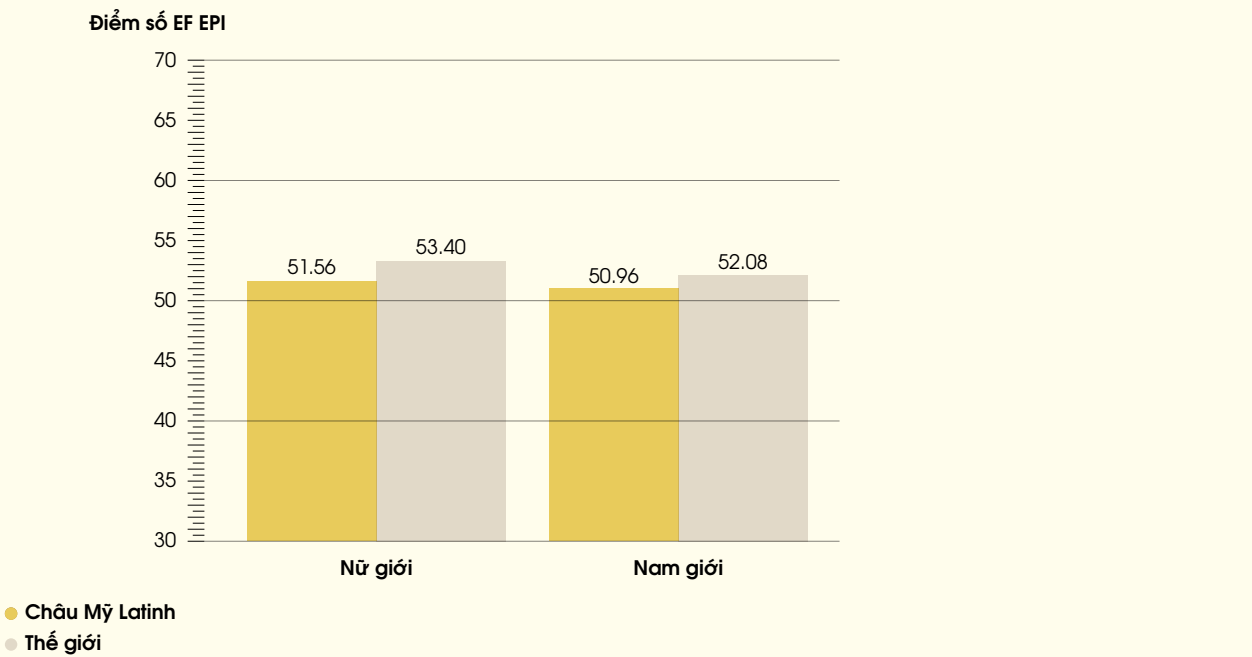
Châu Mỹ Latinh có mức độ cải thiện cao hơn tất cả các khu vực khác trong báo cáo EF EPI năm nay, trong đó Pa-na-ma có mức tăng cao nhất trong toàn bảng chỉ số. Chỉ trừ một quốc gia, tất cả các nước trong khu vực có sự chứng lại hoặc thể hiện xu hướng tăng trưởng so với mức độ thông thạo của năm trước, trong đó sáu quốc gia có sự tiến bộ rõ rệt.

Thay đổi so với năm trước



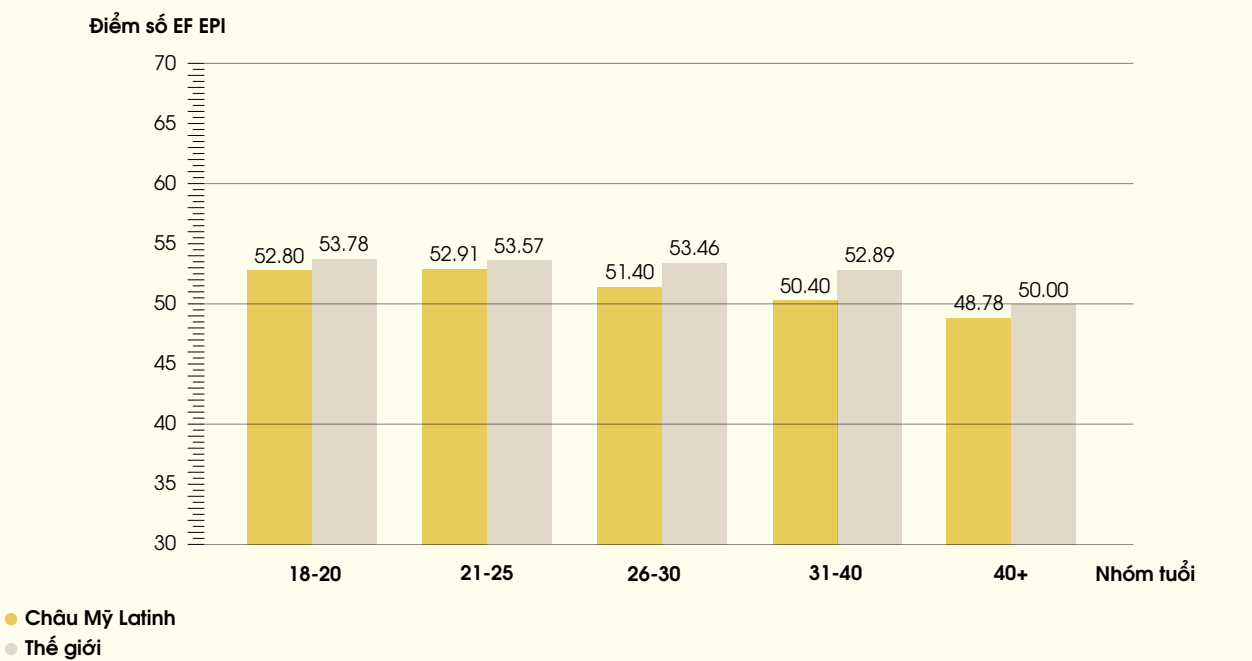
KHOẢNG CÁCH GIỚI TÍNH

Cả nam giới và nữ giới tại châu Mỹ Latinh đều có kết quả thấp hơn mức trung bình toàn cầu nhưng sự chênh lệch giới tính là thấp hơn các khu vực khác.



KHOẢNG CÁCH THẾ HỆ

Thanh niên châu Mỹ Latinh (độ tuổi 18-25) có kết quả gần với mức trung bình toàn cầu nhất, trong khi những người ở giai đoạn giữa sự nghiệp (độ tuổi 26-40) có kết quả kém nhiều nhất so với những người cùng nhóm tuổi khác trên thế giới.



ÁC-HEN-TI-NA

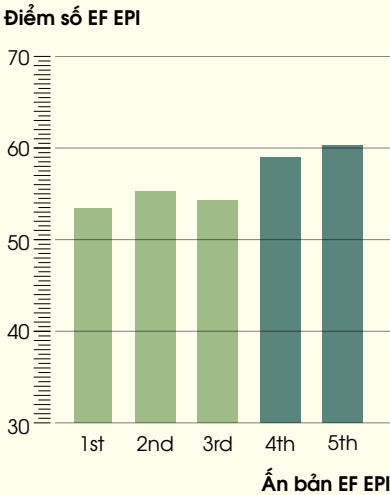
Mức độ thông thạo: Cao
Điểm số EF EPI: 60.26



#15 trên 70 quốc gia

Người trưởng thành tại Ác-hen-ti-na có mức độ thông thạo tiếng Anh cao nhất tại châu Mỹ Latinh, ngang với mức tiêu chuẩn châu Âu, và họ đã đạt được tiến bộ đáng kể trong vòng 8 năm qua. Ác-hen-ti-na có tỷ lệ biết chữ cao nhất trong khu vực, cũng như một trong những quốc gia có kết quả TOEFL trung bình cao nhất trên thế giới. Trong khi Ác-hen-ti-na có tỉ lệ chỉ tiêu cho giáo dục thấp hơn nhiều quốc gia khác tại châu Mỹ Latinh, nước này có số năm đào tạo trung bình vào hàng cao nhất trong khu vực.

 Thay đổi so với năm trước	+1.24 ↗
 Điểm số TOEFL/IELTS	93; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	9.8
 Chi tiêu giáo dục	14.7%
 GNI bình quân đầu người	Không có
 Dân số	43,024,374
 Mức độ sử dụng Internet	59.9%
 Ngôn ngữ	Tiếng Tây Ban Nha (chính thức), Tiếng Ý, tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng bản địa (Mapudungun, Quechua)



CỘNG HÒA ĐÔ-MI-NI-CA

Mức độ thông thạo: Trung bình
Điểm số EF EPI: 56.71



#24 trên 70 quốc gia

 Thay đổi so với năm trước	+3.05 ↑
 Điểm số TOEFL/IELTS	82; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	7.5
 Chi tiêu giáo dục	20.6%
 GNI bình quân đầu người	11,630 đô la Mỹ
 Dân số	10,349,741
 Mức độ sử dụng Internet	45.9%
 Ngôn ngữ	Tiếng Tây Ban Nha (chính thức)

PÊ-RU

Mức độ thông thạo: Thấp
Điểm số EF EPI: 52.46



#35 trên 70 quốc gia

 Thay đổi so với năm trước	+1.00 ↗
 Điểm số TOEFL/IELTS	87; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	9.0
 Chi tiêu giáo dục	15.2%
 GNI bình quân đầu người	11,160 đô la Mỹ
 Dân số	30,147,935
 Mức độ sử dụng Internet	39.2%
 Ngôn ngữ	Tiếng Tây Ban Nha (chính thức) 84.1%, Quechua (chính thức) 13%, Aymara (chính thức) 1.7%

CHI-LÊ

Mức độ thông thạo: Thấp
Điểm số EF EPI: 51.88

#36 trên 70 quốc gia



 Thay đổi so với năm trước	+3.13 ↑
 Điểm số TOEFL/IELTS	85; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	9.8
 Chi tiêu giáo dục	19.2%
 GNI bình quân đầu người	21,060 đô la Mỹ
 Dân số	17,363,894
 Mức độ sử dụng Internet	66.5%
 Ngôn ngữ	Tiếng Tây Ban Nha (chính thức) 99.5%, tiếng Anh 10.2%, tiếng bản địa (bao gồm Mapudungun, Aymara, Quechua, Rapa Nui) 1%, khác 2.3%

Ê-CU-A-ĐO

Mức độ thông thạo: Thấp
Điểm số EF EPI: 51.67

#38 trên 70 quốc gia



 Thay đổi so với năm trước	+0.62 ↗
 Điểm số TOEFL/IELTS	80; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	7.6
 Chi tiêu giáo dục	10.3%
 GNI bình quân đầu người	10,720 đô la Mỹ
 Dân số	15,654,411
 Mức độ sử dụng Internet	40.4%
 Ngôn ngữ	Tiếng Tây Ban Nha (Castilian) (chính thức) 93%, Quechua 4.1%, ngoại ngữ 2.2%

MÊ-HI-CÔ

Mức độ thông thạo: Thấp
Điểm số EF EPI: 51.34

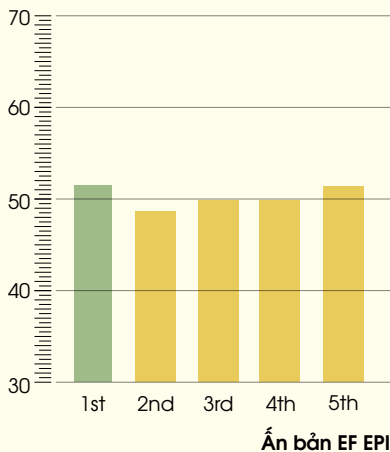
#40 trên 70 quốc gia



Mê-hi-cô có mức độ thông thạo tiếng Anh ở hạng trung bình của khu vực, nhưng ở mức thấp trên xếp hạng toàn cầu. Đây là một điều đáng ngạc nhiên nếu xét đến mối quan hệ chặt chẽ giữa Mê-hi-cô và Mỹ với tỷ lệ di cư cao. Tỷ lệ chi tiêu cho giáo dục của Mê-hi-cô trên chi tiêu công thuộc vào hàng cao nhất châu Mỹ Latinh. Nhiều giáo viên tại Mê-hi-cô không đủ trình độ do thông lệ trao đổi và thừa hưởng các vị trí giảng dạy tại đây. Vào năm 2013, chính phủ Mê-hi-cô đã tiến hành một cuộc cải cách giáo dục quy mô lớn để giải quyết vấn đề này.

 Thay đổi so với năm trước	+1.51 ↗
 Điểm số TOEFL/IELTS	86; 6.1
 Số năm đào tạo trung bình	8.5
 Chi tiêu giáo dục	19.6%
 GNI bình quân đầu người	16,020 đô la Mỹ
 Dân số	120,286,655
 Mức độ sử dụng Internet	43.5%
 Ngôn ngữ	Chỉ tiếng Tây Ban Nha 92.7%, Tiếng Tây Ban Nha và tiếng bản địa 5.7%

Điểm số EF EPI



BRA-XIN

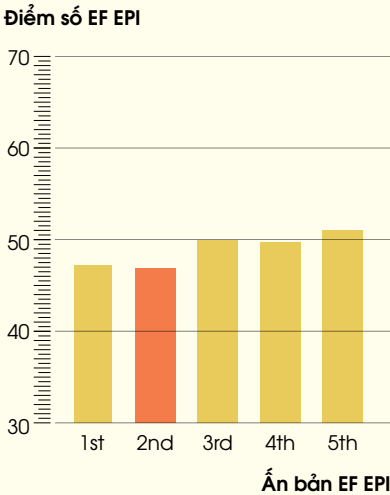


Mức độ thông thạo: Thấp
Điểm số EF EPI: 51.05

#41 trên 70 quốc gia

Mức độ thông thạo tiếng Anh tại Bra-xin vẫn còn thấp mặc dù đã có một số cải cách giáo dục lớn và các chương trình đào tạo giáo viên tiếng Anh trong những năm gần đây. Bra-xin đã thành công trong việc tận dụng World Cup 2014 và Olympic 2016 để thúc đẩy nhu cầu học tiếng Anh. Một loạt các chuỗi trường học tiếng Anh mới quy mô lớn và các nền tảng học tiếng Anh trực tuyến đại chúng là minh chứng cho thành công này. Là quốc gia đông dân nhất tại châu Mỹ Latinh, Bra-xin cũng gặp những thử thách như các nước lớn khác trong việc hiện đại hóa lực lượng lao động của mình.

 Thay đổi so với năm trước	+1.09 ↗
 Điểm số TOEFL/IELTS	83; 6.5
 Số năm đào tạo trung bình	7.2
 Chi tiêu giáo dục	14.6%
 GNI bình quân đầu người	14,750 đô la Mỹ
 Dân số	202,656,788
 Mức độ sử dụng Internet	51.6%
 Ngôn ngữ	Tiếng Bồ Đào Nha (chính thức và được nói rộng rãi nhất)



CÔT-XTA RI-CA



Mức độ thông thạo: Thấp
Điểm số EF EPI: 50.53

#43 trên 70 quốc gia

 Thay đổi so với năm trước	+2.00 ↑
 Điểm số TOEFL/IELTS	93; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	8.4
 Chi tiêu giáo dục	Không có
 GNI bình quân đầu người	13,570 đô la Mỹ
 Dân số	4,755,234
 Mức độ sử dụng Internet	46.0%
 Ngôn ngữ	Tiếng Tây Ban Nha (chính thức), Tiếng Anh

U-RU-GOAY



Mức độ thông thạo: Thấp
Điểm số EF EPI: 50.25

#44 trên 70 quốc gia

 Thay đổi so với năm trước	+0.64 ↗
 Điểm số TOEFL/IELTS	93; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	8.5
 Chi tiêu giáo dục	14.9%
 GNI bình quân đầu người	18,940 đô la Mỹ
 Dân số	3,332,972
 Mức độ sử dụng Internet	58.1%
 Ngôn ngữ	Tiếng Tây Ban Nha (chính thức), Portunol, Bra-xinero (Tiếng Bồ Đào Nha pha trộn với Tây Ban Nha ở biên giới Bra-xin)

GOA-TÊ-MA-LA

Mức độ thông thạo: Thấp
Điểm số EF EPI: 49.67

#46 trên 70 quốc gia



 Thay đổi so với năm trước	+3.90 ↑
 Điểm số TOEFL/IELTS	82; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	5.6
 Chi tiêu giáo dục	20.6%
 GNI bình quân đầu người	7,130 đô la Mỹ
 Dân số	14,647,083
 Mức độ sử dụng Internet	19.7%
 Ngôn ngữ	Tiếng Tây Ban Nha (chính thức) 60%, ngôn ngữ Amerindian 40%

PA-NA-MA

Mức độ thông thạo: Thấp
Điểm số EF EPI: 48.77

#48 trên 70 quốc gia



 Thay đổi so với năm trước	+5.07 ↑
 Điểm số TOEFL/IELTS	84; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	9.4
 Chi tiêu giáo dục	13.0%
 GNI bình quân đầu người	19,300 đô la Mỹ
 Dân số	3,608,431
 Mức độ sử dụng Internet	42.9%
 Ngôn ngữ	Tiếng Tây Ban Nha (chính thức), ngôn ngữ bản địa (gồm có Ngabe, Bugle, Kuna, Embera, Wounaan, Naso Tjerdi và Bri Bri)

CÔ-LÔM-BI-A

Mức độ thông thạo: Rất thấp
Điểm số EF EPI: 46.54

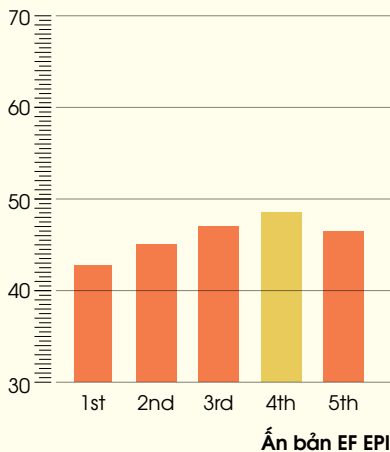
#57 trên 70 quốc gia



Những người trưởng thành tại Cô-lôm-bi-a rất ít nói tiếng Anh và đặc biệt kỹ năng tiếng Anh của những học sinh mới tốt nghiệp trung học thấp hơn rất nhiều so với mức trung bình toàn cầu. Ở nhiều trường học Cô-lôm-bi-a, các giáo viên tiếng Anh chưa có đủ trình độ giảng dạy. 75% các giáo viên tiếng Anh tại Cô-lôm-bi-a có trình độ tiếng Anh B1 hoặc thấp hơn. Với bất bình đẳng thu nhập lớn và nền kinh tế yếu kém của nước này, nhiều người không có đủ khả năng tài chính để theo học tiếng Anh bên ngoài hoặc các chương trình tiếng Anh chuyên sâu.

 Thay đổi so với năm trước	-2.01 ↓
 Điểm số TOEFL/IELTS	81; 5.8
 Số năm đào tạo trung bình	7.1
 Chi tiêu giáo dục	16.9%
 GNI bình quân đầu người	11,960 đô la Mỹ
 Dân số	46,245,297
 Mức độ sử dụng Internet	51.7%
 Ngôn ngữ	Tiếng Tây Ban Nha (chính thức)

Điểm số EF EPI



VÊ-NÊ-XU-Ê-LA

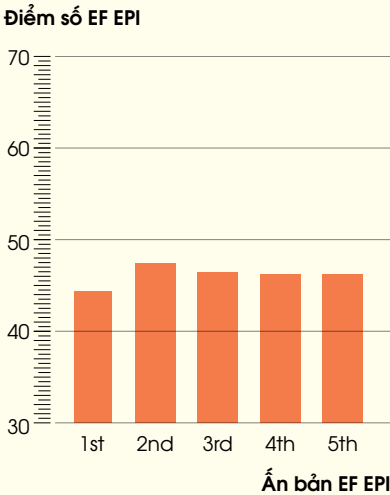
Mức độ thông thạo: **Rất thấp**
Điểm số EF EPI: 46.14



#59 trên 70 quốc gia

Kỹ năng tiếng Anh của người trưởng thành tại Vê-nê-xu-ê-la luôn ở mức yếu kém. Mặc dù giáo dục là bắt buộc, tỷ lệ nghèo đói cao ở vùng nông thôn và bất bình đẳng xã hội lớn gây ra thiếu hụt giáo dục cho một tỷ lệ lớn dân cư. Tỷ lệ chi tiêu cho giáo dục trong chi tiêu chính phủ của Vê-nê-xu-ê-la là cao nhất trong khu vực và cũng là một trong những tỷ lệ cao nhất thế giới mặc dù những kết quả còn hạn chế. Kết nối Internet tại đây đạt топ đầu của châu Mỹ Latinh, giúp cho việc học tiếng Anh qua các công cụ trực tuyến trở thành một hướng đi nhiều hứa hẹn.

	Thay đổi so với năm trước	+0.02 ↗
	Điểm số TOEFL/IELTS	83; Không có
	Số năm đào tạo trung bình	8.6
	Chi tiêu giáo dục	20.7%
	GNI bình quân đầu người	17,900 đô la Mỹ
	Dân số	28,868,486
	Mức độ sử dụng Internet	54.9%
	Ngôn ngữ	Tiếng Tây Ban Nha (chính thức), các phương ngữ bản địa



EN XAN-VA-ĐO

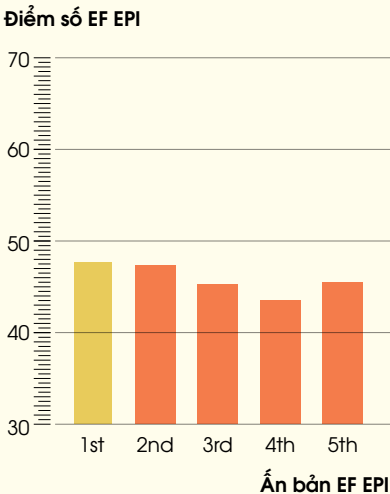
Mức độ thông thạo: **Rất thấp**
Điểm số EF EPI: 45.52



#61 trên 70 quốc gia

En Xan-va-đo có mức độ thông thạo tiếng Anh thấp nhất tại châu Mỹ Latinh. Tỷ lệ tội phạm và nghèo đói cao của nước này là rào cản tham gia trường lớp với nhiều học sinh, khiến nhiều người không có các kỹ năng đọc viết, tính toán cơ bản cũng như các kỹ năng ngôn ngữ cần thiết để làm việc. Nguồn viện trợ nước ngoài cũng giúp lấp đầy lỗ hổng trong đào tạo nhưng vẫn còn nhiều hạn chế. Tỷ lệ người dân En Xan-va-đo có kết nối với Internet thấp hơn ¼, và GNI bình quân đầu người của nước này cũng là một trong những chỉ số thấp nhất thế giới.

	Thay đổi so với năm trước	+2.06 ↗
	Điểm số TOEFL/IELTS	85; Không có
	Số năm đào tạo trung bình	6.5
	Chi tiêu giáo dục	15.9%
	GNI bình quân đầu người	7,490 đô la Mỹ
	Dân số	6,125,512
	Mức độ sử dụng Internet	23.1%
	Ngôn ngữ	Tiếng Tây Ban Nha (chính thức), Nahua (trong tiếng Amerindias)





SAO PAULO

Trong những năm gần đây, các nhà hoạch định chính sách và nhà kinh tế ở châu Mỹ Latinh đã đặt cải cách giáo dục thành ưu tiên hàng đầu để tăng cường phát triển kinh tế.

TRUNG ĐÔNG VÀ BẮC PHI (MENA)

EF EPI TRUNG BÌNH: 44.85
DÂN SỐ: 371,362,139
GNI BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI: 17,132 đô la Mỹ



MỨC ĐỘ THÔNG THẠO

- Rất cao
- Cao
- Trung bình
- Thấp
- Rất thấp

CÁC QUỐC GIA MENA VẪN GẶP KHÓ KHĂN VỚI TIẾNG ANH

Trung Đông và Bắc Phi (MENA) có mức độ thông thạo tiếng Anh thấp nhất trên thế giới, và mức độ thông thạo tổng thể đang giảm xuống. Mặc dù đạt nhiều tiến bộ to lớn trong việc phổ cập giáo dục tiểu học, tăng số lượng học sinh nữ trong nhà trường và giảm đi các rào cản giáo dục tại các vùng nông thôn, hệ thống trường học tại MENA chưa đạt được tiến bộ đáng kể trong việc giảng dạy tiếng Anh.

CHẶNG ĐƯỜNG DÀI PHÍA TRƯỚC

Nhiều quốc gia tại MENA chỉ tiêu nhiều hơn cho mỗi học sinh so với các nước châu Á có mức độ phát triển tương đương, nhưng khoản đầu tư cao hơn này không mang lại kết quả tốt hơn. Gioóc-đa-ni, Ca-ta, Tuy-ni-di và Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất (UAE) - những quốc gia duy nhất trong khu vực tham gia vào đánh giá PISA của OECD vào năm 2012 - đều đạt mức dưới trung bình của OECD về toán học, khoa học, và đọc hiểu. Ba trong bốn nước này còn nằm trong số sáu hệ thống trường học đạt kết quả thấp nhất trong nghiên cứu. Cả nữ giới và nam giới đều xếp sau khá xa so với mức trung bình toàn cầu, và khoảng cách về giới tại MENA lớn hơn nhiều so với tất cả các khu vực khác trên thế giới.

CHẬT VẬT VỚI TIẾNG ANH

UAE có trình độ tiếng Anh thấp so với hầu hết các nước, nhưng lại cao hơn một chút so với các nước khác tại MENA. Tiếng Anh phổ biến tại UAE nhờ một xã hội có tính đa quốc gia cao và nền kinh tế lớn có định hướng thương mại. Bất kỳ trao đổi nào về trình độ tiếng Anh tại UAE cần phải cân nhắc thực tế rằng chỉ có dưới 20% trong tổng số hơn 9 triệu người dân tại đây là công dân của quốc gia này. Báo cáo EF EPI phân loại thí sinh dựa vào quốc gia cư trú chứ không phải nước xuất xứ của họ. Việc này giúp đưa ra cái nhìn chính xác về trình độ tiếng Anh của dân số trưởng thành, nhưng do nhiều người đã làm các bài kiểm tra của chúng tôi tại UAE đã được giáo dục tại nước ngoài, trình độ tiếng Anh của họ không thể được sử dụng để đánh giá hệ thống giáo dục tại UAE.

Cũng như tại nhiều nước khác, ở UAE tiếng Anh là ngôn ngữ mặc định giữa hai người có tiếng mẹ đẻ khác nhau, nhưng lại không giống như những nơi khác, việc thiếu đi một thứ tiếng bản ngữ chung lại là điều phổ biến chứ không phải ngoại lệ tại đây. Điều đáng ngạc nhiên là trình độ tiếng Anh của UAE lại khá thấp mặc dù rất phổ biến tại đây. Việc tiếp xúc và sử dụng thông thường sẽ thúc đẩy mức độ thông thạo, nhưng trong trường hợp này mọi người dường như dùng một cách đối phó.

TIẾNG ANH Ở KHU VỰC MAGHREB

Mặc dù có lịch sử gắn liền với nước Pháp trong thương mại và di cư sang Pháp,

các nước vùng Maghreb ngày càng coi tiếng Anh như một cách để hiện đại hóa lực lượng lao động của họ và tăng cường tiếp cận với châu Âu. Mức độ thông thạo tiếng Anh vẫn còn rất thấp, nhưng các dự án thí điểm tại đây đang đặt mục tiêu cải thiện điều này.

Chẳng hạn, Hội đồng Anh và chính phủ An-giê-ri đã bắt đầu dự án SEEDS nhằm đào tạo giáo viên trong ba năm với mục đích phục vụ cho tất cả 32.000 giáo viên trung học trong cả nước với hình thức đào tạo trực tiếp và trực tuyến thông qua mạng lưới các thanh tra và giảng viên. Mục tiêu của họ là nâng cao điểm thi tiếng Anh trong kỳ thi tốt nghiệp trung học quốc gia hiện đang thấp hơn tất cả các môn học khác.

TÁCH BIỆT TIẾNG ANH VỚI VĂN HÓA PHƯƠNG TÂY

Ở các nước có xã hội truyền thống cao như Ả Rập Xê-út và Y-ê-men, chúng ta có thể thấy một sự phủ nhận tiếng Anh do những mối liên hệ về văn hóa của nó với phương Tây, tuy nhiên các cuộc điều tra dư luận luôn cho thấy rằng tiếng Anh được chấp nhận rộng rãi như một công cụ cần thiết cho việc giao tiếp quốc tế. Chính quan điểm then chốt này về tiếng Anh đã giúp cho ngôn ngữ này được áp dụng một cách triệt để và toàn diện. Tiếng Anh là ngôn ngữ nước ngoài duy nhất được dạy trong các trường học ở Ả Rập Xê-út và là ngôn ngữ giảng dạy trong nhiều chương trình đào tạo bậc đại học. Tuy nhiên nhu cầu về các tài liệu giảng dạy bằng tiếng Anh phù hợp hơn về văn hóa đang ngày một tăng lên.

Hệ thống giáo dục của Ả Rập Xê-út giống như nhiều nước trong khu vực MENA dựa chủ yếu vào việc học thuộc lòng và ghi nhớ để giúp các học sinh chuẩn bị cho các kỳ thi. Những phương pháp giảng dạy kém hiệu quả này khiến cho hầu hết các học sinh khi vào học đại học tại Ả Rập Xê-út cần có các khóa học tiếng Anh để khắc phục lỗ hổng trước khi có thể theo học. Tiếng Anh là ngôn ngữ sử dụng chính thức của Công ty Dầu Ả Rập Xê-út do nhà nước điều hành, và nhưng vẫn sẽ là một yêu cầu trong nhiều ngành nghề tại Vương quốc này. Tuy nhiên mặc dù nhu cầu về kỹ năng tiếng Anh lớn, hệ thống giáo dục sẽ cần cải cách mạnh mẽ trước khi có thể sẵn sàng đào tạo một lực lượng lao động hiện đại và sử dụng được tiếng Anh.

NHỮNG KHÓ KHĂN VỀ CƠ CẤU LAO ĐỘNG

Một trong những trở ngại lớn để cải cách giáo dục hiệu quả tại MENA là cơ cấu của thị trường lao động. Ở nhiều quốc gia MENA khu vực công sử dụng đến một nửa lực lượng lao động chính thức, một tỷ lệ cao hơn nhiều so với hầu hết các nền kinh tế bên ngoài khu vực. Sự tăng trưởng của khu vực tư nhân đã bị kìm hãm bởi các quy định bảo vệ cho các công ty có quan hệ với chính phủ khỏi cạnh tranh, quy định bao cấp nhiên liệu, và áp đặt các rào cản thương mại để loại bỏ các công ty nước ngoài. Hầu hết lĩnh vực lao động tại MENA là không chính thức, với chỉ 19% số người trong độ tuổi lao động có việc làm chính thức.

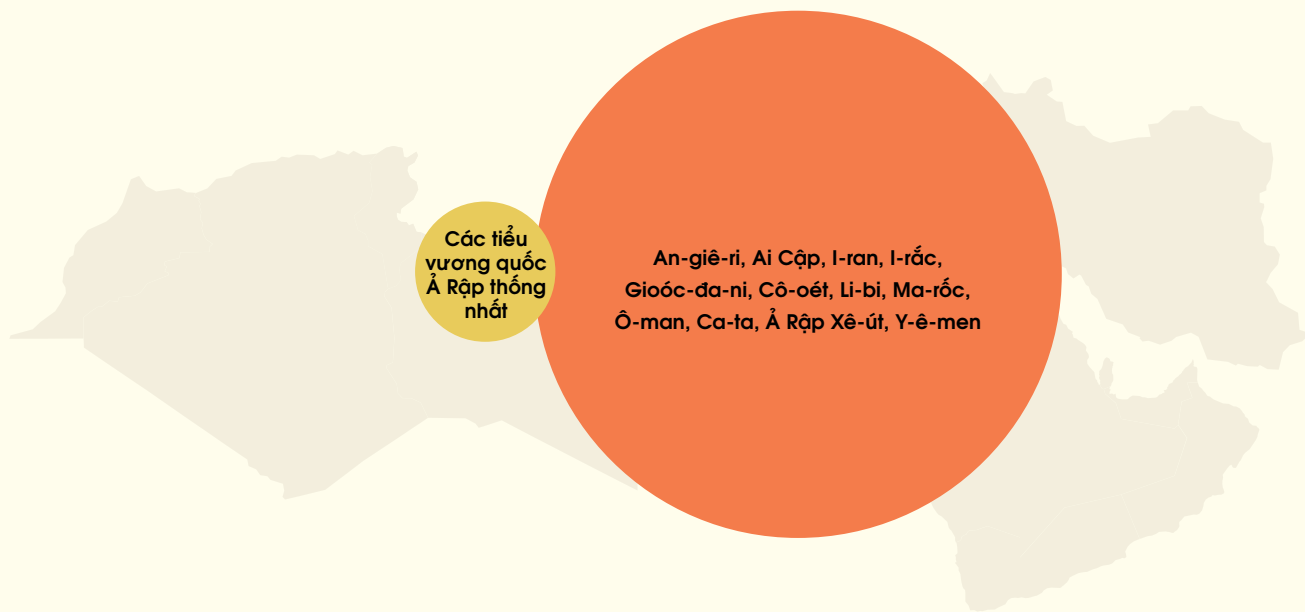
Tình trạng thiếu việc làm có thể nhận thấy rõ ràng ở tỷ lệ thanh niên thất nghiệp trong khu vực MENA, thậm chí cả những người có trình độ đại học. Những khó khăn về pháp lý để di cư sang châu Âu và các vùng khác trên thế giới khiến cho nhiều cử nhân trẻ tuổi phải lựa chọn giữa việc thiếu việc làm tại quê nhà hoặc sống trong những điều kiện bấp bênh ở nước ngoài.

Sự thiếu hiệu quả trong thị trường lao động khiến cho cải cách giáo dục càng trở nên khó khăn hơn. Những lợi ích của cải cách chưa chắc đã là rõ ràng đối với phát triển kinh tế hay tăng cường việc làm, và những biện pháp khuyến khích dành cho người trẻ không thúc đẩy họ hướng tới các thành tích về giáo dục.

KẾT LUẬN

Xét tổng thể khu vực MENA, việc cải cách các hệ thống giáo dục mặc dù cần thiết nhưng vẫn sẽ là không đủ để cân bằng động cơ kinh tế với các mục tiêu giáo dục trong tiếng Anh hay các lĩnh vực khác. Đặc biệt, việc tăng cường ứng dụng công nghệ và tái cơ cấu nền kinh tế nhằm khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân sẽ là một việc rất cần thiết.

TRUNG ĐÔNG VÀ BẮC PHI

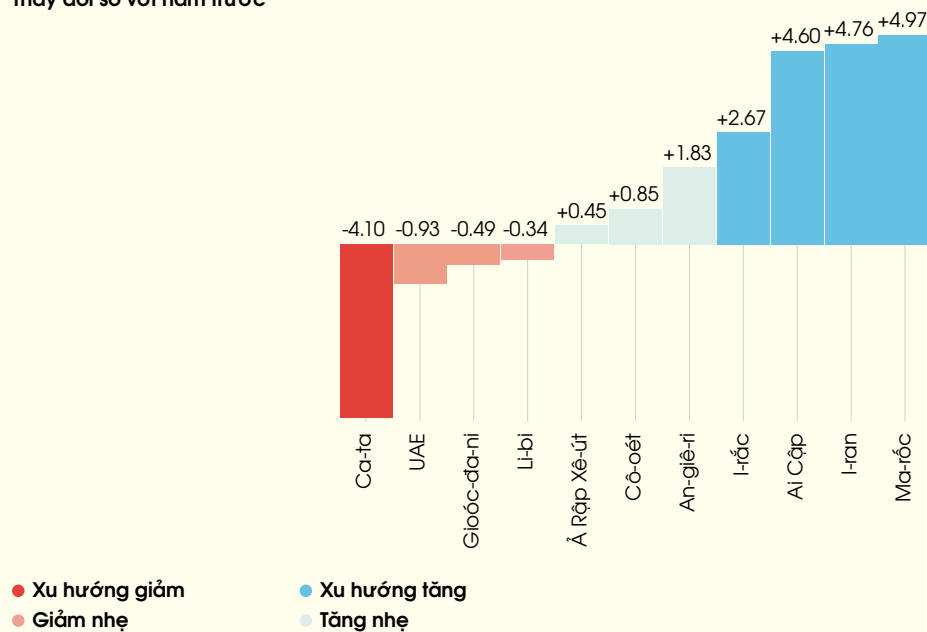


● Rất cao ● Cao ● Trung bình ● Thấp ● Rất thấp

XU HƯỚNG EF EPI

MENA có các mức độ biến động về điểm số cao nhất so với năm trước, với các thay đổi gần 5 điểm ở cả hai chiều. Mặc dù có 4 quốc gia đã đạt những tiến bộ vượt bậc, xét về tổng thể thì trừ Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất, MENA vẫn nằm trong Mức độ thông thạo: Thấp nhất.

Thay đổi so với năm trước



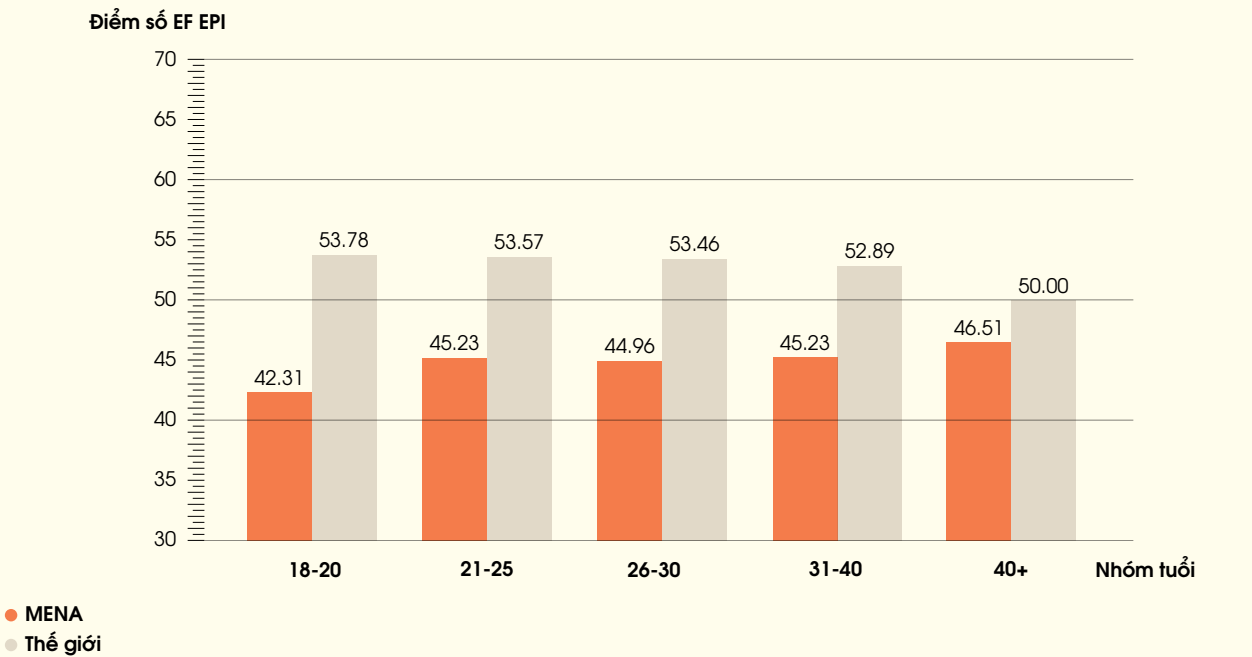
KHOẢNG CÁCH GIỚI TÍNH

Cả nam giới và nữ giới tại MENA đều có kết quả thấp hơn nhiều so với mức trung bình toàn cầu, trong đó nữ giới vượt qua nam giới và chênh lệch lớn hơn thông thường.



KHOẢNG CÁCH THẾ HỆ

Những người trưởng thành trên 40 tuổi có kỹ năng tiếng Anh tốt nhất tại khu vực MENA. Điều này là khác biệt với xu hướng toàn cầu là những thanh niên và những người ở giai đoạn giữa của sự nghiệp thường có trình độ tiếng Anh tốt nhất.



CÁC TIỂU VƯƠNG QUỐC Ả RẬP THỐNG NHẤT

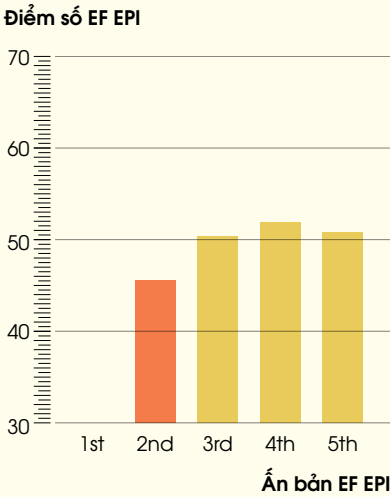
Mức độ thông thạo: Thấp
Điểm số EF EPI: 50.87



#42 trên 70 quốc gia

Người trưởng thành ở Các Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất là những người nói tiếng Anh tốt nhất trong khu vực, mặc dù mức độ thông thạo của họ vẫn còn thấp so với những nước đứng đầu ở các khu vực khác. Dù tiếng quốc ngữ là tiếng Ả Rập, tiếng Anh là ngôn ngữ thông dụng trong giao tiếp công sở, một phần do chỉ có một phần nhỏ người di làm tại UEA là người bản xứ. Trên 80% dân số là người nước ngoài. Với thực tế tiếng Anh thường được coi là điều kiện tiên quyết trong môi trường công sở quốc tế tại UAE, điều đáng ngạc nhiên là mức độ thông thạo tiếng Anh tại đây không đạt được kết quả cao hơn.

	Thay đổi so với năm trước	-0.93 ↘
	Điểm số TOEFL/IELTS	76; 4.4
	Số năm đào tạo trung bình	9.1
	Chi tiêu giáo dục	Không có
	GNI bình quân đầu người	59,890 đô la Mỹ
	Dân số	5,628,805
	Mức độ sử dụng Internet	88.0%
	Ngôn ngữ	Tiếng Ả Rập(chính thức), Ba Tư, tiếng Anh, Hindi, Urdu



Y-Ê-MEN

Mức độ thông thạo: Rất thấp
Điểm số EF EPI: 47.60



#51 trên 70 quốc gia

	Thay đổi so với năm trước	Không có
	Điểm số TOEFL/IELTS	70; Không có
	Số năm đào tạo trung bình	2.5
	Chi tiêu giáo dục	12.5%
	GNI bình quân đầu người	3,820 đô la Mỹ
	Dân số	26,052,966
	Mức độ sử dụng Internet	20.0%
	Ngôn ngữ	Tiếng Ả Rập (chính thức)

MA-RỐC

Mức độ thông thạo: Rất thấp
Điểm số EF EPI: 47.40



#52 trên 70 quốc gia

	Thay đổi so với năm trước	+4.97 ↑
	Điểm số TOEFL/IELTS	79; Không có
	Số năm đào tạo trung bình	4.4
	Chi tiêu giáo dục	18.3%
	GNI bình quân đầu người	7,000 đô la Mỹ
	Dân số	32,987,206
	Mức độ sử dụng Internet	56.0%
	Ngôn ngữ	Tiếng Ả Rập (chính thức), ngôn ngữ Berber (Tamazight (chính thức), Tachelhit, Tarifit), tiếng Pháp (thường là ngôn ngữ trong kinh doanh, chính phủ và ngoại giao)

GIOỐC-ĐA-NI

Mức độ thông thạo: Rất thấp
Điểm số EF EPI: 47.33

#53 trên 70 quốc gia



 Thay đổi so với năm trước	-0.49 ↘
 Điểm số TOEFL/IELTS	78; 6.1
 Số năm đào tạo trung bình	9.9
 Chi tiêu giáo dục	Không có
 GNI bình quân đầu người	11,660 đô la Mỹ
 Dân số	7,930,491
 Mức độ sử dụng Internet	44.2%
 Ngôn ngữ	Tiếng Ả Rập (chính thức), Tiếng Anh (được hiểu rộng rãi ở tầng lớp trung lưu và thượng lưu)

AI CẬP

Mức độ thông thạo: Rất thấp
Điểm số EF EPI: 46.73

#55 trên 70 quốc gia



 Thay đổi so với năm trước	+4.60 ↗
 Điểm số TOEFL/IELTS	83; 6.2
 Số năm đào tạo trung bình	6.4
 Chi tiêu giáo dục	9.9%
 GNI bình quân đầu người	10,790 đô la Mỹ
 Dân số	86,895,099
 Mức độ sử dụng Internet	49.6%
 Ngôn ngữ	Tiếng Ả Rập (chính thức), tiếng Anh và tiếng Pháp được hiểu rộng rãi bởi tầng lớp trí thức

I-RAN

Mức độ thông thạo: Rất thấp
Điểm số EF EPI: 46.59

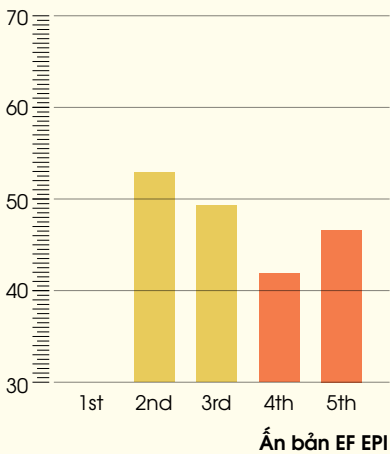
#56 trên 70 quốc gia



Mặc dù điểm số EF EPI của I-ran đã cải thiện gần 5 điểm so với năm trước, xu hướng chung trong vòng 6 năm qua chưa được tích cực. Mức độ sử dụng Internet tại I-ran còn thấp và với hầu hết học sinh, tiếng Anh chỉ bắt đầu được dạy tại trường trung học. Chỉ tiêu chính phủ cho giáo dục tại I-ran là cao hơn mức trung bình của khu vực, nhưng xét bình quân các học sinh dành thời gian đi học ít hơn vài năm so với những nước khác tại Trung Đông. Điều kiện giảng dạy tiếng Anh tại trường công được coi là kém chất lượng và nhiều học sinh tìm đến các cơ sở tư thục có phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm nhiều hơn.

 Thay đổi so với năm trước	+4.76 ↗
 Điểm số TOEFL/IELTS	82; 6.2
 Số năm đào tạo trung bình	7.8
 Chi tiêu giáo dục	17.0%
 GNI bình quân đầu người	15,610 đô la Mỹ
 Dân số	80,840,713
 Mức độ sử dụng Internet	31.4%
 Ngôn ngữ	Tiếng Ba Tư (chính thức) 53%, Azeri Turkic and phương ngữ Turkic 18%, Kurdish 10%, Gilaki and Mazandarani 7%, Luri 6%, Balochi 2%, Ả Rập 2%, khác 2%

Điểm số EF EPI



Ô-MAN

Mức độ thông thạo: Rất thấp
Điểm số EF EPI: 46.34

#58 trên 70 quốc gia



 Thay đổi so với năm trước	Không có
 Điểm số TOEFL/IELTS	65; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	6.8
 Chi tiêu giáo dục	10.9%
 GNI bình quân đầu người	52,780 đô la Mỹ
 Dân số	3,219,775
 Mức độ sử dụng Internet	66.5%
 Ngôn ngữ	Tiếng Ả Rập (chính thức), Tiếng Anh, Baluchi, Urdu, các phương ngữ Ấn Độ

CA-TA

Mức độ thông thạo: Rất thấp
Điểm số EF EPI: 43.72

#63 trên 70 quốc gia



 Thay đổi so với năm trước	-4.10 ↓
 Điểm số TOEFL/IELTS	77; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	9.1
 Chi tiêu giáo dục	7.4%
 GNI bình quân đầu người	128,530 đô la Mỹ
 Dân số	2,123,160
 Mức độ sử dụng Internet	85.3%
 Ngôn ngữ	Tiếng Ả Rập (chính thức), tiếng Anh được dùng phổ biến như ngôn ngữ thứ hai

CÔ-OẾT

Mức độ thông thạo: Rất thấp
Điểm số EF EPI: 42.65

#65 trên 70 quốc gia



 Thay đổi so với năm trước	+0.85 ↗
 Điểm số TOEFL/IELTS	72; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	7.2
 Chi tiêu giáo dục	13.4%
 GNI bình quân đầu người	84,800 đô la Mỹ
 Dân số	2,742,711
 Mức độ sử dụng Internet	75.5%
 Ngôn ngữ	Tiếng Ả Rập (chính thức), Tiếng Anh

I-RẮC

Mức độ thông thạo: Rất thấp
Điểm số EF EPI: 40.69

#66 trên 70 quốc gia



 Thay đổi so với năm trước	+2.67 ↑
 Điểm số TOEFL/IELTS	65; Không có
 Số năm đào tạo trung bình	5.6
 Chi tiêu giáo dục	Không có
 GNI bình quân đầu người	14,930 đô la Mỹ
 Dân số	32,585,692
 Mức độ sử dụng Internet	9.2%
 Ngôn ngữ	Tiếng Ả Rập (chính thức), Kurdish (chính thức), Turkmen (phương ngữ Thổ Nhĩ Kỳ) và Assyrian (Neo-Aramaic) là chính thức ở những khu vực chiếm đa số dân, Armenian

AN-GIÊ-RI

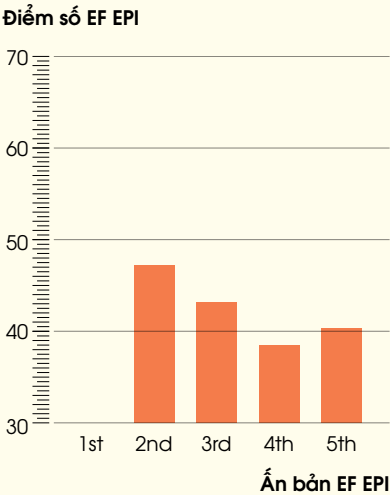


Mức độ thông thạo: Rất thấp
Điểm số EF EPI: 40.34

#67 trên 70 quốc gia

Mức độ thông thạo tiếng Anh của An-giê-ri là rất thấp và đang sụt giảm. Những người trưởng thành được đánh giá tại nước này là một trong những nhóm có kết quả thấp nhất. Trong khi tiếng Anh là ngôn ngữ chính trong kinh doanh và khoa học tại An-giê-ri, nó chưa có được vai trò lớn ngoài các lĩnh vực này. Môi trường ngôn ngữ của nước này khá năng động nhưng hầu như không có tiếng Anh: Tiếng Ả Rập là quốc ngữ và ngôn ngữ chính thức, tiếng Pháp vẫn phổ biến ở một số ngành nghề, và một vài phương ngữ Berber cũng được sử dụng rộng rãi.

	Thay đổi so với năm trước	+1.83 ↗
	Điểm số TOEFL/IELTS	73; Không có
	Số năm đào tạo trung bình	7.6
	Chi tiêu giáo dục	11.4%
	GNI bình quân đầu người	13,070 đô la Mỹ
	Dân số	38,813,722
	Mức độ sử dụng Internet	16.5%
	Ngôn ngữ	Tiếng Ả Rập (chính thức), Tiếng Pháp (ngôn ngữ cầu nối), các phương ngữ Berber: Kabylie Berber (Tamazight), Chaouia Berber (Tachawit), Mزاب Berber, Tuareg Berber (Tamahaq)



Ả RẬP XÊ-ÚT



Mức độ thông thạo: Rất thấp
Điểm số EF EPI: 39.93

#68 trên 70 quốc gia

	Thay đổi so với năm trước	+0.45 ↗
	Điểm số TOEFL/IELTS	61; 4.3
	Số năm đào tạo trung bình	8.7
	Chi tiêu giáo dục	17.7%
	GNI bình quân đầu người	53,640 đô la Mỹ
	Dân số	27,345,986
	Mức độ sử dụng Internet	60.5%
	Ngôn ngữ	Tiếng Ả Rập (chính thức)

LI-BI



Mức độ thông thạo: Rất thấp
Điểm số EF EPI: 37.86

#70 trên 70 quốc gia

	Thay đổi so với năm trước	-0.34 ↘
	Điểm số TOEFL/IELTS	73; Không có
	Số năm đào tạo trung bình	7.5
	Chi tiêu giáo dục	Không có
	GNI bình quân đầu người	28,080 đô la Mỹ
	Dân số	6,244,174
	Mức độ sử dụng Internet	16.5%
	Ngôn ngữ	Tiếng Ả Rập (chính thức), tiếng Ý, tiếng Anh, Berber (Nafusi, Ghadamis, Suknah, Awjilah, Tamasheq)

TIẾNG ANH, KINH TẾ VÀ CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG

Tiếng Anh đã lần đầu tiên phát huy ảnh hưởng như một ngôn ngữ của thương mại và ngoại giao quốc tế dưới thời Đế chế Anh Quốc, và sau đó trong thời kỳ phát triển kinh tế sau chiến tranh của Mỹ. Ở nhiều nước, tiếng Anh đã thay thế tiếng Pháp làm dấu hiệu của tầng lớp thượng lưu. Tuy nhiên quá trình toàn cầu hóa, đô thị hóa và Internet đã làm thay đổi vai trò của tiếng Anh trong 20 năm qua.

Ngày nay mức độ thông thạo tiếng Anh ít được gắn liền với giới thượng lưu hoặc xem như lợi thế về kinh tế, và cũng không còn gắn liền với nước Mỹ và vương quốc Anh như trước đây. Thay vào đó, tiếng Anh đang trở thành một kỹ năng cơ bản của toàn bộ lực lượng lao động toàn cầu, giống như việc biết chữ đã thay đổi trong hai thế kỷ qua từ một đặc quyền thượng lưu thành yêu cầu tối thiểu để trở thành một công dân.

Ngày nay có một điều đã trở thành chân lý rằng tiếng Anh khiến cho việc kinh doanh trên khắp thế giới trở nên dễ dàng hơn. **Chỉ số thuận lợi kinh doanh** (Biểu đồ A) của Ngân hàng thế giới và Tập đoàn Tài chính quốc tế xếp hạng môi trường pháp lý của các nền kinh tế trên thế giới theo mức độ thuận lợi trong việc thành lập và vận hành một doanh nghiệp. Chỉ số này có 10 chỉ số phụ, bao gồm sự thuận lợi để thành lập doanh nghiệp, thương mại xuyên biên giới, mức thực thi các hợp đồng và

chấm dứt kinh doanh. Ở những nước mà tiếng Anh không phải là ngôn ngữ chính thức, việc kinh doanh trở nên dễ dàng hơn khi các kỹ năng tiếng Anh của bạn tốt hơn.

Ngày càng có nhiều công ty như Nokia, Rakuten, Renault và Samsung chọn tiếng Anh làm ngôn ngữ của tập đoàn. Các quốc gia và công ty có mong muốn thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp cần lưu ý: kỹ năng tiếng Anh là một yếu tố quan trọng để tạo nên một môi trường kinh doanh thân thiện. Tiếng Anh đóng vai trò tạo ra các cơ hội, quyết định khả năng tuyển dụng và mở rộng tầm nhìn. Như vậy, tiếng Anh là chìa khóa để phát triển kinh tế của một quốc gia. Mức độ thông thạo Anh ngữ và **tổng thu nhập quốc gia bình quân đầu người** (Biểu đồ B) có thể tương tác qua lại với nhau – việc cải thiện kỹ năng tiếng Anh khiến cho lương tăng lên, việc này lại khuyến khích các chính phủ và cá nhân đầu tư nhiều hơn vào đào tạo tiếng Anh. Ở nhiều quốc gia, trình độ tiếng Anh cao hơn tương ứng với **ít thanh niên thất nghiệp hoặc không được đào tạo hơn** (Biểu đồ C).

Các chỉ số chất lượng cuộc sống như **Chỉ số phát triển con người (HDI)** (Biểu đồ D) cũng có tương quan tỷ lệ thuận với EF EPI. Chỉ số phát triển con người đo lường trình độ học vấn, tuổi thọ, khả năng biết chữ và mức sống. Chỉ có một vài quốc gia có trình độ tiếng Anh thấp hoặc vừa phải và mức độ phát triển

cao. Tuy nhiên tất cả các quốc gia có trình độ tiếng Anh cao và rất cao đều được đánh giá là có "chỉ số phát triển con người rất cao".

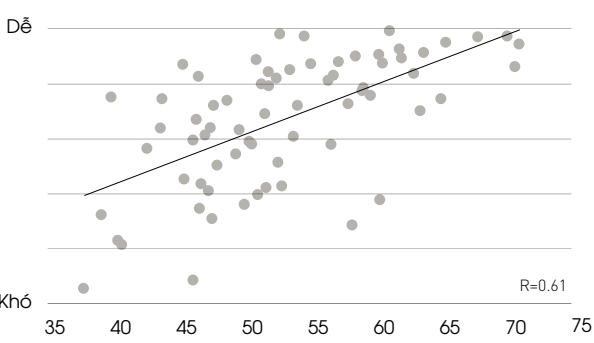
Các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh thường được xem là xa xỉ, chỉ được dạy tốt ở các trường tư thục và các chương trình du học. Những bằng chứng được trình bày trong báo cáo này cho thấy tiếng Anh là một kỹ năng cốt lõi hiện nay. Tiếng Anh có một vị thế đặc biệt, có thể được giảng dạy và kiểm tra với mức độ tương đương với các kỹ năng đọc tiếng mẹ đẻ và toán học. Xét về tầm quan trọng ngày càng tăng của tiếng Anh trong 20 năm qua, một vốn kiến thức thực tiễn và chắc chắn về ngôn ngữ này với các trẻ em ngày nay sẽ còn trở nên thiết yếu hơn khi các em gia nhập vào lực lượng lao động.



Tham gia EF EPI: Làm bài kiểm tra EFSET miễn phí tại efset.org

BIỂU ĐỒ A: TIẾNG ANH VÀ MỨC ĐỘ THUẬN LỢI KINH DOANH

Mức độ thuận lợi kinh doanh

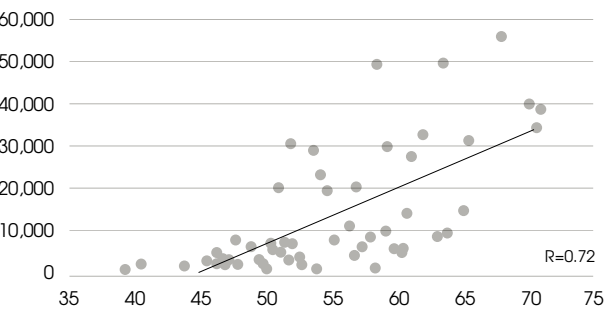


Điểm số EF EPI

Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2014

BIỂU ĐỒ B: TIẾNG ANH VÀ THU NHẬP

Thu nhập quốc dân ròng bình quân đầu người sau điều chỉnh (đô la Mỹ hiện hành)

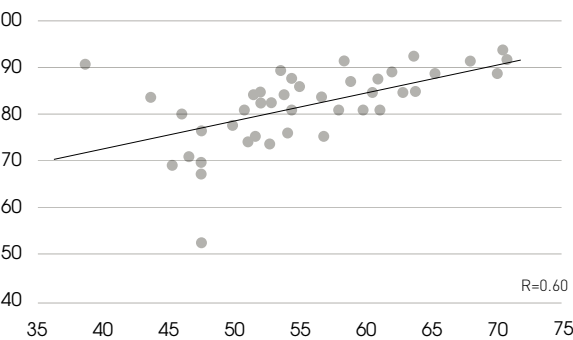


Điểm số EF EPI

Nguồn Báo cáo Phát triển con người Liên hợp quốc, 2014

BIỂU ĐỒ C: TIẾNG ANH VÀ VIỆC LÀMHOẶC ĐÀO TẠO CỦA THANH NIÊN

Tỉ lệ thanh niên đang đi học hoặc đi làm

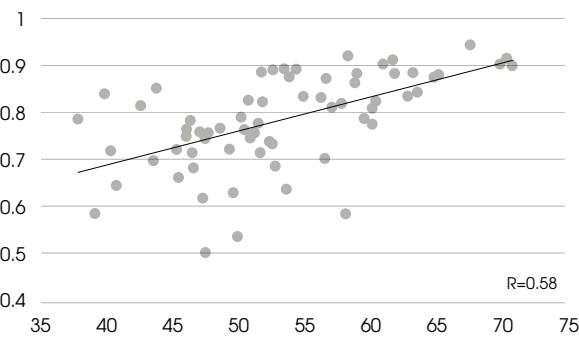


Điểm số EF EPI

Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2012

BIỂU ĐỒ D: TIẾNG ANH VÀ CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG

Chỉ số phát triển con người (HDI)



Điểm số EF EPI

Nguồn Báo cáo Phát triển con người Liên hợp quốc, 2014

TIẾNG ANH VÀ SỰ ĐỔI MỚI

Một thách thức chung của các công ty đa quốc gia là tạo ra sự gắn kết giữa đội ngũ lao động đa dạng về văn hóa. Tiếng Anh giống như một chiếc cầu nối giúp kết nối các nhân viên giữa các quốc gia và nền văn hóa và tạo nền tảng cho sự đổi mới.

Ngành công nghệ thông tin hoạt động dựa vào sự trao đổi thông tin quốc tế. Theo một cuộc khảo sát vào năm 2014 của Viện Kỹ sư Điện và Điện tử, 10 ngôn ngữ lập trình hàng đầu trên thế giới đều được viết bằng tiếng Anh. Hai trong số đó, Python và Ruby, được tạo ra bởi những người nói tiếng Anh không phải bản xứ. Các quốc gia có trình độ tiếng Anh cao hơn cũng có hoạt động sản xuất hàng **xuất khẩu công nghệ cao** (Biểu đồ E) phát triển mạnh hơn với nghiên cứu và phát triển (R&D) cường độ cao, chẳng hạn như các sản phẩm trong ngành hàng không, máy tính, dược phẩm, dụng cụ khoa học và máy móc điện tử.

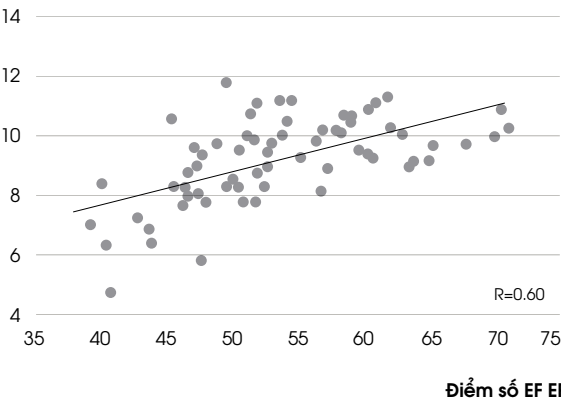
Tương tự như vậy tiếng Anh cũng đóng vai trò then chốt đối với khoa học và kỹ thuật ở quy mô quốc gia. Các nước có trình độ tiếng Anh cao hơn cũng có nhiều **nhà nghiên cứu** (Biểu đồ F) và **kỹ thuật viên R&D** (Biểu đồ G) tính theo bình quân đầu người hơn cũng như mức **chi tiêu lớn hơn cho hoạt động R&D** (Biểu đồ H). Khả năng học hỏi từ những nghiên cứu của người khác, tham gia vào các hội thảo và các công trình quốc tế cũng như cộng tác với các nhóm nghiên cứu đa quốc gia đều phụ thuộc vào trình độ tiếng Anh xuất sắc.

Các nhà nghiên cứu tại Mỹ xếp vượt trội về số lượng công trình khoa học được công bố hàng năm và Vương quốc Anh đứng thứ ba về số lượng công bố, chỉ sau Trung Quốc. Tuy nhiên mặc dù có số lượng công bố lớn, các nghiên cứu của Trung Quốc chỉ chiếm 4% số lượng trích dẫn trên toàn cầu về các ấn phẩm khoa học so với 30% với các nghiên cứu của Mỹ và 8% của Vương quốc Anh. Điều này chứng tỏ rằng các nghiên cứu của Trung Quốc ít được tích hợp hơn với nền kinh tế tri thức toàn cầu.

Các quốc gia có trình độ tiếng Anh thấp cũng có mức độ hợp tác quốc tế về nghiên cứu thấp một cách bất thường. Trong năm 2011 chỉ có 15% số bài báo khoa học được công bố ở Trung Quốc có nhắc đến một cộng tác viên quốc tế, so với hơn một nửa ở Bỉ, Đan Mạch và Thụy Điển. Việc thiếu khả năng tiếp cận các nghiên cứu do những người khác công bố và đóng góp cho đổi mới ở quy mô quốc tế là một thách thức lớn với các quốc gia thiếu hụt các kỹ năng tiếng Anh, ngay cả trong số các chuyên gia được đào tạo chuyên sâu.

BIỂU ĐỒ E: TIẾNG ANH VÀ XUẤT KHẨU CÔNG NGHỆ CAO

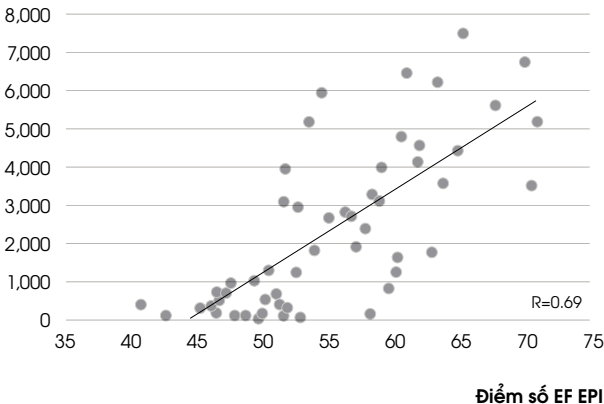
Xuất khẩu công nghệ cao (thang lôga)



Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2013

BIỂU ĐỒ F: TIẾNG ANH VÀ SỐ LƯỢNG NHÀ NGHIÊN CỨU

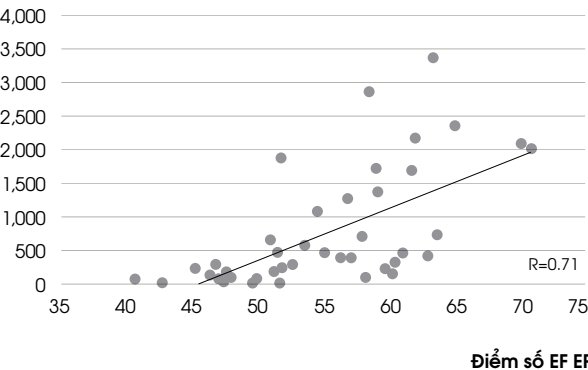
Số nhà nghiên cứu R&D trên 1 triệu người



Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2012

BIỂU ĐỒ G: TIẾNG ANH VÀ SỐ LƯỢNG KỸ THUẬT VIÊN

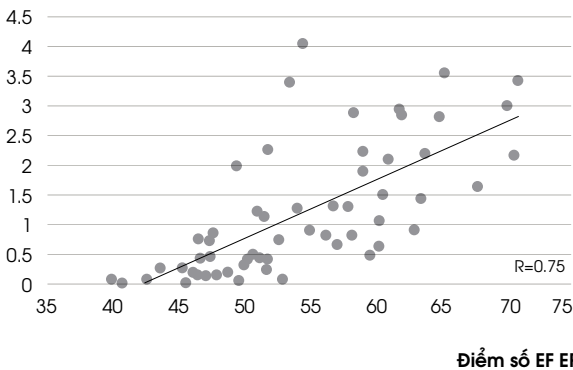
Số lượng kỹ thuật viên R&D trên 1 triệu người



Nguồn : Ngân hàng Thế giới, 2012

BIỂU ĐỒ H: TIẾNG ANH VÀ CHI TIÊU CHO ĐỔI MỚI

Chi tiêu cho Nghiên cứu và Phát triển (% của GDP)



Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2012

TIẾNG ANH VÀ SỰ KẾT NỐI

Những tiến bộ công nghệ đang giúp học viên học tiếng Anh hiệu quả hơn. Các nước có trình độ tiếng Anh cao cũng là nước có mức độ sử dụng Internet cao. Các kỹ năng tiếng Anh có tương quan tỷ lệ thuận với **số lượng người dùng Internet trong nước** (Biểu đồ 1). Ở nhiều quốc gia việc tự học, các khóa học trực tuyến mở (MOOC) và lớp học song song đều được thúc đẩy bởi truy cập Internet cả ở nhà và trường học. Công nghệ vẫn còn rất nhiều tiềm năng chưa khai thác ở lớp học ngoại ngữ.

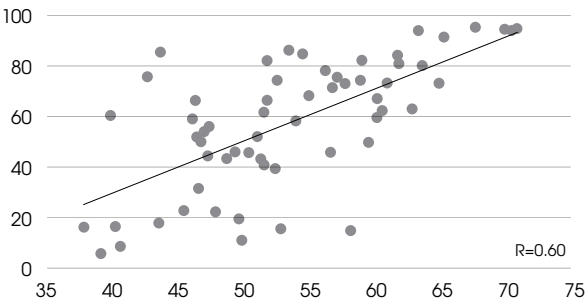
Học tiếng Anh trực tuyến là một hoạt động tự củng cố: các kỹ năng tiếng Anh tốt hơn giúp mọi người tiếp cận được nhiều hơn với các công cụ và tài nguyên trực tuyến, và việc truy cập này lại giúp cải thiện trình độ tiếng Anh của họ. Khoảng 56% tất cả các nội dung trực tuyến là bằng tiếng Anh. Ở các nước có trình độ tiếng Anh thấp hơn, các công cụ trực tuyến khiến cho việc học tiếng Anh được cá nhân hóa nhiều

hơn, mang tính tương tác nhiều hơn và dễ tiếp cận hơn. Tổ chức Groupe Speciale Mobile Association (GSMA) và Quỹ Mozilla Foundation ước tính rằng đến năm 2017 số lượng kết nối bằng thông rộng di động tại các nước đang phát triển sẽ đạt ba tỷ, một nửa trong đó sẽ là kết nối của điện thoại thông minh. Công nghệ di động sẽ giúp cho hàng tỷ người có thể gia nhập thế giới mạng và tương tác với nhau cũng như với các nhà nghiên cứu, doanh nhân, học giả và những người sáng tạo khác.

Khi những người không có chung tiếng mẹ đẻ gặp gỡ nhau như tình huống thường thấy trực tuyến, họ thường giao tiếp bằng tiếng Anh. Khi kết hợp lại với nhau thì Internet, một nền tảng truyền thông toàn cầu, và tiếng Anh, một ngôn ngữ toàn cầu sẽ cho phép phát tán nhanh chóng những ý tưởng và sự sáng tạo trên toàn thế giới.

BIỂU ĐỒ 1: TIẾNG ANH VÀ MỨC ĐỘ SỬ DỤNG INTERNET

Số người dùng Internet trên 100 người



Điểm số EF EPI

Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2013





KẾT LUẬN

Qua mỗi năm, các hệ thống giáo dục, các tổ chức và công ty đều thay đổi và thích nghi với vai trò của tiếng Anh như một ngôn ngữ chung của thời hiện đại. Ngày nay, khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong môi trường làm việc quốc tế là một yêu cầu trong các ngành nghề và các vị trí từng chỉ yêu cầu một ngôn ngữ một thập kỷ trước đây. Khi tiếng Anh ngày một trở nên phổ biến hơn, người ta càng công nhận rộng rãi sự cần thiết của việc xây dựng một vốn ngôn ngữ. Không phải ai cũng có khả năng sử dụng tốt tiếng Anh, cũng như không phải mọi người đều cần đến chúng.

Trong ấn bản này của EF EPI, chúng ta đã thấy rằng mặc dù nhu cầu đối với người dùng tiếng Anh trong lực lượng lao động khá ổn định, trình độ tiếng Anh ở người trưởng thành không tiến bộ đồng đều nhau. Khác với các mặt hàng tiêu dùng như dép xỏ ngón hay chip máy tính, nhu cầu ngày càng cao về các kỹ năng tiếng Anh là không đủ để đảm bảo một nguồn cung lớn hơn. Việc nắm vững một ngôn ngữ là việc khó khăn và tốn kém. Các kỹ năng của người trưởng thành, đặc biệt với các nhiệm vụ phức tạp như nói một ngôn ngữ đã được xây dựng theo quán tính. Ngoài ra, các kỹ năng tiếng Anh của người trưởng thành phần lớn được quyết định bởi các hệ thống trường công lập vốn ít được biết đến vì sự nhanh nhạy. Tuy nhiên những đặc điểm ổn định và theo quán tính vốn không mang tính tiêu cực. Đó còn là lý do mà trình độ tiếng Anh ở người trưởng thành cao hơn ở một số nơi trên thế giới.

Những chiến lược chung mà các nước có trình độ tiếng Anh cao theo đuổi gồm có:

- **Tách biệt tiếng Anh với các ngoại ngữ khác.** Những tranh luận công khai về vai trò của tiếng Anh trong nền kinh tế và hệ thống giáo dục giúp cân bằng các ưu tiên đầu tư của khu vực công và tư nhân, đồng thời giảm bớt sự căng thẳng giữa tiếng Anh và các ngôn ngữ quốc gia và ngoại ngữ cạnh tranh khác.

- **Tập trung vào các kỹ năng giao tiếp thực tiễn ngay từ đầu.** Các tổ chức khu vực công và tư nhân tham gia vào giáo dục tiếng Anh đều nhấn mạnh sự lưu loát, các kỹ năng nói và nghe, nhất là ở những người mới học. Nhiều nơi không còn chú trọng một ngữ âm tiếng Anh tiêu chuẩn lý tưởng. Việc giảng dạy nhấn mạnh vào ghi nhớ hơn là giao tiếp đã trở nên lỗi thời.

- **Đào tạo các giảng viên tiếng Anh để dạy tiếng Anh giao tiếp.** Nếu được xây dựng và thực hiện tốt, việc phát triển chuyên môn cho các giáo viên tiếng Anh và cải cách các chương trình đào tạo giáo viên cho các giáo viên nhiệt huyết là một khoản đầu tư thông minh bởi vì họ đào tạo cho nhiều thế hệ học sinh.

- **Phát triển các công cụ đánh giá trình độ tiếng Anh hiệu quả.** Các tình huống, nhu cầu và mục tiêu học khác nhau đòi hỏi việc đánh giá khác nhau. Việc cải cách các kỳ thi quan trọng là đặc biệt thiết yếu vì cách thức chúng tác động đến phương pháp sư phạm. Việc tạo ra các công cụ đánh giá chất lượng cao và dễ tiếp cận đối với đối tượng công ty và người học đã trưởng thành là phù hợp với các xu hướng tự do tiếp cận khác trong giáo dục thường xuyên.

- **Hỗ trợ nơi làm việc và đào tạo khu vực tư nhân đối với người lớn.** Trong nhiều trường hợp, học viên người lớn có cơ hội thường xuyên để tương tác với người bản ngữ tiếng Anh trong công việc, tạo động lực mạnh mẽ để cải thiện, và đầu tư nâng cấp kỹ năng của họ. Đào tạo tiếng Anh dành cho người lớn không thể bỏ qua của các cuộc thảo luận về tiếng Anh.

- **Đầu tư vào công nghệ và các công cụ học tập trực tuyến.** Đối với những người học tiếng Anh đã trưởng thành, những hình thức lớp học thay thế là vô cùng có ích. Các khóa học trực tuyến mở (MOOC), hướng dẫn tự học trực tuyến, và các khóa chuyên sâu vào ngày nghỉ có thể được kết hợp để hỗ trợ những người đang đi làm có động lực cải thiện tiếng Anh của mình vào thời gian riêng.

- **Xem xét tiếng Anh trong khuôn khổ các cải cách giáo dục khác.** Ở các nước có trình độ học vấn thấp và tình trạng bất bình đẳng cao, việc mang tới cho tất cả những người học cơ hội tiếp cận với ít nhất một thập kỷ giáo dục công tốt bao gồm giảng dạy bằng tiếng Anh chắc chắn sẽ dẫn đến mức độ thành thạo tiếng Anh tốt hơn ở người trưởng thành.

Mặc dù phải rất nỗ lực để thay đổi thực tế, việc hướng một quốc gia, khu vực hay một công ty tới một tương lai với một lực lượng lao động nói tiếng Anh không thể được coi là mục tiêu sai lệch. Xét về tính kinh tế, tiếng Anh sẽ còn giữ vai trò của nó ít nhất là trong vài thập kỷ tới. Chúng tôi hy vọng rằng bằng cách kiểm tra trình độ tiếng Anh ở người trưởng thành trên toàn thế giới chúng tôi đang góp phần vào những cuộc thảo luận về những quyết định chiến lược này.

PHƯƠNG PHÁP

Sau mỗi phiên bản, Báo cáo chỉ số Thông thạo Anh ngữ EPI ngày càng được trích dẫn như một nguồn dữ liệu đáng tin cậy bởi các nhà báo và các nhà giáo dục, các quan chức dân cử và các nhà lãnh đạo kinh doanh. EF hân hạnh được đóng góp vào các trao đổi đang tiếp diễn về đào tạo tiếng Anh trên toàn thế giới này. Để sử dụng EF EPI một cách hiệu quả, người đọc cần hiểu được phương pháp tính chỉ số này.

Chỉ số EF EPI được xây dựng mỗi năm từ một tập hợp các bài kiểm tra tiếng Anh được hoàn thành trong năm dương lịch trước đó bởi hàng trăm nghìn người trưởng thành trên toàn thế giới. Các dữ liệu cho ấn bản thứ năm này được tính toán từ 910.000 thí sinh đã hoàn thành hai bài kiểm tra tiếng Anh EF khác nhau trong năm 2014.

CÁC BÀI KIỂM TRA

Một bài kiểm tra được mở miễn phí cho bất kỳ người sử dụng Internet nào. Bài thứ hai là một bài kiểm tra xếp lớp trực tuyến được EF sử dụng trong quá trình tuyển sinh cho các khóa học tiếng Anh. Cả hai bài đều bao gồm các phần thi ngữ pháp, từ vựng, đọc hiểu và nghe hiểu.

Bài kiểm tra mở trực tuyến là bài kiểm tra gồm 30 câu, các câu hỏi tự động điều chỉnh độ khó dễ tùy theo các câu trả lời đúng hay sai trước đó của người thi. Một phân tích đã được tiến hành với 26.000 thí sinh đã hoàn thành nhiều phiên bản của bài thi tự điều chỉnh này nhằm xây dựng một phương pháp đồng nhất và ổn định để tính điểm cho thí sinh. Bài kiểm tra không tự điều chỉnh gồm có 70 câu hỏi. Tất cả các điểm số này đều có giá trị đối với các cấp độ học tại EF. Việc quản trị bài thi là giống nhau cho cả hai bài kiểm tra, trong đó các thí sinh hoàn thiện bài thi trên máy tính.

NGƯỜI THAM DỰ THI

Mặc dù mẫu nghiên cứu thí sinh cho Chỉ số thông thạo tiếng Anh EF có thiên lệch về những người quan tâm đến việc theo học tiếng Anh, mẫu chọn được cân bằng giữa các thí sinh nam và nữ và đại diện cho những học viên ngôn ngữ trưởng thành từ đủ các nhóm tuổi. Nữ giới chiếm 49,7% số lượng thí sinh, và độ tuổi trung bình của những thí sinh trưởng thành là 28. 98,5% các thí sinh trưởng thành ở độ tuổi dưới 60. Các thí sinh nam có xu hướng lớn tuổi hơn một chút, với độ tuổi trung bình lớn hơn nữ giới hai năm. Bởi vì các thí sinh có động lực được kiểm tra do quan tâm đến việc học tiếng Anh, mẫu nghiên cứu sẽ bao gồm chủ yếu là những người trưởng thành trong độ tuổi lao động, với xu hướng thiên về sinh viên và những người ở giai đoạn đầu sự nghiệp.

Chỉ những quốc gia có tối thiểu 400 người tham dự thi được đánh giá trong báo cáo chỉ số này, nhưng trong hầu hết các trường hợp số lượng người dự thi lớn hơn rất nhiều. Những quốc gia có số người dự thi ít hơn 100 người ở một trong hai bài thi cũng không được tham gia xếp hạng, dù có đạt yêu cầu về tổng số người dự thi. Có tổng cộng 70 quốc gia và vùng lãnh thổ đã tham gia vào báo cáo chỉ số lần này.

Chúng tôi nhận thấy những người làm bài thi thể hiện trong chỉ số này là tự chọn và không đảm bảo đại diện được cho cả quốc gia nói chung. Chỉ những người có mong muốn học tiếng Anh hoặc tò mò về kỹ năng tiếng Anh của mình tham gia vào một trong những bài kiểm tra này. Điều này có thể làm điểm số trung bình cao hơn hoặc thấp hơn so với điểm số của đại đa số người dân.

Những người tham gia dự thi không có nhu cầu gian lận kết quả trong những bài thi áp lực thấp này, bởi kết quả của những bài thi này không thể hiện trên chứng chỉ hoặc làm căn cứ để xét duyệt thí sinh vào chương trình học nào.

Các bài kiểm tra này được tiến hành miễn phí trực tuyến nên bất kỳ ai có kết nối mạng đều có thể tham gia. Hầu như tất cả những người dự thi là người đang đi làm hoặc thanh niên đang hoàn thành việc học. Những người không truy cập được Internet hoặc không sử dụng các ứng dụng trực tuyến sẽ tự động bị loại trừ. Chúng tôi dự tính rằng ở những nước mà việc sử dụng Internet còn hạn chế, ảnh hưởng của việc loại trừ này sẽ là yếu tố tác động mạnh nhất. Những yếu tố này sẽ có xu hướng kéo điểm số lên cao hơn do loại trừ những người nghèo hơn, những người có học vấn thấp và những người có hoàn cảnh khó khăn. Tuy nhiên, các phương pháp kiểm tra qua Internet mở rộng đã chứng minh được tính hiệu quả trong việc thu thập một lượng rất lớn dữ liệu về mức độ thông thạo tiếng Anh đang gia tăng trong lực lượng lao động toàn cầu.

CÁCH TÍNH ĐIỂM SỐ

Để tính toán điểm số EF EPI của một quốc gia, mỗi điểm kiểm tra được tiêu chuẩn hóa thành một tỷ lệ phần trăm chính xác cho bài kiểm tra đó theo tổng số các câu hỏi. Tất cả các điểm cho một quốc gia sau đó sẽ được tính trung bình dựa trên hai bài kiểm tra, với trọng số mỗi bài tương đương nhau. Các mức điểm trung bình của khu vực và toàn cầu được tính theo trọng số về dân số của mỗi nước trong mỗi khu vực.

Mỗi quốc gia được xếp hạng theo mức độ thông thạo dựa trên điểm số của mình. Các mức độ này cho phép công nhận một nhóm quốc gia có trình độ tiếng Anh tương tự và so sánh giữa các khu vực. Các mức độ được tuân thủ theo Khung Tham chiếu Chung Châu Âu (CEFR) và phân loại trình độ của EF. Mức độ thông thạo: Rất cao tương ứng với trình độ CEFR B2. Mức độ Cao, Trung Bình và Thấp tương ứng với cấp độ CEFR B1 và mỗi mức lại tương ứng với một mức trình độ EF. Mức độ Rất Thấp tương ứng với trình độ CEFR A2. Xin vui lòng xem trang 65 để biết thêm chi tiết về năng lực sử dụng Anh ngữ thể hiện theo từng trình độ.

CÁC NGUỒN DỮ LIỆU KHÁC

Cần lưu ý rằng chỉ số EF EPI được xây dựng từ một quá trình hoàn toàn khác so với khảo sát của các tổ chức nghiên cứu ý kiến dư luận như Euromonitor và Gallup, hay những điều tra về kỹ năng của OECD như PISA và PIAAC. Những nghiên cứu đó chọn đối tượng khảo sát qua độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn, thu nhập và một loạt các yếu tố khác để tạo nên một nhóm khảo sát. Những nhóm khảo sát này thường có quy mô nhỏ, nhiều nhất là vài nghìn người tham gia ở mỗi quốc gia, nhưng do họ đã được lựa chọn sử dụng các phương pháp chọn mẫu phức tạp, kết quả của chúng được coi là đại diện cho toàn bộ dân số.

Một nguồn dữ liệu khác về trình độ tiếng Anh xuất phát từ các hệ thống giáo dục quốc gia. Nhiều nước kiểm tra các kỹ năng tiếng Anh của tất cả các học sinh trung học sử dụng một kỳ thi được chuẩn hóa toàn quốc. Kết quả của kỳ thi có thể được công bố hoặc không và được các nhà giáo dục và các quan chức chính phủ sử dụng để đánh giá hiệu quả của cải cách giáo dục và xác định các lĩnh vực cần cải thiện.

Đáng tiếc là những kỳ thi cấp quốc gia này không thể so sánh được với nhau và không được áp dụng cho người trưởng thành, vì vậy mặc dù chúng là chỉ số có ích về trình độ tiếng Anh của học sinh trung học tại một quốc gia theo thời gian, chúng không thể so sánh học sinh giữa các quốc gia, cũng như không thể cho chúng ta biết điều gì về trình độ tiếng Anh của người trưởng thành.

Báo cáo chỉ số EF EPI không được xây dựng để cạnh tranh hoặc phủ định lại các với kết quả khảo thí quốc gia, dữ liệu thăm dò về ngôn ngữ hoặc bất kỳ tập dữ liệu nào khác. Thay vào đó, các bộ dữ liệu này có thể bổ sung cho nhau. Một số dữ liệu khá chi tiết nhưng chỉ giới hạn trong phạm vi một nhóm tuổi, quốc gia, hoặc thông tin về người dự thi. Chỉ số EF EPI có đặc tính tổng quát và khảo sát những người trong độ tuổi lao động trên toàn thế giới bằng cách sử dụng một phương pháp đánh giá chung. Hiện không có một bộ dữ liệu nào khác có kích thước và phạm vi tương đương với EF EPI, và mặc dù còn có những hạn chế, chúng tôi và nhiều người khác tin rằng đây là một điểm tham chiếu có giá trị trong những trao đổi về đào tạo tiếng Anh.

CÁC BÁO CÁO EF EPI LIÊN QUAN

CHUỖI NGHIÊN CỨU EF EPI GỒM BA BÁO CÁO RIÊNG BIỆT: BÁO CÁO CHÍNH EF EPI NÀY NGHIÊN CỨU MỨC ĐỘ THÔNG THẠO ANH NGỮ CỦA NGƯỜI TRƯỞNG THÀNH, EPI EF CHO CÔNG TY (EF EPI-C) NGHIÊN CỨU TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH CỦA ĐỘI NGŨ LAO ĐỘNG VÀ EPI EF CHO SINH VIÊN (EF EPI-S) KIỂM TRA TRÌNH ĐỘ CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC VÀ SINH VIÊN ĐẠI HỌC TRÊN KHẮP THẾ GIỚI. NĂM NAY CHÚNG TÔI PHÁT HÀNH ẤN BẢN EF EPI THỨ NĂM VÀ ẤN BẢN EF EPI-S ĐẦU TIÊN. ẤN BẢN EF EPI-C THỨ HAI ĐƯỢC PHÁT HÀNH VÀO NĂM 2014. TẤT CẢ CÁC BÁO CÁO ĐỀU CÓ THỂ TẢI VỀ TẠI WWW.EF.COM/EPI.

TỔ CHỨC GIÁO DỤC QUỐC TẾ EF

EF Education First (www.ef.com) là tổ chức giáo dục quốc tế tập trung chủ yếu vào lĩnh vực đào tạo ngôn ngữ, các chương trình học thuật và trao đổi văn hóa. Ra đời năm 1965 với sứ mệnh mở rộng cánh cửa ra thế giới thông qua giáo dục, EF có 500 trường học và văn phòng trên khắp 50 quốc gia. EF là Nhà Tài trợ Ngôn ngữ Chính thức cho Thế vận hội Olympics Mùa hè Rio 2016. Báo cáo Chỉ số Thông thạo Tiếng Anh EF (www.ef.com/epi) được xuất bản bởi EF Learning Labs - bộ phận nghiên cứu và sáng kiến của Tổ chức Giáo dục Quốc tế EF.

ĐIỂM SỐ EF EPI CỦA CÁC QUỐC GIA

Tổng quan thay đổi về Năng lực Anh ngữ trong năm qua:

Những thay đổi trong chỉ số EF EPI thể hiện sự khác biệt về năng lực Anh ngữ của một quốc gia từ ấn bản thứ tư đến ấn bản thứ năm. Những thay đổi lớn hơn 2 điểm —tăng lên hay giảm xuống —thể hiện sự thay đổi lớn về năng lực Anh ngữ. Ấn bản EF EPI lần thứ tư sử dụng dữ liệu các bài kiểm tra từ năm 2013 và ấn bản thứ năm từ năm 2014.

QUỐC GIA	EF EPI ẤN BẢN 4	EF EPI ẤN BẢN 5	THAY ĐỔI ĐIỂM SỐ
AN-GIÊ-RI	38.51	40.34	+1.83
ÁC-HEN-TI-NA	59.02	60.26	+1.24
ÁO	63.21	61.97	-1.24
A-DÉC-BAI-DAN	—	46.12	mới
BỈ	61.21	59.13	-2.08
BRA-XIN	49.96	51.05	+1.09
CAM-PU-CHIA	38.25	39.15	+0.90
CHI-LÊ	48.75	51.88	+3.13
TRUNG QUỐC	50.15	49.41	-0.74
CÔ-LÔM-BI-A	48.54	46.54	-2.01
CỐT-XTA RI-CA	48.53	50.53	+2.00
CỘNG HÓA SÉC	57.42	59.01	+1.59
ĐAN MẠCH	69.30	70.05	+0.75
CỘNG HÒA ĐÔ-MI-NI-CA	53.66	56.71	+3.05
Ê-CU-A-ĐO	51.05	51.67	+0.62
AI CẬP	42.13	46.73	+4.60
EN XAN-VA-ĐO	43.46	45.52	+2.06
E-XTÔ-NI-A	61.39	63.73	+2.34
PHẦN LAN	64.40	65.32	+0.92
PHÁP	52.69	51.84	-0.86
ĐỨC	60.89	61.83	+0.94
GOA-TÊ-MA-LA	45.77	49.67	+3.90
HỒNG KÔNG	52.50	52.70	+0.20
HUNG-GA-RI	58.55	57.90	-0.66
ẤN ĐỘ	53.54	58.21	+4.67
IN-ĐÔ-NÊ-XI-A	52.74	52.91	+0.17
I-RAN	41.83	46.59	+4.76
I-RẮC	38.02	40.69	+2.67
Ý	52.80	54.02	+1.22
NHẬT BẢN	52.88	53.57	+0.69
GIOỐC-ĐA-NI	47.82	47.33	-0.49
CA-DẮC-XTAN	42.97	47.04	+4.07
CÔ-OÉT	41.80	42.65	+0.85
LAT-VI-A	59.43	57.16	-2.27
LI-BI	38.19	37.86	-0.34

QUỐC GIA	EF EPI ẤN BẢN 4	EF EPI ẤN BẢN 5	THAY ĐỔI ĐIỂM SỐ
Lít-va	—	55.08	mới
Lúc-xăm-bua	—	63.45	mới
Ma-lai-xi-a	59.73	60.30	+0.57
Mê-hi-cô	49.83	51.34	+1.51
Mông Cổ	—	43.64	mới
Ma-rốc	42.43	47.40	+4.97
Hà Lan	68.99	70.58	+1.59
Na Uy	64.33	67.83	+3.50
Ô-man	—	46.34	mới
Pa-ki-xtan	—	49.96	mới
Pa-na-ma	43.70	48.77	+5.07
Pê-ru	51.46	52.46	+1.00
Ba Lan	64.26	62.95	-1.31
Bồ Đào Nha	56.83	60.61	+3.78
Ca-ta	47.81	43.72	-4.10
Ru-ma-ni	58.63	59.69	+1.06
Nga	50.44	51.59	+1.15
Ả Rập Xê-út	39.48	39.93	+0.45
Xinh-ga-po	59.58	61.08	+1.50
Xlô-va-ki-a	55.96	56.34	+0.38
Xlô-ven-ni-a	60.60	64.97	+4.37
Hàn Quốc	53.62	54.52	+0.90
Tây Ban Nha	57.18	56.80	-0.38
Xri Lan-ca	46.37	47.89	+1.52
Thụy Điển	67.80	70.94	+3.14
Thụy Sĩ	58.29	58.43	+0.14
Đài Loan	52.56	53.18	+0.62
Thái Lan	47.79	45.35	-2.45
Thổ Nhĩ Kỳ	47.80	47.62	-0.18
U-crai-na	48.50	52.61	+4.11
Các tiểu VQ Ả Rập thống nhất	51.80	50.87	-0.93
U-ru-goay	49.61	50.25	+0.64
Vê-nê-xu-ê-la	46.12	46.14	+0.02
Việt Nam	51.57	53.81	+2.24
Y-ê-men	—	47.60	mới

NĂNG LỰC NGÔN NGỮ VÀ CÁC CẤP ĐỘ CỦA KHUNG TIÊU CHUẨN CHUNG CHÂU ÂU

PHỤ LỤC C

MỨC ĐỘ CAO CẤP	C2	Có thể hiểu một cách dễ dàng hầu hết văn nói và viết. Có thể tóm tắt thông tin từ các nguồn thông tin nói hoặc viết, sắp xếp lại thông tin và trình bày lại một cách logic. Có thể diễn đạt tức thì, rất trôi chảy và chính xác, phân biệt được được các ý nghĩa tinh tế khác nhau trong các tình huống phức tạp.
	C1	Có thể hiểu những văn bản dài, phức tạp và nhận biết được hàm ý. Có thể diễn đạt trôi chảy và tức thì mà không phải khó khăn tìm từ ngữ diễn đạt. Có thể sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn. Có thể viết rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện được khả năng sử dụng tốt bố cục văn bản, từ ngữ nối câu và các công cụ liên kết từ ngữ.

MỨC ĐỘ TRUNG CẤP	B2	Có thể hiểu ý chính của văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy và tự nhiên để có thể giao tiếp thường xuyên với người bản ngữ mà không làm cho bên giao tiếp nào bị căng thẳng. Có thể viết văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.
	B1	Có thể hiểu được các ý chính của một diễn ngôn tiêu chuẩn (standard input), rõ ràng về các vấn đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v. Có thể xử lý hầu hết các tình huống có thể xảy ra khi đi đến nơi sử dụng ngôn ngữ. Có thể viết đơn giản nhưng liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng và hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình.

MỨC ĐỘ SƠ CẤP	A2	Có thể hiểu được các câu và cấu trúc thường xuyên được sử dụng liên quan đến nhu cầu giao tiếp tối cần thiết (chẳng hạn như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm). Có thể giao tiếp về những chủ đề giao tiếp đơn giản, sự vụ cần trao đổi thông tin về những vấn đề quen thuộc hàng ngày. Có thể mô tả đơn giản về bản thân mình, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.
	A1	Có thể hiểu và sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật và các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác và có thể trả lời những thông tin về bản thân mình như sống ở đâu, biết ai và có cái gì. Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm và rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.

TRÍCH DẪN THEO HỘI ĐỒNG CHÂU ÂU

Mọi quốc gia trong báo cáo EF EPI đều thuộc các mảng năng lực tương ứng với cấp độ A2 tới B2.

Không quốc gia nào có điểm số bình quân rơi vào cấp độ thấp nhất - A1, hay hai cấp độ cao nhất - C1 và C2.

Bollo, Eduardo et al. "A tale of two Mexicos: Growth and prosperity in a two-speed economy." March 2014. McKinsey and Company. http://www.mckinsey.com/insights/americas/a_tale_of_two_Mê-hi-cô

Central Intelligence Agency. "The World Factbook." 2014. <https://www.cia.gov/library/publications/resources/the-world-factbook/>

Chang, Bok-Myung. "The Role of English Language Education in Châu Âu Context." 15 June 2011. Pan-Pacific Association of Applied Linguistics 15(1): 191-206.

Council of Europe. Common European Framework of Reference for Language: Learning, Teaching, Assessment. Cambridge: Cambridge University Press, 2011.

Council of Europe. Education and Language Language Education. Language Education Policy Profiles. http://www.coe.int/t/dg4/linguistic/Profiles1_EN.asp#TopOfPage

Dugdale, Emily. "60% of Columbian teachers don't speak English: Education Minister." 11 July 2014. Columbia Reports. <http://Columbiareports.co/60-Columbian-teachers-dont-speak-tiếng Anh-according-education-minister/>

Education, Audiovisual and Culture Executive Agency. "Key Data on Teaching Language at School in Europe." European Commission. September 2012. http://eacea.ec.europa.eu/education/eurydice/documents/key_data_series/143EN.pdf

Eshtehardi, Reza. "Pro-ELT: A Teacher Training Blended Approach." October 2014. The British Council

Government of the Republic of Pa-na-ma. "Government and Ministry of Education launches Pa-na-ma Bilingual Program." 3 July 2014. <https://www.presidencia.gob.pa/19-Government-and-Ministry-of-Education-launches-Panama-Bilingual-Program>

Jung, Min-Ho. "CSAT English test will become easier." 27 August 2014. The Korea Times. http://www.koreatimes.co.kr/www/news/nation/2014/08/116_163711.html

Meng, Jing. "Online education boom brings wealth to English teachers." 26 January 2015. China Daily. http://www.TrungQuốcdaily.com.cn/business/2015-01/26/content_19403420_2.htm

Ministry of Education, Chile. "Programa Ingles Abre Puertas." 2014. <http://www.ingles.mineduc.cl/>

Ministry of Education, Malaysia "Preliminary Report Ma-lai-xi-a Education Blueprint 2013-2025." September 2012. <http://www.moe.gov.my/userfiles/file/PPP/Preliminary-Blueprint-Eng.pdf>

Organization for Economic Co-operation and Development. "PISA 2012 Results in Focus." 2012. <http://www.oecd.org/pisa/keyfindings/pisa-2012-results-overview.pdf>

Özen, Efşan Nas et al. "Turkey National Needs Assessment of State School English Language Teaching." November 2013. The Economic Policy Research Foundation of Turkey. http://www.tepav.org.tr/upload/files/haber/1395230935-0.Turkey_National_Needs_Assessment_of_State_School_English_Language_Teaching.pdf

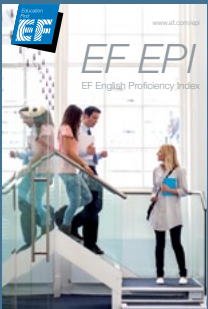
Schiffbauer, Marc Tobias et al. "Jobs or Privileges: Unleashing the Employment Potential of the Middle East and North Africa." The World Bank. 2015. <http://www.worldbank.org/en/region/mena/publication/jobs-or-privileges-unleashing-the-employment-potential-of-the-middle-east-and-north-africa>

Simões, Ana Raquel et al. "The Project English Plus: a CLIL approach in a Portugese school." December 2013. Indagatio Didactica 5(4). <http://revistas.ua.pt/index.php/ID/article/view/2565/2430>

Steer, Liesbet et al. "Arab Youth: Missing Educational Foundations for a Productive Life?" February 2014. Center for Universal Education at Brookings. http://www.brookings.edu/~media/research/files/interactives/2014/arab%20world%20learning%20barometer/arabworld_learningbarometer_en.pdf

Takahama, Yukihito. "Ministry telling schools to use private-sector English tests." 18 March 2015.

TRUY CẬP WWW.EF.COM/EPI ĐỂ TẢI NHỮNG ẤN BẢN TRƯỚC CỦA EF EPI.



EF ENGLISH PROFICIENCY INDEX
Ấn bản thứ nhất (2011)



EF ENGLISH PROFICIENCY INDEX
Ấn bản thứ hai (2012)



EF ENGLISH PROFICIENCY INDEX
Ấn bản thứ ba (2013)



EF ENGLISH PROFICIENCY INDEX
Ấn bản thứ tư (2014)

EF EPI

Chỉ số Thông thạo Anh ngữ